Y TIẾP SỨC TÀI NĂNG AN GIANG

TÌM HIỂU DI TÍCH, ĐỊA DANH XÃ HỘI AN

(Tài liệu nghiên cứu, tham khảo)





XUẤT BẢN 2010

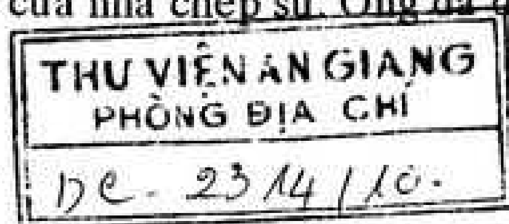
LỜI GIỚI THIỆU

Cây có cội, nước có nguồn, con người ai cũng có quê hương, bổn quán. Ở nơi đó, mái đình, ngôi trường, cây cầu, con sông, bến chợ… luôn là một phần đời sống vật chất, tinh thần của cư dân bản địa; là hình ảnh gắn bó với tuổi thơ vẫn luôn còn trong hoài niệm của những người xa xứ.

Ngày nay, nhiều làng quê yêu dấu trong tình cảm của các thế hệ cư dân đã thay đổi theo năm tháng, thậm chí chẳng còn cả tên gọi khi xưa huống chi là địa mạo. Không còn tên, không còn cảnh thì nơi cha ông ta đã khai khẩn, vun bồi, gìn giữ qua bao thăng trầm lịch sử phai dần trong tâm trí của những thế hệ kế tiếp là điều không tránh khỏi.

Hiện nay, việc nghiên cứu, tìm hiểu và ghi chép địa chí để cho mọi người nhớ về nguồn cội quê hương là một yêu cầu không thể thiếu được trong quá trình xây dựng nền văn hoá Việt Nam đậm đà bản sắc dân tộc. Nhiều cơ quan, tổ chức, cá nhân từ Trung ương đến địa phương đang thực hiện công việc đó theo nghề nghiệp được Nhà nước phân công.

Tuy vậy, ở huyện Chợ Mới, An Giang, nơi Lễ Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh đã dừng chân cách đây 310 năm lại có một người dân bình thường tự nguyện làm công việc âm thầm lặng lẽ của nhà chép sử. Ông đã dày công



sưu tầm qua tài liệu thư mục, qua lời kể của các bậc cao niên để dựng lại những nét tổng thể bức tranh của làng Hội An - Cái Tàu Thượng xưa và nay qua những địa danh cụ thể còn tồn tại đến bây giờ trên vùng đất xã Hội An anh hùng. Người đó chính là ông **Ông Kim Khải** - hậu duệ của một dòng họ đã gắn bó với bao biến cố thăng trầm của đất Hội An trên 100 năm qua.

Tài liệu ***"Tìm hiểu di tích, địa danh xã Hội An"*** dày 192 trang với nhiều hình ảnh phong phú ra đời trong thời điểm nhân dân ta tổ chức nhiều lễ kỷ niệm lớn hướng đến 1.000 năm Thăng Long - Hà Nội như là một món quà quí của người dân An Giang nói riêng, Nam Bộ nói chung nhằm thể hiện tình cảm của những người *"Từ thuở mang gươm đi mở cõi. Ngàn năm thương nhớ đất Thăng Long"*.

Xin trân trọng giới thiệu Tài liệu **Tìm hiểu di tích, địa danh xã Hội An** của ông **Ông Kim Khải** đến bạn đọc gần xa và mong nhận được các ý kiến phản hồi để tác giả bổ sung, chỉnh sửa hoàn chỉnh trong lần xuất bản sau.

Tiến sĩ Ngô Quang Láng

Phó Chủ tịch -Tổng thư ký Hội Sử học tỉnh An Giang.

LỜI NÓI ĐẦU

Hai tiếng Quê hương đã gợi nhớ gợi thương, khiến cho người đi xa càng lâu, càng xa càng nhụng nhớ. Nhớ thì nhớ, thương thì thương, nào có ai đâu tìm hiểu đến cội nguồn!

Nơi "chôn nhau cất rốn", ghi dấu sự hiện hữu của một đời người. Bởi lẽ, chuyện Nước đã có sử sách chép ghi. Còn chuyện Làng thì chỉ nghe mơ hồ trong lời kể!

Những việc bất gặp trong sinh hoạt hằng ngày nhưng thiếu sự ghi chép nên mọi người đều không biết. Có ai đã tự hỏi: Ngôi trường mà chúng ta đang theo học ai đã góp công, góp của để dựng xây? Và những ai đã từng dạy dỗ ông cha mình? Để từ đó sản sinh những tài năng, góp phần xây dựng và bảo vệ quê hương đất nước.

Chợ là nơi diễn ra sinh hoạt hằng ngày. Chợ là biểu tượng cho diện mạo làng quê. Ấy thế mà có biết đâu Chợ làng mình đã ba lần bốc cháy và cũng ba lần hồi sinh sau cơn bão lửa!

Và dòng nước kia vẫn lớn, vẫn ròng, vẫn lặng lẽ trôi, âm thầm chở dòng nước ngọt đến cho chúng ta gánh lên uống, thế mà dân làng vẫn thản nhiên thải rác bẩn xuống lòng sông. Đôi khi tàu ghe còn thải bỏ nhớt cặn, loang cả mặt sông mà không một chút chạnh lòng! Vậy

còn có mấy ai nghĩ đến công lao của người đào kinh, khai mương mang về dòng nước ngọt?

Nhiều lắm,...

Còn rất nhiều chuyện để nói về quê hương, xứ sở của mình. Đừng để bụi thời gian làm phủ mờ di tích mà lạc dấu cội nguồn. Và cũng đừng cho rằng những gì đã qua thuộc về quá khứ. Vì tìm lại quá khứ mới biết rõ cội nguồn.

Di tích là dấu vết của quá khứ còn lưu lại trong lòng đất hoặc trên mặt đất, có ý nghĩa về mặt lịch sử, văn hoá. Sưu tầm, tìm hiểu về địa danh, di tích làng Hội An từ thời khai mở với mục đích nhằm "ôn cố tri tân", giúp cho những người đang sống hiểu biết thêm công sức của các thế hệ tiền bối để từ đó ra sức giữ gìn, bồi đắp cho cuộc sống ngày càng tốt hơn, cùng nhau hướng tới một tương lai xán lạn...

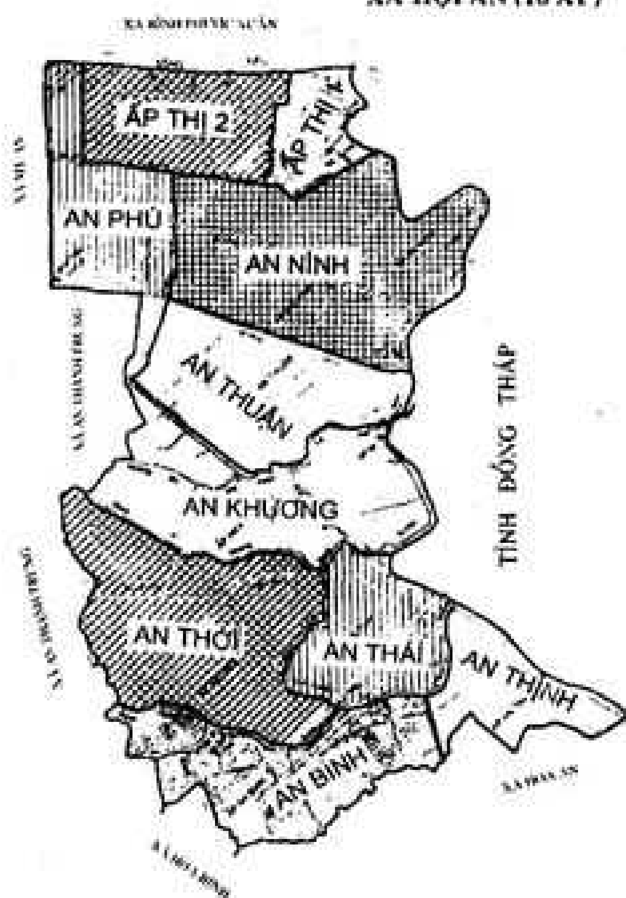
Xin cảm ơn các nhà tài trợ, các cơ quan hữu quan đã giúp đỡ cho quyển sách này được xuất bản và phổ biến. Mong rằng sẽ có nhiều địa phương quan tâm thực hiện công tác giáo dục truyền thống cho thế hệ trẻ hiểu biết về vùng đất mình đang sống để quý trọng, nâng niu và giữ gìn.

Nguyễn Hữu Khánh

Chủ tịch Quỹ Tiếp sức tài năng An Giang

Vài nét về xã Hội An

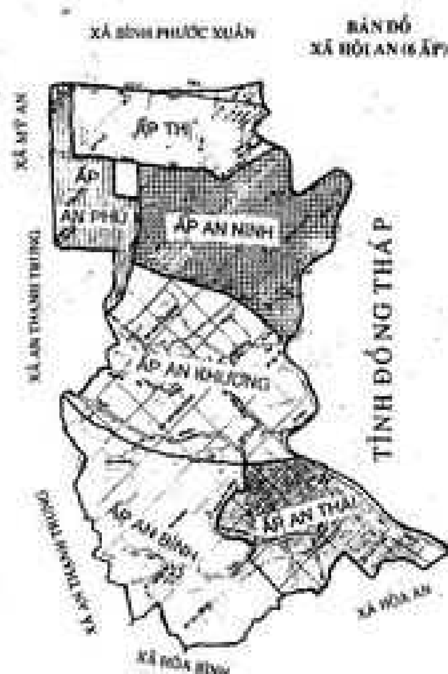
Xã Hội An có vị trí rất thuận lợi cho việc phát triển kinh tế, nằm trên trục giao thông chính, tiếp giáp 2 tỉnh An Giang - Đồng Tháp. Đông giáp nhánh sông Tiền, Đông Nam giáp xã Mỹ An Hưng A, Đông Bắc giáp Mỹ An, Tây Bắc giáp An Thạnh Trung. Xã có 10 ấp: An Phú, Ấp Thị 2, Ấp Thị 1, An Ninh, An Thuận, An Khương, An Thới, An Thái, An Thịnh, An Bình *(Trước tháng 03/2008, Hội An có 6 ấp).*



Diện tích tự nhiên: 2.314 ha; tổng số hộ: 4.778 hộ; dân số: 21.411 người. *(Số liệu điều tra tháng 03/2008).*

Làng Hội An được nhà nghiên cứu sử học Nguyễn Đình Đầu, trong quyển "Nghiên cứu địa bạ triều Nguyễn An Giang" đã cẩn thận ghi rõ: Tên của làng Hội An thời Gia Long là"Cựu Hội An thôn". Thuở ấy, trung tâm hành chính và sinh hoạt văn hoá của cộng đồng người Việt đều tập trung ở ngọn rạch Cái Nai.

Đặc trưng địa danh làng Hội An thời khai mở, nay vẫn còn những di tích của cộng đồng người Hoa gốc Triều Châu như: Triều minh Hội quán (sau này gọi là Thanh Đức cung), chùa An Long (còn gọi là chùa Phật) và địa danh "Xứ Rẫy Trầu", nay gọi là: ấp An Ninh và ấp An Thái của xã Mỹ An Hưng A. Điều này chứng tỏ cộng đồng cư dân đoàn kết, chung vai góp sức xây dựng quê hương Hội An ngày càng phồn thịnh.



Làng Hội An ngày xưa rộng lớn bao gồm các xã ngày nay như: Mỹ An Hưng A, Hội An Đông và một phần của xã An Thạnh Trung. Bởi lẽ, tên gọi "Chợ Cái Tàu Thượng, Rạch Cái Tàu Thượng" là địa danh của làng Hội An - một "cựu Thôn" đã được đo đạc, ghi chép rõ ràng từ thời vua

Minh Mạng. Năm 1867, Pháp chiếm trọn Nam Kỳ Lục Tỉnh. Sau đó, từ năm 1900 thành lập tỉnh Gia Định, Châu Đốc, Long Xuyên, Hà Tiên, Rạch Giá, Trà Vinh, Sa Đéc,...v.v..., làng Hội An thuộc về tỉnh Sa Đéc.

Tên gọi và địa giới hành chính của xã Hội An có nhiều thay đổi trong tiến trình lịch sử hàng trăm năm.

Năm 1893, Đội suất Nguyễn Trường Vạng cùng người em chú bác là Đội suất Nguyễn Trường Kỳ đề nghị chính quyền tỉnh Sa Đéc cắt một phần ở phía Bắc của làng Hội An, đoạn từ vùng Cống Rộc Sen đến xứ Tầm Vu (gần Bắc An Hoà ngày nay) để lập làng mới. Làng cũng do chính ông chỉ huy khai kinh để tháo nước ngập úng của vùng này.

Làng mới được mang tên là Hội An Thượng. Và vị Thần Thành Hoàng cũng không ai khác là ông Nguyễn Trường Huy "Hùng Kinh chi thần"[1]. Đình làng Hội An Thượng toạ lạc xứ Tầm Vu, thuộc ngọn cùng của Rạch Cái Nai. Và toàn bộ ấp An Bình cũng đã thuộc về làng mới. Vì thế cho nên, đình làng Hội An ở Ngã Bát phải dời về Vàm Cái Nai, thuộc ấp An Thái.

Năm 1910, do bất đồng giữa hai hương chức kỳ lão là ông Tham thần Phạm Văn Hiếu và ông Kế hiền Bùi Văn Hội, hai ông đã cùng đệ đơn đến chính quyền tỉnh Sa Đéc xin được chia làng. Năm 1912, nhằm năm Nhâm Tý, đơn được chấp thuận.

---

[1] *Năm 1893, đội suất Nguyễn Trường Huy qua đời, được vua Thành Thái truy phong "Hùng Kinh chi thần".*

Cơ sở hành chính của làng mới ở về hướng Đông, nên gọi là Hội An Đông (trụ sở làng toạ lạc tại Mương trường học, thuộc ấp An Quới). Thuở ấy, toàn bộ ấp An Thái thuộc về Hội An Đông.

Riêng làng Cựu Hội An[2], cơ sở hành chính và đình thờ thần ở Vàm Cái Nai đã thuộc về địa phận của làng mới. Thế nên, trụ sở của làng phải dời về vàm kinh cô Đội (gần miếu thờ cô Đội). Còn đình, nơi thờ thần thì cũng được xây dựng gần miếu ông Hổ. Việc thờ phượng, sắc ấn thần được qui định: Làng cựu Hội An được quyền giữ lại sắc ấn của Thần và hàng năm cúng Kỳ yên theo như thường lệ là 2 ngày 13 và 14 tháng 6 âm lịch. Làng mới Hội An Đông chỉ tạm thời mượn sắc ấn để tiếp tục cúng sau làng Hội An là ngày 15 và 16 tháng 6 âm lịch.

Việc này nhiều năm tiến hành như vậy, cho đến khi ông Lê Hồng Huân, người ở Hội An Đông lên làm cai tổng của tổng An Thạnh Thượng, ông buộc làng Hội An phải giao sắc ấn cho làng Hội An Đông phượng tự, vì nhà của ông gần với đình.

Điều này đã làm cho hương chức của Hội An cứ đến ngày cúng Kỳ yên là phải khăn áo chỉnh tề, kính viếng thầy cai trước, sau đó là trình báo với chính quyền sở tại, mới đến đình thần Hội An Đông để kiểm tra sắc ấn mà làm lễ rước thần. Những nghi thức ấy kéo dài đến năm 1937, khi ông Lê Hồng Huân mất, sắc ấn được trở về như thuở chia làng.

---

[2] *Đến năm 1917, trên địa bàn thôn Cựu Hội An có 3 làng: Hội An, Hội An Thượng, Hội An Đông thuộc tổng An Thạnh Thượng, quận Cao Lãnh, tỉnh Sa Déc.*

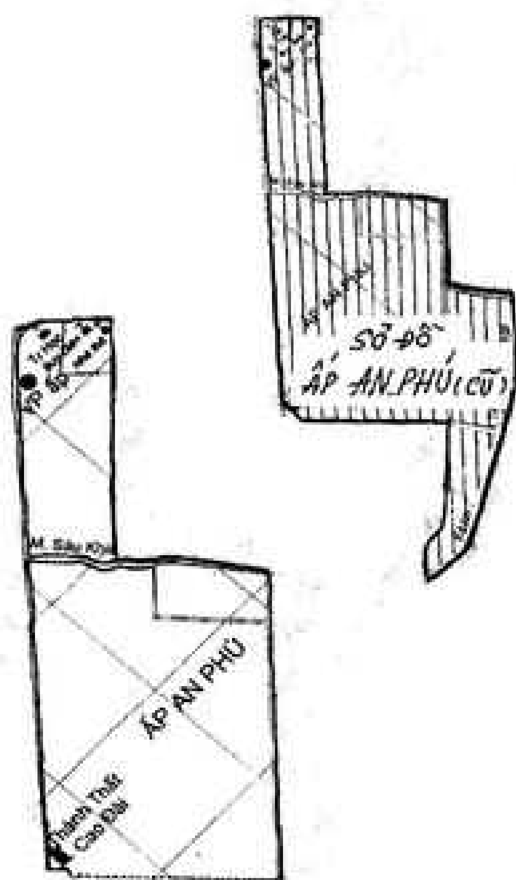
Xã Hội An đến tháng 8 năm 1945 thuộc tổng An Thạnh Thượng, quận Châu Thành, tỉnh Sa Đéc. Trong kháng chiến chống Pháp; Hội An thuộc huyện Lai Vung, tỉnh Sa Đéc. Từ năm 1957 đến năm 1975, xã Hội An thuộc quận Chợ Mới, tỉnh An Giang. Về phía cách mạng, từ năm 1965 đến năm 1974 Hội An thuộc quận Chợ Mới, tỉnh Kiến Phong; đến tháng 9 năm 1974 thuộc tỉnh Sa Đéc. Đầu năm 1976, Hội An trở về thuộc huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cho đến ngày nay.

ĐẶC ĐIỂM CỦA LÀNG HỘI AN

Ông bà thường nói "Rừng là vàng, biển là bạc". Làng Hội An không còn là rừng xanh từ cái thuở khai hoang lập làng, nó đã biến thành bãi dâu và ngày nay là biển lúa. Biển màu vàng, chớ không phải là biển bạc của trùng dương. Vàng ở đây cũng không phải là vàng mang bốn con số chín, một thứ kim loại được chọn làm của báu ở ngoại thân mà nó chính là thứ của báu nằm trong nội thân ở mỗi con người. Đồng thời, nó cũng là nguồn năng lượng vô biên để duy trì sự sống. Ta sống đây là nhờ vào hạt lúa, và làng Hội An đã chọn lúa làm nghề. Chính vì thế ở Hội An chỉ có xóm rẫy mà chẳng có xóm nghề gia truyền như: xóm mộc, xóm dệt. Nếu có chăng cũng chỉ là xóm lò. Đơn cử như: Xóm lò heo, xóm lò bún,..

Do sinh sống bằng nghề chuyên canh cây lúa nên chịu ảnh hưởng rất nhiều đến "mưa thuận gió hoà". Chính điều này đã tạo cho người dân Hội An tính cách rất giàu tình cảm và đầy nghĩa tình- một thứ tình cảm dạt dào và mênh mông như sóng lúa tràn đồng!

Ấp An Phú



Sơ lược về ấp An Phú

Toàn bộ ấp An Phú cũ được thêm một phần của Ấp Thị ở đầu kinh số 1, và bị cắt một phần nơi giáp ranh với ấp An Khương cũ. Vị trí hiện nay như sau: Đông: giáp nhánh sông Tiền và Ấp Thị 2; Tây:giáp xã An Thạnh Trung; Nam: giáp Ấp Thị 2 và ấp An Ninh; Bắc: giáp xã Mỹ An

Diện tích tự nhiên: 174,79 ha; đất Nông nghiệp: 139,86 ha có 335 hộ; dân số:1.752 người. (Thống kê ngày 15 tháng 03 năm 2008)

Địa danh,di tích gồm có:

1. Kinh Cựu Hội
2. Cống Rộc Sen
3. Thánh thất Cao Đài
4. Cổ Miếu Bà Đội
5. Nhà thờ Hội An

Kinh Cựu Hội

Dựa theo chuyện kể của thầy
Nguyễn Văn Na, sinh năm 1927,
Cựu Hiệu Trưởng trường Tiểu học Cộng đồng Hội An "A"

Kinh Cựu Hội là một đoạn kinh đào nhằm tháo nước ngập úng ở vùng trũng Rộc Sen, đồng thời cũng để phân định vị trí của làng Hội An thuộc tổng

An Thạnh, huyện Vĩnh An với làng Mỹ Luông của tổng An Toàn, huyện Đông Xuyên (nay là xã Mỹ An và An Thạnh Trung). Thế nên, gần 1.000 mét ở cuối kinh bên bờ thượng nguồn thuộc về ấp An Khương của làng Hội An cho đến ngày đất nước thống nhất.

Nói đến tên gọi "Kinh Cựu Hội" nhiều người nghĩ rằng kinh này có lẽ do một vị nào đó có tên Hội được nhà nước cử đến để coi việc đào kinh hoặc tên của một hương chức, phú thương, địa chủ nào đó ở trong kinh nên lấy đó làm tên gọi.

Thầy Nguyễn Văn Na kể lại theo truyền khẩu nguồn gốc của con kinh như sau: Kinh do ngài Đội suất Nguyễn Trường Huy chỉ huy đào vào gần cuối đời vua Tự Đức, phụ tá cho ông còn có vợ chồng Thầy đội phó (không rõ tên). Thuở ấy, vợ của Thầy đội phó văn võ song toàn nên được phân công để phụ trách vận chuyển lương thực, thuốc men và dụng cụ từ Sa Đéc đến kinh đào. Chẳng

may, thuyền của bà chìm ở sông Cái lớn. Bà và toàn thể binh sĩ tuỳ tùng đã bị nước cuốn trôi mất tích! Sau đó, dân làng được báo mộng yêu cầu lập miếu thờ bà.

Để tưởng nhớ công lao, dân làng lập miếu thờ bà gần vàm kinh. Lúc bấy giờ con kinh chưa được hoàn thành mà người đời đã gọi là kinh Cô Đội, miếu cô Đội.

• Vì sao kinh Cô Đội lại gọi thành kinh Cụ Hội?

Để làm sáng tỏ về tên gọi, người sưu tầm tìm gặp ông Trần Công Vinh, hiện đang cư ngụ sau miếu Bà Đội. Được biết, gia tộc của ông Vinh đã nhiều đời cư ngụ tại nơi này. Hơn nữa, thân phụ của ông cũng đã từng làm xã trưởng của làng Hội An ở cuối đời Pháp thuộc. Ông cho biết, xưa kia trụ sở của làng đặt gần miếu Bà Đội (nay là trường học). Nơi làm việc của các cụ hương chức, gọi là nhà Hội. Vì lẽ ấy, người đời gọi là kinh Cụ Hội. Còn việc gọi là Cựu Hội? Ông Vinh cho rằng do thói quen phát âm nên chữ Cụ thành Cựu, chữ Cái thành Cải như: Cụ Hội gọi trại ra là Cựu Hội, chợ Cái Tàu thành Cải Tàu.

Qua hai lời kể trên, chúng ta nhìn lại bối cảnh làng Hội An để rõ hơn. Năm 1912, làng Hội An bị chia làm thành 2 làng Hội An và Hội An Đông. Đình thần đang thờ phượng tại vàm Cái Nai đã thuộc về địa bàn của làng mới. Thế nên, làng Hội An phải thờ thần ở tại miếu thờ ông Hổ. Trụ sở của làng đặt gần miếu thờ Cô Đội. Đây là thời kỳ đầu của việc tách rời đình với làng, đánh dấu một nền hành chánh biệt lập mà làng Hội An được xem như là tiêu biểu.

Bởi lẽ, đình thì phải có "Ban tế tự" để chăm lo việc phượng thờ thần. Còn làng thì phải có "Ban Hội tề" là guồng máy cai trị của thực dân Pháp, nơi làm việc của làng người dân thường gọi là nhà Hội.

Nhà Hội được thành lập không mang lại lợi ích cho dân mà chỉ mang đến những nỗi lo âu, sợ sệt. Bởi lẽ, chính quyền thực dân đang ra sức mộ phu cho các đồn điền cà phê, cao su và tuyển lính để cung ứng cho các chiến trường có Pháp tham dự trong cuộc chiến tranh Thế giới lần thứ I (1914-1918). Không những vậy, việc mua bán, mỗi thứ đều phải đóng thuế. Thậm chí như bản thân của mỗi con người còn phải bị đóng thuế thân. Cũng chính vì những lý do nêu trên mà người dân rất lo sợ khi bị gọi đến nơi này. Chẳng khác nào âm đọc của chữ Hán Nho (cụ: cơn gió lốc, Hội: rối ruột), ghép lại Cụ Hội tức là cơn gió lốc làm rối ruột.

Ở đây gọi là Kinh Cụ Hội, cách gọi này mang tính ẩn dụ của người thời ấy, vừa tỏ thái độ tôn kính và chỉ rõ nơi chốn làm việc của làng, vừa bày tỏ nỗi kinh hoàng của người dân mỗi khi bị chính quyền gọi đến.

• Vì sao Kinh Cụ Hội lại gọi là Kinh Cựu Hội?

Năm 1927, trụ sở của Ban Hội Tề (tức nhà hội mới) được xây dựng tại đầu chợ Cái Tàu Thượng. Và trong quan hệ Dân với Chánh quyền luôn diễn ra nơi nhà hội mới. Khi ấy tại vàm kinh Cụ Hội không còn là nơi làm việc của các cụ hương chức. Thế nên, người dân đã gọi là Kinh Cựu Hội (tức Kinh có nhà hội cũ).

Cống Rộc Sen

Muốn biết vì sao lại gọi là Cống Rộc Sen, chúng ta cần phải chiết tự để làm rõ cội nguồn.

Cống: công trình ngầm hoặc lộ thiên để nước tự chảy qua, dùng vào việc tháo nước hoặc điều tiết nước (ở đây là một vùng trũng chứa nước ngập úng, điểm tiếp giáp để tháo nước ra nhánh sông Tiền là Kinh Cựu Hội).

Rộc: (nghĩa chữ) Lạch nhỏ mà cạn, chỉ vùng đất trũng thấp ở dựa mé nước đất Giồng.

Sen: Cây mọc ở nước, lá to tròn, hoa màu hồng hay trắng, nhụy vàng, hương thơm nhẹ. Hạt sen, củ sen, ngó sen dùng để ăn.

Căn cứ vào tên đã gọi Cống Rộc Sen và dựa vào địa hình đã có (nay vẫn còn trũng thấp so với các nơi khác) thì:

Xưa kia, khu vực này thuộc về địa phận khai phá của làng Hội An. Trong những ngày mùa mưa, nước lũ nơi đây là một vùng "biển nước ngập rừng" và bị ngập úng ngay cả vào mùa khô nắng.

Do hoàn cảnh địa lý nói trên nên thích hợp với môi trường phát triển của sen- một loại cây thiên nhiên thường mọc ở nơi bùn lầy, nước đọng. Ngày nay, chúng ta cũng vẫn còn nhìn thấy sen mọc ở những nơi ao hồ chung quanh khu vực này.

Việc đào kinh Cựu Hội, vừa là để phân định vị trí của làng Hội An và Mỹ Luông (nay là An Thạnh Trung và

Mỹ An) đồng thời, nó cũng nhằm vào mục đích tháo nước ngập úng ra sông. Bởi lẽ, phần cuối của con kinh là điểm hội tụ của một vùng trũng thấp, mà chung quanh chỉ mênh mông những nước. Thế nên, sau khi đào kinh địa thế nơi đây đã trở thành hồ cống, thu hút nước ngập úng của các chỗ đổ về. Từ đó, biến đoạn nước cuối kinh trở thành miệng cống thoát nước ra nhánh sông Tiền qua ngã kinh Cựu Hội.

Có trăn trở vì quê hương, chúng ta mới thấm thía được những giọt mồ hôi của tiền nhân là quí báu. Từ một vùng đất trũng thấp, quanh năm ngập úng đã được khai thông, những cụm rừng tràm đã lần hồi biến mất, để thay vào đó là những bãi dâu, ruộng lúa bạt ngàn.

Bên cạnh đó, con kinh Cựu Hội đã đáp ứng được nhu cầu sinh hoạt của cộng đồng cư dân. Đồng thời, hằng năm nó cũng đã mang lượng lớn phù sa về đây góp phần nâng cao vùng đất trũng. Thêm vào đó, nhiều thế hệ tiền bối cũng đã đào mương, lên liếp để làm rẫy lập vườn, với quyết tâm biến vùng trũng thấp thành nơi trù phú, để dân cư sống yên ổn mà làm giàu. Và quyết tâm này, được thể hiện qua việc phân ấp để đặt tên là An Phú.

Hiện nay, hầu hết cư dân đều gọi là Cống Rộc Sen có khi gọi tắt là Cống Sen, thậm chí còn viết là Cống Rọc Sen. Vì thế cho nên, chúng ta cần phải đối chiếu chữ Rọc với chữ Rộc để so sánh. Trên cơ sở đó, mới làm sáng tỏ được tên gọi của một địa danh.

Trước hết là chữ Rọc: nghĩa của nó là cắt dài theo chỗ gấp lại, chẳng hạn như rọc giấy, rọc lá chuối. Ở đây, chữ ghép là Rọc Sen. Trong khi, lá sen, bông sen, ngó sen thì phải cắt (dùng vật bén làm cho đứt ra), hái (ngắt lấy, bẻ lấy), ngắt (dùng hai móng tay mà bấm cho đứt ra).

Như vậy, Sen không thể rọc được. Bởi lẽ, lá sen thì phải còn nguyên mới dùng gói thịt, cá, mắm, muối. Cọng cần phải dài để cuộn lại thành lọn. Củ sen để nguyên mới bán được.

Chỉ có chữ Rộc, vì nghĩa của nó là: con rạch lâu ngày bị bồi lắng hoặc vùng đất trũng thấp ở các mé ruộng. Ở đây chữ ghép là Rộc Sen.

Chỉ có vùng trũng thấp như rạch cạn, nơi lắng đọng phù sa tạo nên bùn lầy. Đây mới chính là môi trường sống và sự phát triển của cây sen, như vậy tên gọi Rạch Sen hay Rộc Sen, tuy là gọi khác nhau nhưng cả hai cùng có chung một nghĩa.

*** Tên gọi Rọc Sen với Rộc Sen**

Cách phát âm gần như giống nhau, nhưng cả hai đều khác nghĩa. Dựa trên thực tế, tên gọi cống Rộc Sen là một sự tổng hợp bao gồm về địa hình lẫn thực vật đang có, mà tiền nhân của chúng ta đã lấy đó mà làm tên để gọi. Cũng nhờ thế, mỗi khi nhắc đến cống Rộc Sen hậu sanh của chúng ta cũng đã hình dung được nơi đây xưa kia là một hồ cống có rất nhiều cây sen mọc. Và khung cảnh "ngàn sen đua nở" vô cùng yên tĩnh và hữu tình.

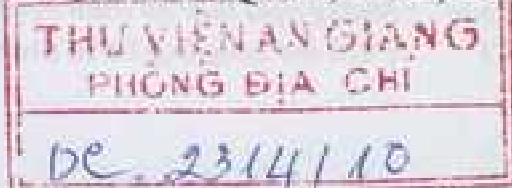
THÁNH THẤT CAO ĐÀI



Dựa theo chuyện kể của ông Huỳnh Văn Phỉ, sinh năm 1952, nguyên là chức việc Cao Đài. Hiện cư ngụ tại Ấp Thị 2, xã Hội An

Thánh Thất Cao Đài tọa lạc ở kinh Cựu Hội, là nơi hành lễ đạo và cũng là trụ sở của Ban đại diện Cao Đài "Ban Chỉnh Đạo", tỉnh An Giang, trực thuộc Toà Thánh ở An Hội, tỉnh Bến Tre.

Sở dĩ có thêm cụm từ "Ban Chỉnh Đạo" vì hiện nay, đã có đến 12 chi phái Cao Đài đang hành đạo. Do có sự khác biệt nhau về Kinh Thế Đạo như: Quan, Hôn, Tang,



Tế[3] và luôn cả hệ thống trị sự từ cấp địa phương đến Toà Thánh Tây Ninh của Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc và Toà Thánh Bến Tre của Đức Giáo Tông Nguyễn Ngọc Tương. Vì thế bổn đạo ở Hội An mỗi khi hành lễ phải xuống Thánh thất Cao Đài trong ngọn Đất Sét (nay là xã Mỹ An Hưng B) mới có chi phái của Bến Tre. Tuy có nhiều chi phái nhưng hầu hết tín hữu Cao đài đều là "tụ sĩ tại gia" và thờ Thiên Nhãn (mắt phía trái). Tôn danh để gọi Thiên Nhãn là Thầy.

Năm 1948, để tạo điều kiện thuận lợi trong việc lễ bái, bổn đạo Hội An đã phát tâm đóng góp được ba trăm giạ lúa và ủy quyền cho ông Trần Văn Ơn cùng với ông Nguyễn Văn Tựu, thay mặt bổn đạo mua lại hai mẫu đất của ông Lê Văn Oai làm công quỹ phước điền. Đồng thời, xây dựng trên phần đất ấy một Thất Thánh đơn sơ bằng vật liệu tre lá.

Năm 1951, Thánh Thất được xây cất lại bằng gỗ thao lao và vách ván

Năm 1967, nhằm năm Đinh Mùi, Thánh Thất Cao đài đã được đồng đạo đóng góp để xây dựng khang trang như ngày nay.

---

[3] *Quan, Hôn, Tang, Tế là những chữ viết tắt mang ý nghĩa như sau:*

Quan : Dạy sự nhận thức về mối quan hệ trong cộng đồng, xã hội.

Hôn : Việc gả cưới, hôn nhân và gia đình

Tang : Những nghi thức để chôn người chết

Tế : Cách thờ cúng ông bà và những nghi thức Lễ Đạo

Cổ Miếu Bà Đội



Dựa theo chuyện kể của thầy Nguyễn Văn Na

Là một di tích toạ lạc gần Vàm Kinh Cựu Hội. Di tích này đã từng gắn liền với tên của con kinh từ thuở ban đầu: Miếu Cô Đội- Kinh Cô Đội.

Sự hiển linh của Bà Đội từ bao đời nay đã khiến cho cư dân ngụ gần miếu phải hết lòng phụng tự. Đến nay, ngôi miếu đã khang trang, vách xây gạch, tường quét vôi, mái lợp ngói. Trên nóc ghi rõ bốn chữ "Cổ miếu Bà Đội", hàng ngày khói hương nghi ngút!

Vậy, Bà Đội tên gì? Quê ở đâu? Những câu hỏi đời thường ấy còn rất nhiều người ngộ nhận. Để việc ghi chép được rõ ràng hơn, người sưu tầm đã hỏi qua nhiều vị cao niên về miếu Bà Đội. Hầu hết đều khẩu phục, tâm phục về sự hiển linh của bà. Còn nguồn gốc ít ai hiểu

mạch lạc như thầy Nguyễn Văn Na- như đã trình bày ở phần kinh Cựu Hội. Tuy vậy, cũng được biết thêm quê hương của bà ở tận miền Trung thuộc tỉnh Quảng Ngãi.

Căn cứ vào truyền khẩu "Xưa kia bà cùng với binh sĩ tuỳ tùng đã mất tích ở ngoài sông Cái lớn, khi từ Sa Đéc về hướng kinh đào".

Sự mất tích nói trên đã khiến cho hậu sinh chúng ta vô cùng thương tiếc và lấy làm thắc mắc. Thương tiếc người làm công vụ bị tử nạn! Còn thắc mắc, vì bà vốn sinh trưởng ở miền Trung, nơi thường đối mặt với thiên tai bão lụt, chẳng lẽ nào sông nước Cửu Long vốn hiền hoà lại nhấn chìm thuyền của bà? Trong khi binh sĩ tuỳ tùng là những người cường tráng lại thạo việc sông nước, để vừa chèo chống, vừa chiến đấu bảo vệ tài sản cấp trên giao phó. Và nếu như bị chìm thì việc bơi vào bờ là chuyện bình thường, có đâu toàn bộ lại bị chết một cách oan uổng?

Vậy, chúng ta thử tìm về sông Cái lớn, kiểm tra lại từ điểm xuất phát ở Sa Đéc mà thầy Nguyễn Văn Na đã kể trong phần kinh Cựu Hội. Để từ đó, kiểm chứng lại xem thảm hoạ của hơn trăm năm về trước có đúng với những lời đã truyền khẩu.

* Căn cứ vào quyển Địa bạ triều Nguyễn (phần ghi chép về tỉnh An Giang) của nhà sử học Nguyễn Đình Đầu thì:

Làng Hội An thuộc tổng An Thạnh, huyện Vĩnh An, phủ Tân Thành, tỉnh An Giang. Hệ thống hành chánh

này không thay đổi từ thời vua Minh Mạng cho đến đầu thời kỳ Pháp thuộc (1867). Trụ sở của huyện Vĩnh An cũng như trụ sở của phủ Tân Thành đều đặt tại thôn Vĩnh Phước (ở Sa Đéc).

Căn cứ vào bia mộ của ông Nguyễn Trường Huy được vua Thành Thái truy phong là"Kiên công đô uý"- một võ quan cao hơn cấp tri phủ hai phẩm. Trên cơ sở này, chúng ta có thể hình dung ra được thời điểm đào kinh, ngài Đội suất Nguyễn Trường huy và ông Đội phó (chồng bà Đội) đã lãnh đạo về quân sự của phủ Tân Thành.

Thuở ấy, Sa Đéc rất phồn thịnh. Là trung tâm thương mại hàng đầu của miền sông nước Cửu Long, nơi giao lưu hàng hoá ở trong nước, lẫn ngoài nước như Lào và Chân Lạp đều tập trung tại nơi này. Trong điều kiện hành chánh và thương mại ấy, Sa Đéc chính là điểm xuất phát để chở lương thực, dụng cụ và thuốc men về nơi đang đào kinh.

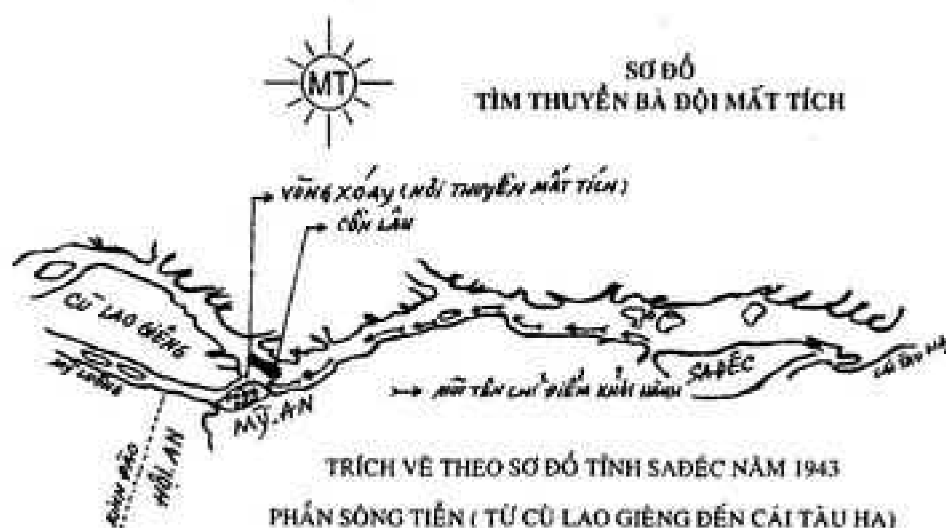
Tuy vậy, nơi mất tích là ở sông Cái lớn mà truyền khẩu thì không kể rõ tại nơi nào? Phải chăng là ở chỗ Ba Mũi? Một ngã ba sông hiểm nguy, đã từng cuốn hút rất nhiều thuyền bè của những người xứ lạ.

*** Sơ lược về Vòng Xoáy Ba Mũi**

Theo truyền khẩu của nhiều bậc cao niên ở rạch Cái Dứa, thuộc ấp Bình Phước, xã Bình Phước Xuân mô tả thì: *"Xưa kia, vòng xoáy là một hình quặng khổng lồ, có đường kính hơn hai mươi mét, trung tâm của vòng xoáy sâu hằng mấy mét"*.

Chuyện xưa cũng kể rằng, nơi vòng xoáy ấy có một cái hang thật to và thật sâu. Sự bí ẩn này, đã được người thời ấy đo thử bằng cách thả một trái dừa khô ở trên dòng nước. Đến khi trái dừa bị vòng xoáy cuốn hút, một người ở mé sông gần đó, dùng cây sào có treo một cái khăn để đưa lên cao mà làm tín hiệu. Đồng thời, lúc ấy cũng bố trí nhiều xuồng canh ở dưới dòng, khoảng cách mỗi xuồng canh vừa đủ một tầm nhìn. Khi nào nhìn thấy quả dừa nổi lên, thì đưa cao ngọn sào có treo khăn làm tín hiệu. Kết quả, trái dừa đã nổi lên ở làng Tân Mỹ (khoảng gần chợ Cai Châu). Tuy vậy, cũng có người kể nổi lên ở Nha Mân (Cái Tàu Hạ).

*** Sự hình thành và hiểm nguy của Vòng Xoáy ở Ba Mũi.**



TRÍCH VẼ THEO SƠ ĐỒ TỈNH SADEC NĂM 1943

PHẦN SÔNG TIỀN (TỪ CÙ LAO GIÊNG ĐẾN CÁI TÀU HẠ)

TRÍCH HÌNH VẼ TRONG QUYỂN " NGHIÊN CỨU ĐỊA BẠ TRIỀU NGUYỄN"
CỦA: NGUYỄN ĐÌNH ĐẦU

Căn cứ vào bản đồ tỉnh Sa Đéc do người Pháp vẽ vào năm 1943 giúp cho chúng ta nhận diện rõ hình thể của con sông Tiền (sông Cái lớn). Trong đó, vị trí của Cù lao Giêng đã làm phân lưu dòng chảy, tạo thêm một nhánh sông. Nhánh sông này chảy từ Mỹ Luông đến chợ Cái Tàu Thượng (sông Cái nhỏ), thì lại cong ở phần đuôi (đoạn từ bờ cuối làng Tân Phước với đoạn đầu bờ làng Tòng Sơn). Nay là bãi bồi của ấp Bình Tấn, xã Bình Phước Xuân và bến lở ở ấp An Bình của xã Mỹ An Hưng "A".

Đối diện với hai nơi này còn có Cồn Lân (nay là xã Tân Thuận Đông, thuộc về thành phố Cao Lãnh). Cồn này nằm giữa sông, làm ngăn cản dòng chảy. Và cũng chính cù lao này đã làm rõ nét địa thế của ba mũi. Từ đó, góp phần tạo nên sự hiểm nguy cho vòng xoáy. Bởi lẽ, lượng nước của nhánh sông Tiền chảy từ Mỹ Luông xuống chợ Cái Tàu Thượng đã bị toàn bộ ấp An Bình của làng Tòng Sơn cản lại. Khi đến ngã ba thì đã chảy cong theo đuôi của Cù lao Giêng. Cho nên, nước có khuynh hướng ngược dòng. Sự tuôn chảy của hai dòng nướcgiao nhau tại ngã ba sông đã tạo thành một vòng xoáy mãnh liệt và không ngừng theo chiều Bắc, Tây, Nam, Đông.

Đến khi nước ở thượng nguồn cạn kiệt, làm cho hình dáng của con sông Tiền cũng phải gầy đi, để lộ ra những thăng trầm của các bãi ven sông. Bên lở thì trơ toàn là cát, còn bãi bồi thì đậm đặc chất phù sa.

Những lúc triều cường, nước biển của bốn cửa sông như: Xoài Rạp, Cửa Đại, Hàm Luông, Cung Hầu, tất cả đều tập trung đổ thẳngvào một con sông Tiền nhỏ bé, lại đang lúc teo gầy. Vì thế cho nên nước mặn đã đẩy lùi nước ngọt trở về thượng nguồn. Khi đến làng Mỹ An (nay là xã Mỹ An Hưng "B"), đã bị phần đuôi của Cồn Lân cản lối. Từ đó, nước dồn lại nhiều hơn ở đoạn sông Mỹ An, Tân Tịch. Trong khi ở khu vực Ba Mũi, đang cần một lượng nước rất lớn mới đủ cung cấp cho các sông rạch đang hồi cạn kiệt.

Sự khô cằn của những chi lưu trực thuộc sông Cái lớn và nhánh sông nhỏ nằm trên phần thượng lưu đã thu hút dòng chảy ở đoạn sông Tòng Sơn- Cồn Lân càng chảy nhanh hơn mới đủ cung cấp. Và khi nước đưa đến Ba Mũi, sức hút của sông Cái lớn với sức hút của nhánh sông Cái nhỏ tạo thành một vòng xoáy theo chiều hướng "Nam, Đông, Bắc, Tây". Vòng xoáy này càng mãnh liệt và nguy hiểm mỗi khi gặp lúc triều cường, có kèm theo gió chướng.

* Căn cứ vào ngày 16 tháng 3 âm lịch hàng năm là ngày cúng vía của bà. Chúng ta cũng nên kiểm tra lại, để hiểu rõ về hoàn cảnh lâm nạn của bà.

Ngày 16 hằng tháng là chu kỳ của triều cường, tháng 3 âm lịch là thời điểm của mùa gió chướng. Và đây cũng là mùa khô cạn, rất thích hợp cho việc đào kinh. Trong bối cảnh thời tiết ấy, đã làm thuyền của bà gặp phải nguy hiểm mà mất tích. Bởi lẽ, lộ trình của bà đi từ Sa Đéc đến kinh đào đã thuận buồm để xuôi theo dòng

nước mà ngược về hướng thượng nguồn. Khi đến ngã ba sông, gặp phải gió chướng khiến cho những đôi tay lực lưỡng mà không thể điều khiển được dây buồm, cộng thêm những đôi tay cố sức để chèo cũng không làm sao lái được con thuyền đang say mê trong vũ điệu "vòng xoay" trước khi lặn sâu và mất hút!

Những lý do nêu trên, chúng ta có thể hình dung ra được: Bà Đội chìm thuyền và mất tích ở chỗ Ba Mũi, nơi tiếp giáp phần sông của ba thôn thuở ấy là: Tân Phước, Tòng Sơn, Tân Thuận. Nay gọi là xã Bình Phước Xuân, Mỹ An Hưng "A" và Tân Thuận Đông.

Cho đến sau này, ven bờ của ấp Bình Tấn (phần ở nhánh sông Cái nhỏ) mỗi ngày cứ bồi ra. Trong khi bờ của ấp An Bình thuộc về xã Mỹ An Hưng "A" (phần tiếp giáp sông Cái lớn và sông Cái nhỏ) bị sạt lở. Hiện tượng bên bồi, bên lở đã làm thay đổi dòng chảy, đến năm 1979, nước đã thuận dòng. Từ đó ở Ba Mũi người ta cũng không nhìn thấy vòng xoáy như ngày nào, vì sự hiểm nguy đã trôi theo dòng nước. Và thảm họa xưa kia cũng vùi sâu trong quá khứ.

Hơn trăm năm nay Bà Đội vẫn mãi mãi hiển linh. Ngoài ngày lễ cúng vía 16 tháng 3 hàng năm, mỗi ngày rằm đều có người dâng hoa quả cúng bái. Khôngnhững thế, nhiều người được Bà linh ứng phù hộ cũng đã đến đây để cúng tạ lễ. Những gia đình cư ngụ gần miếu, hàng ngày cũng thường đến thắp hương để tỏ lòng thành kính.

Nhà Thờ Hội An



Lúc ban đầu Nhà cầu nguyện toạ lạc gần ngã tư dốc cầu đúc Cái Tàu Thượng, đối diện Lăng miếu ngài Tuyên Trung Hầu.

Danh nghĩa là Nhà Thờ, nhưng thực tế chỉ là nhà cầu nguyện của gia đình ông Hồ Văn Chánh, ngụ tại chợ Cái Tàu Thượng, với gia đình của bà Trương Thị Núi, ngụ ở bên kia sông gần vàm rạch. Tổng số con chiên của hai gia đình công giáo đếm không đủ trên mười ngón tay. Nhưng cũng thành lập được một nhà cầu nguyện để thực hành lễ đạo.

Thuở ấy chu vi của nhà cầu nguyện chỉ độ chừng hai lăm mét vuông, nền đất, vách ván, mái tôle, xây cất xen kẽ với cư dân ngoại đạo. Nhà cầu nguyện chỉ tồn tại được một năm thì chính quyền Ngô Đình Diệm bị lật đổ, khiến cho nhà cầu nguyện trở nên vắng vẻ. Hồi ấy, cũng không ai nhớ rõ là đã tháo dở tự bao giờ.

Năm 1969- 1970, giáo phận ở Long Xuyên đã cấp kinh phí để xây dựng nhà cầu nguyện trên phần đất của công điền (gần bến đò Cái Tàu qua ấp Bình Tấn). Lần xây cất này bằng vật liệu tường xây gạch, cột cây, mái ngói và nền tráng ciment. Chu vi cũng thừa sức chứa gần ba mươi giáo dân ngoan đạo đang làm ăn, sinh sống tại khu vực chợ Cái Tàu.

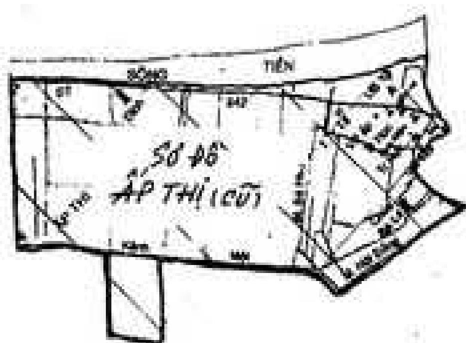
Năm 1994, khu vực Kinh mới nằm trong qui hoạch. Vì lẽ ấy, nhà nước đã bồi thường hai mươi triệu đồng để di dời Nhà nguyện. Trong hoàn cảnh ấy, thầy Trang- chủ của một trại cây ở xã Mỹ Luông mua lại nền nhà của bà Ngọc Bừa, ngụ tại ranh ấp An Phú với Ấp Thị, chiều dài là 90 mét và chiều ngang rộng 15 mét, trị giá là 85 chỉ vàng 24K.

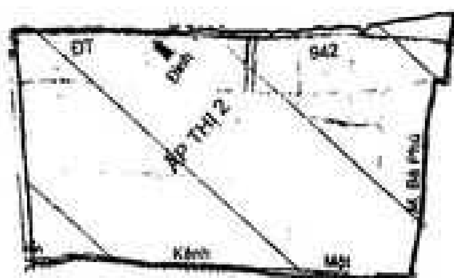
Trên cơ sở đã có mặt bằng, linh mục Nguyễn Hùng Sơn ở nhà thờ Cồn Phước, đã vận động giáo dân của địa phận Mỹ Luông đóng góp để xây dựng Nhà thờ khang trang vào năm 2000. Đây cũng là niềm hãnh diện của gần năm mươi giáo dân ở Hội An khi đến nguyện kinh vào những ngày chúa nhật.

Ấp Thị 2

Sơ lược về Ấp Thị 2

Được Uỷ Ban Nhân dân tỉnh An Giang thành lập vào ngày 15 tháng 3 năm 2008 từ hơn 2/3 diện tích Ấp Thị cũ và bị cắt một phần giáp ranh ấp An Phú, ấp An Ninh cũ. Vị trí hiện nay như sau: Đông giáp nhánh sông Tiền; Tây giáp ấp An Phú và ấp An Ninh; Nam giáp Ấp Thị 1; Bắc giáp ấp An Phú. Diện tích tự nhiên: 208,52 ha, đất Nông nghiệp: 143,81 ha, có 671 hộ với 2.739 người *(Thống kê ngày 15 tháng 03 năm 2008)*





Địa danh,di tích gồm có:

1. Đình thần Hội An.
2. Mương Đình.
3. Miếu ông Hổ.
4. Mương Ba Đon.
5. Trạm cấp nước.
6. Mương Bà Phú.

ĐÌNH THẦN HỘI AN

Dựa theo truyền khẩu

Lúc ban đầu đình toạ lạc tại ngã Bát. Sau đó, tách một phần ở phía Bắc của làng Hội An để lập làng Hội An Thượng nên được dời về vàm rạch Cái Nai (khu trường học bây giờ).



Đình thờ Bổn Cảnh Thành Hoàng, được sắc phong vào ngày 29 tháng 11 năm 1852, nhằm năm Nhâm Tý, thuộc về năm thứ 5 đời vua Tự Đức (dấu mộc ấn là vua Minh Mạng).

Việc phong sắc thần cho làng là điều cần thiết nhằm đáp ứng nhu cầu khai hoang để phát triển vùng đất mới, có lợi cho đất nước và giữ vững một vương triều. Nó vừa

là nơi sinh hoạt văn hoá trong dân gian vừa là điểm dựa về mặt tinh thần để dân chúng sống an cư lạc nghiệp và thể hiện lòng biết ơn của một triều đại đối với vị công thần. Từ đó làm nền tảng để phát triển lòng trung quân ái quốc, đất nước mới được an lạc thái bình.

Khi tách làng, đình thần Hội An được dời về Ấp Thị để xây dựng trên khu miếu thờ ông cả Hổ. Miếu này xưa kia do ông Trần Văn Thang lập nên. Sau đó, ông Nguyễn Ngọc Liệu là con rể, được cha vợ cho phần đất gần với miếu. Lúc bấy giờ, ông Liệu là một Hương giáo của làng, đã tự nguyện hiến lại 4.000 mét vuông đất để xây cất ngôi đình.

Trong kháng chiến chống Pháp, thực hiện chủ trương "Tiêu thổ kháng chiến" nên đình thần bị phá sập. Đến năm 1953 nhân dân đóng góp để xây dựng lại.

Nhận thấy ngày 14 và ngày 15 tháng 6 âm lịch cúng Kỳ Yên là ngày chay lạt, trong khi cúng thần là phải giết trâu, làm heo với mổ bò nên vì lẽ ấy đã dời lại ngày 16 và 17 tháng 6 âm lịch cúng Kỳ Yên ở làng Hội An và ngày 18, ngày 19 cúng Kỳ Yên ở làng Hội An Đông.

*** Các giai đoạn trùng tu**

Ông Nguyễn Văn Đằng- cựu Hương bộ của làng, đã tự nguyện hiến thêm phần đất giáp ranh để được rộng thêm 4 mét, chạy dài từ cổng đến sau đình là 30 mét.

Năm 1967, nhằm năm Đinh Mùi, Ban Tế Tự đình thần cùng với chánh quyền thời ấy xây dựng mới để làm rộng thêm phần vỏ ca (tức hội trường, sân khấu), cất thêm nhà

bếp, xây lại cổng đình. Đồng thời, khắc lên cổng bốn chữ (âm nho) đọc từ phải sang trái là "Hội An Vũ Miếu".

Năm 1997, vợ chồng ông Đinh Văn Cường- một Việt kiều Mỹ quê ở xã Mỹ Luông, đã tự nguyện đứng ra trùng tu Đình thần Hội An, gồm những công việc như sau:

- Đúc mới bệ thờ Hữu ban[4], Tả ban[5]
- Đúc mới bệ thờ Tiền hiền[6], Hậu hiền[7]
- Đúc mới bệ thờ Tiền vãng[8], Hậu vãng[9]
- Xây mới Đông miếu[10], Tây miếu[11]
- Xây mới Tiền bia[12], Hậu bia[13]
- Xây mới nền thờ Xã Tắc[14].

Ngoài ra, còn có ông Nguyễn Văn Bé (tên thường gọi là Mười Ty). Ông Ty là một doanh nhân mua bán lớn

---

[4] *Hữu ban: Thờ vị quan văn hầu cận của Thần*

[5] *Tả ban: Thờ vị quan võ hầu cận của Thần*

[6] *Tiền hiền: Nơi thờ phượng những người đời trước đã có công mở mang khai khẩn.*

[7] *Hậu hiền: Nơi thờ phượng những người đời sau đã có công bồi đắp và xây dựng.*

[8] *Tiền vãng: Nơi thờ phượng những vị trong Ban Tế Tự đời trước, đã có công phụng tự Thần.*

[9] *Hậu vãng: Nơi thờ phượng những vị trong Ban Tế Tự đời sau, đã có công phụng tự Thần.*

[10] *Đông miếu: Thờ Bạch Mã Thái giám (ngựa trắng là biểu tượng của Thần Mặt trời. Mặt trời điều hành vũ trụ).*

[11] *Tây miếu: Thờ Ngũ Hành. Ngũ Hành gồm có; Kim tinh, Mộc tinh, Thuỷ tinh, Hoả tinh, Thổ tinh.*

[12] *Tiền bia: Thờ Thần hổ, có khắc to hai chữ Hán (âm nho), đọc từ phải sang trái là: Quang Huy, mang ý nghĩa chói sáng, rực rỡ.*

[13] *Hậu bia: Thờ Thần nông, vị thần trông coi ngành nông nghiệp.*

[14] *Xã Tắc: Theo Hán- Việt tự điển của Đào Duy Anh thì: "Thuở xưa, dựng nước tất qui trọng nhân dân. Dân cần có đất để ở, nên lập nền Xã để tế Thần Hậu thổ. Dân cần lúa để ăn nên lập nền Tắc để thờ Thần Nông, nên gọi Xã Tắc còn có nghĩa là Quốc gia"*

nhất tại chợ Cái Tàu Thượng và cũng là người đã từng mượn nơi Hội trường của đình làm kho chứa vật tư nông nghiệp, đã ủng hộ gạch tàu để lót lại phần bề mặt của sân khấu.

Năm 2006, ông Nguyễn Hữu Khánh (út Vũ), nguyên Bí thư Tỉnh ủy An Giang, đóng góp và vận động một số cơ quan, công ty, doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh để huy động tiền kể cả vật liệu dùng trong xây dựng. Ban Tế tự đình thần Hội An cũng đã vận động nhân dân đóng góp. Đồng thời, chánh quyền địa phương trích ngân sách để cùng nhau cất mới ngôi đình.

Lần xây cất này, dựa trên đồ án của kỹ sư Nguyễn Hoàng Dũng (con ông Nguyễn Hữu Khánh) hiến tặng, gồm có như sau:

- Sân đình:

+ Xây mới Đông miếu, Tây miếu

+ Phá bỏ hình tượng Thần Hổ, để thay vào Lân và hai chữ Quang Huy, cũng được thay thế vào hai con Sư tử.

Lân là biểu tượng của hiền tài, nhằm phát huy "địa linh nhân kiệt", tạo sự phú quí cho quê hương xứ sở.

Sư Tử làm tôn thêm cảnh uy nghiêm cho ngôi đình.

+ Làm lại nền Xã Tắc (thêm tượng thờ Thần Nông, vị thần trông coi ngành Nông nghiệp).

- Nội đình:

+ Xây mới nơi thờ Thần.

+ Xây mới các bệ thờ.

+ Xây mới hội trường và sân khấu.

Năm 2009, ông Nguyễn Hữu Khánh tiếp tục đóng góp và vận động để xây tường rào chung quanh và làm lại cổng đình (1 cổng chính và 2 cổng phụ).

- Hậu đình:

+ Cất thêm tây lang, phía trái để làm nhà đãi ăn

*** Những Hương chức Trong Ban Tế Tự Đình Thần**

1. Hương Văn 2. Hương Lễ 3. Hương Nhạc

4. Hương Bái, gồm có: Chánh bái (đứng đầu), Bồi bái, Huyền bái, Tiếp hiến

Ngoài ra, còn có một Từ Đình. Người này trực tiếp quét dọn, chăm sóc và lo hương khói trong đình.

Hơn ba mươi năm nay, chánh quyền và nhân dân Hội An Đông vẫn luôn tín nhiệm ông Võ Văn Chấp (tức Sáu Chấp) cư ngụ tại ấp An Ninh, xã Hội An lo việc phụng tự và bảo quản sắc thần.

*** Sắc thần của làng Hội An**

Bản chép âm Hán- Nho, gồm có 81 chữ như sau:

Sắc: "Bổn Cảnh Thành Hoàng"

Chi Thần:

Nguyên Tăng quản hậu chánh trực, hựu Thiên chi thần. Hộ quốc tỷ dân, nhẫm trứ linh ứng, tứ kim phi ưng, cảnh mệnh miễn niệm Thần hưu. Khả giả Tăng quản hậu, chánh trực hựu Thiên đơn ngưng chi Thần.Nhưng Chuẩn: Vĩnh An huyện, Hội An thôn. Y phấn phụng sự. Thần kỳ tương hộ, bảo ngã lê dân.

Khâm tai:

Tự Đức ngũ niên, thập nhất nguyệt, nhị thập Cửu nhật.

(mộc ấn của vua Minh Mạng)

Tạm dịch: Sắc Thần Hội An

Sắc (truy phong) Thần

Bổn Cảnh Thành Hoàng

Vốn là

Thần Tăng Quản Hậu Chánh Trực Hựu Thiên

Có công gách vác việc

"Phò nước, giúp dân"

Xứng danh được ban bảng vàng, khắc ghi tưởng nhớ lập miếu thần.

"Tăng Quản Hậu Chánh Trực Hựu Thiên" là thần duy nhất

Chuẩn đúng nơi: thôn Hội An, huyện Vĩnh An

Nhiệm vụ: Phụng việc sứ thần và đảm trách việc dạy bảo dân lành.

Khâm sai (đã đóng dấu, ký tên)

Ngày 29 tháng 11 năm thứ 5 Tự Đức

(Ấn Vua Minh Mạng)

Bản dịch của sư cô Như Bảo chùa Phổ Chiếu H. A.Đ

Mương Đình

Dựa theo chuyện kể của ông Nguyễn Bá Tòng, sinh năm 1931. (tên thường gọi là Ba Triệu), cư ngụ gần đình Hội An. Ông Triệu là cháu nội của ông Nguyễn Ngọc Liệu[15]

Được thừa hưởng đất đai của cha mẹ vợ, ông Nguyễn Ngọc Liệu đã xây dựng nhà ở trên phần đất được chia. Đồng thời, ông cũng đã tổ chức đào mương để lấy nước tưới tiêu và sử dụng trong sinh hoạt gia đình

Năm 1912, đình thần từ vàm Cái Nai được Ban Hội tề thống nhất dời về Ấp Thị nhưng chưa tìm được nơi để xây dựng đình. Thuở ấy, ông Nguyễn Ngọc Liệu làm Hương giáo trong Ban Hội tề đã tự nguyện hiến 4.000 mét vuông đất ở cạnh mương nhà ông để làm mặt bằng cho ngôi đình. Từ đó về sau, con mương được mang tên là Mương Đình. Mương Đình dài khoảng 1.000 mét, thông với con kinh số 1, dẫn đến mương Hội Đồng và rạch La Kết.

---

[15] *ông Nguyễn Ngọc Liệu sinh năm 1863, nhằm năm Quí Hợi, tại thôn Hội An, tổng An Thạnh, huyện Vĩnh An, phủ Tân Thành, tỉnh An Giang.*

Ông kết hôn cùng với bà Trần Thị Lựu nên được chia thừa kế điền sản của cha vợ là ông Trần Văn Thang

Lúc sinh thời ông làm Hương giáo của làng hội An, trụ sở toạ lạc tại vàm Cái Nai. Đến khi đình Hội An được xây dựng cạnh nhà của ông, thì được đề cử thêm chức Chánh bái trong Ban tế tự đình thần

Ông mất vào năm 1961, hưởng thọ 98 tuổi. Bài vị của ông được trân trọng đặt ở bàn thờ Hậu vãng, nơi ghi nhớ những người có công phượng tự Thần

Miếu Ông Hổ

Dựa theo chuyện kể của ông
Nguyễn Bá Tòng (tên thường gọi là Ba Triệu)
sinh năm 1931, cư ngụ gần đình Hội An.

Kể từ năm 1867, thực dân Pháp chiếm lấy Nam Kỳ, làng Hội An thuộc tổng An Thạnh, quận Cao Lãnh, tỉnh Sa Đéc.

Nhằm tổ chức lại guồng máy cai trị từ cấp cơ sở, Pháp thành lập Ban Hội tề. Lãnh đạo Ban Hội tề là Hương cả. Những vị Hương cả đầu tiên làm việc cho Pháp, tương truyền đều bị Hổ vồ mất xác. Vì lẽ ấy, không có ai dám lãnh chức Hương cả. Sau đó, một địa chủ họ Phạm[16] (không rõ tên), đã đỡ đẻ cho Hổ trong lúc sanh khó, được Hổ đền ơn một con nai để trước cửa nhà.

Từ ấy, con cháu của người họ Phạm vào rừng chỉ bị Hổ liếm tóc mà không ăn thịt. Thế nên Ban Hội tề đề nghị cấp trên cử người họ Phạm làm Hương cả của làng. Còn Hổ thì làm "cả danh dự". Đồng thời, lập miếu thờ ông cả Hổ trên phần đất hiến của ông Trần Văn Thang gần nhánh sông Tiền.

---

[16] *Chỉ biết ông Phạm Văn Hiếu là Hương cả cuối cùng của dòng họ Phạm. Đồng thời, ông cũng thừa kế nhiều sở đất ở Ấp thị và ấp An Ninh. Lúc sinh thời, ông Hiếu làm đến Thơm Thần và làng hội An chỉ có duy nhất một Thơm Thần.*



*** Chuyện xưa kể rằng:**

Hằng năm, mỗi lần cúng miếu Hội tề phải cột sẵn một con heo đúng tạ ở trước miếu và để trên khay một tờ đề cử[17]của khoá tới. Nhiều lần, tờ cũ hổ trả lại, tờ mới thì tha đi. Tuy là kiêng sợ, nhưng cũng không sao tránh khỏi sự tò mò. Vì lẽ ấy mà những người gan dạ, có võ nghệ cố rình xem lúc nào ông cả Hổ vào miếu để nhận và đổi tờ cử, sau đó tha đi con lợn. Nhưng chẳng ai nhìn thấy, tiếng đồn lan nhanh, tạo nên sự hiếu kỳ trong dân chúng. Nhờ vậy nên mới có người hiến kế.

Năm sau, dân làng phủ tro, nện phẳng chung quanh miếu để tìm hướng đi của Hổ. Đồng thời, đặt ở trong miếu là một mâm bằng đồng có bốn chân. Bên trên mâm là thủ vĩ lợn[18] (thay thế cho heo sống) và một tờ đề

---

[17] *Còn gọi là tờ cử. Biên bản hội nghị để cử người làm đại diện cho Ban Hội tề (đứng đầu trong Ban Hội tề là Hương cả)*

[18] *Bao gồm: đầu heo, đuôi heo, lòng heo. Cúng thủ vĩ lợn cũng trân trọng như cúng trọn một con heo.*

cử. Các Hương chức cũng xếp đặt cho trai tráng làm những chòi cao gần miếu nhằm tạo sự an toàn trong việc quan sát. Tuy vậy chẳng ai thấy ông cả Hổ xuất hiện. Ấy thế mà, sáng sớm mỗi người đều nhìn thấy những dấu chân của ông cả Hổ in lẫn vào miếu. Kiểm tra lại đã thấy mất thủ vĩ lợn với tờ đề cử làm khoá tới. Còn tờ đề cử của khoá vừa rồi thì được Hổ trả lại!

*** Sự thay đổi ở Miếu Thờ Ông Cả Hổ.**

Năm 1953, nhằm năm Quí Tỵ, đình Thần Hội An được cất mới. Miếu thờ ông cả Hổ cũng được xây lại bằng gạch hồ ô dước rộng chừng 4 mét vuông, nằm bên hông trái của đình.

Mãi đến năm 1967, nhân dịp mở rộng để xây mới hội trường, sân khấu và làm lại hàng rào cổng Đình, đồng thời làm thêm nhà bếp ở bên hông phải nên miếu thờ ông cả Hổ đã bị phá bỏ. Vì lẽ ấy, sự oai nghi của ngày nào được vẽ to trên tường, để thờ riêng trong miếu. Sau đó, vẽ nhỏ lại trên thiếc và đóng trang thờ tại nhà bếp (bên hông phải của đình)!

Năm 2006, đình thần được xây dựng mới hoàn toàn và có cất thêm phần Tây lang (làm nhà đãi ăn) nên thần Hổ được vẽ lại, đóng khuôn và xây bệ thờ.

Mương Ba Đon

Dựa theo chuyện kể của ông Ngô Văn Đon,
sinh năm 1919, ngụ tại mương.

Lúc ban đầu chỉ là mương ranh nhằm để phân định đất đai của họ Phạm với họ Bùi.

Mương nhỏ mà dài. Bởi lẽ ranh đất đến đâu mương theo đến đó. Mãi cho đến khi ông Ngô Văn Quới[19], là con rể của thầy giáo Phạm Văn Hanh[20], thừa kế phần bờ mương ở hạ nguồn và thầy giáo Bùi Thái Toán[21] thừa kế phần đất ở bờ thượng nguồn, thì tại đầu con mương được mở rộng ra để lấy nước sinh hoạt cho gia đình ông Quới và ông Toán.

Thuở ấy, ông Bùi Thái Toán là thầy giáo dạy học ở trường làng nên người đời gọi là mương thầy giáo Toán. Do phát âm không chuẩn nên có người gọi là thầy giáo Tán. Có người lại nghe mơ hồ về tên thầy giáo Tán mà gọi trại thêm là thầy phó Tán, làm mất đi nghề nghiệp của một con người!

Ông Bùi Thái Toán bỏ nghề dạy học để làm xã trưởng. Do thâm hụt tiền công quỹ, ông phải bán đất lại

---

[19] Thầy giáo Phạm Văn Hanh chỉ sinh được 2 người con gái. Ông Quới là con rể đầu lòng, được cha vợ cho phần thừa kế.

[20] Tiểu sử có ghi rõ ở phần Trường Tiểu Học "A" Hội An

[21] Là bác ruột của ông Bùi Văn Khả (tên thường gọi là Sáu Hoành). Thầy Toán dạy chữ Pháp và cũng rất giỏi chữ Hán.

cho người trong thân tộc là Bùi Ngươn Nhung[22]. Từ đó, ông Nhung cho thuê để thu địa tô trên phần đất này.

Ở bờ mương hạ nguồn, ông Ngô Văn Quới cũng có người bà con là ông Đinh Văn Muôn[23] về đây làm nghề thợ rèn. Và lò rèn cũng được đặt tại đầu con mương. Vì thế cho nên, người đời không còn gọi là mương thầy giáo Toán mà lại gọi là mương lò Rèn. Một cái tên rất cụ thể và cũng dễ nhớ!

Hồi ấy nơi đây còn vắng vẻ. Âm thanh của búa đe không thấu đến tai người. Thế nên, lò rèn của ông Muôn trở nên vắng khách, công việc làm ăn ngày càng ế ẩm. Ông Muôn đã phải ngậm ngùi chia tay ông Quới để tìm đến gần mương Hội Đồng mà lập nghiệp.

Cũng trong thời gian này, ông Dương Văn Cò đã thuê lại phần đất của ông Bùi Ngươn Nhung để lập nên một vườn trầu khá qui mô. Lúc bấy giờ, trầu cau còn là "Son môi truyền thống của người phụ nữ Việt Nam". Thế nên, trầu càng tươi đỏ trên môi của các cô, các bà thì càng tô hồng thêm cho cuộc sống gia đình của ông Cò! Và con mương đã góp phần tưới mát những nọc trầu.

Ở phía hạ nguồn, ông Ngô Văn Đon phát triển làm rẫy, lập vườn. Từ đó, con mương được làm rộng ra, sâu hơn để mang nước ngọt với phù sa tiến vào đồng nội; lúa, bắp, rau, khoai của nông dân cũng được vận chuyển

---

[22] *Lúc sinh thời, ông làm Hương giáo của làng Hội An. Thân phụ của ông là Hương cả Bùi Qui Ngoạt, anh là Hương cả Bùi Ngọc Chiếu.*
Ông Nhung có người con thứ ba là Bùi Văn Lương, làm Bộ trưởng Bộ Nội Vụ thời Tổng thống Ngô Đình Diệm

[23] *Ông truyền nghề cho con là Đinh Văn Bạc. Ông Bạc là thầy của các lò rèn đang hành nghề trong rạch Cái Tàu Thượng.*

theo ngã này. Lại thêm trong mương đã có trầu ông Cò nổi tiếng nên có người gọi mương Ba Cò.

Khi ông Cò qua đời, vườn trầu nhà ông cũng lần hồi héo úa. Vợ con của ông Cò dời nhà đi nơi khác. Chỉ còn lại ông Đon bám đất, bám vườn. Từ ấy và cho đến bây giờ người đời đã lấy tên của ông mà gọi là mương Ba Đon.

*** Đặc điểm của Mương Ba Đon.**

+ Mương dài nhất

+ Mương được gọi nhiều tên nhất trong các mương của xã Hội An

+ Mương có ít hộ gia đình sinh sống.

NHÀ MÁY NƯỚC CÁI TÀU THƯỢNG
(FONTAINE DE CÁI TÀU THƯỢNG)

Dựa theo chuyện kể của ông
Phạm Văn Xê, sinh năm 1930 ,
cựu phó chánh văn phòng
Ủy Ban Nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Nhà máy nước Cái Tàu Thượng được thành lập vào năm 1937, do sự vận động của Đốc phủ sứ Huỳnh Ngọc Bình[24]. Đây là một trong năm máy lọc nước bơm bằng tay của tỉnh Sa Đéc.

---

[24] *Và tiểu sử có ghi ở phần Trường tiểu học "A" Hội An*

Theo lời kể của ông Phạm Văn Xê, cán bộ hưu trí của tỉnh Đồng Tháp thì thân phụ của ông là ông Phạm Văn Dành[25] - người đã trông coi nhà máy nước từ khi được thành lập và cho đến lúc ngừng sử dụng.

Thuở ấy, tiền lắp đặt và chi phí hằng tháng như phèn, thuốc sát trùng, lương bổng cho người trông coi máy nước đều trực thuộc vào sự cấp phát của Sở Trường tiền

*** Cấu trúc và cách sử dụng Nhà máy lọc nước.**

Nhà máy được lắp đặt trên một nền tráng Ciment rộng chừng 9 mét vuông, vị trí lệch về dãy phố hướng đông, cách bến chợ khoảng 15 mét[26], được ông Phạm Văn Xê mô tả như sau: Một hồ nước hình ống cao đến 3 mét, có đường kính là 1mét 50, vành hồ dày đến 15 cm được đúc bằng ciment cốt thép trộn với đá cuội (đá dái). Hồ này có đặt một đường ống xuống sông, tại đầu ống có gắn một clapet. Công dụng của clapet là hút nước khi bơm lên và giữ nước lại khi ngưng. Để ngăn rác cũng như lục bình vướng lại làm nghẹt đầu clapet, người ta đã xây một cái ụ hình tròn, chung quanh có làm hàng rào để cho ghe xuồng biết mà né tránh.

Thuở ấy, hằng ngày ông Phạm Văn Dành đến để cân phèn với thuốc sát trùng bỏ vào ở phía trên của hệ thống lọc nước, đồng thời sử dụng đôi tay đẩy tới kéo lui cần

---

[25] *Sinh năm 1906, nhằm năm Bính Ngọ, tại ấp An Ninh, thuộc làng Mỹ An, tổng An Thạnh Thượng, quận Cao lãnh, tỉnh Sa Đéc (nay là ấp An Ninh, xã Mỹ An Hưng "A", huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp). Ông là người đã trông coi nhà máy nước từ khi được thành lập cho đến lúc ngưng sử dụng.*

[26] *Nay là 25 mét*

bơm theo hướng vòng cung cho đến khi đầy ngăn lắng lọc. Sau đó, nước sẽ được lắng trong ở phần ngăn dưới. Áp sát với hồ hình tròn là một hồ hình chữ nhật. Cạnh đáy dài 80 cm, rộng 60 cm, cao đến 2 mét. Hồ này dùng để chứa nước đã lắng trong. Tại đây người ta có gắn một robinet (vòi nước) để sử dụng.

Trong kháng chiến chống Pháp, thực hiện chủ trương tiêu thổ kháng chiến, nhà máy nước bị phá bỏ phân nửa ở phần trên. Năm 1958 chính quyền Sài Gòn kiến thiết chợ Cái Tàu phá tan phần dưới. Tuy vậy, di tích này cũng vẫn còn in rõ ở phần cuối của chân nền.

Năm 1982, chính quyền cùng với nhân dân đóng góp để tráng bê-tông sân chợ, thì dấu tích còn sót lại của nhà máy nước bị chôn vùi!

*** Trạm cấp nước**

Năm 1989, nhằm năm Kỷ Tỵ, điện lưới quốc gia về đến Hội An. Một năm sau đó, tức năm 1990, trạm cấp nước được hình thành. Ông Trần Chiến Thặng- người quê ở ấp An Ninh của xã Hội An, đã trúng thầu kinh doanh điện nước

Lúc ban đầu, trạm bơm nước đặt gần bãi sông cái nhỏ, cách bến đò Cái Tàu qua ấp Bình Tấn khoảng 70 mét về hướng thượng nguồn. Hệ thống chuyền nước được lắp đặt bằng những ống nhựa cao cấp, chôn sâu ở dưới đất. Và nước của trạm bơm đến với người tiêu dùng phải qua một thuỷ kế (gọi là đồng hồ nước). Hàng tháng nhân viên của trạm đến ghi chỉ số thuỷ kế, trên cơ sở đó

tính theo mét khối nước đã sử dụng để qui ra thành tiền. Thời điểm này, nước được moteur bơm thẳng đến người tiêu dùng mà không qua lắng lọc.

Năm 1996, trạm cấp nước được dời lên phía trên (khoảng giữa mương Bà Phú với mương Ba Đon). Lần này, cơ sở cố định nên có xây nhà trạm trên phần mặt bằng. Đã có đến 4 hồ chứa nước, mỗi hồ có 4 cạnh là 2 mét.

Nước ở dưới nhánh sông Tiền được bơm lên đầy cả 4 hồ bằng moteur có sức kéo khoảng 5 mã lực. Khi nước của 4 hồ này lắng trong, nhân viên của trạm lại tiếp tục bơm lên 2 bồn chứa đặt ở trên cao nhằm tạo áp suất để đẩy nước đến với người tiêu dùng.

Hiện nay, trạm cấp nước được nhập vào tổ quản lý điện của khu vực 4 (gồm: Hội An, Hoà An, Hoà Bình và An Thạnh Trung).

Mương Bà Phú

Dựa theo chuyện kể của ông
Nguyễn Văn Bắc, sinh năm 1948,
hiện cư ngụ tại mương Bà Phú

Mương nằm cách chợ Cái Tàu Thượng khoảng 300 mét về hướng thượng nguồn. Ban đầu là lối mòn của đàn voi tìm đường ra sông để uống nước, lâu ngày hình thành mương cạn. Bà Phú về đây khai mở vùng này.

Nếu như không làm rõ về nguồn gốc vẫn có nhiều người hiểu lầm Bà là vị hôn phối chánh thất của ông Nguyễn Văn Phú- một địa chủ làm Hương hào thời Pháp thuộc. Bởi lẽ, ông Phú có gia cư và điền sản gần với mương Bà Phú.

Tìm đến gia đình ông Nguyễn Văn Huệ- là con thứ mười thuộc về đời vợ sau của ông Nguyễn Văn Phú, được ông khẳng định tên của Bà Phú có từ nhiều đời trước. Còn tên của phụ thân ông thì sau này. Hơn nữa, má lớn của ông cũng không phải tên là Phú! Người sưu tầm còn đến tận mương để hỏi thăm xem những hộ gia đình nào đã nhiều đời lưu cư. Trong số đó, có ông Nguyễn Văn Bấc- là cháu cố của ông Nguyễn Văn Lừa (làm Cai quản[27] thời Pháp thuộc). Hơn nữa, các cháu của ông phần đông đều lưu cư, dọc theo bờ hữu ngạn của mương này. Và nếu tính theo niên kỷ ở hàng cháu cố ông Lừa, thì hiện nay người tuổi nhỏ nhất đã gần sáu mươi, còn người cao tuổi thì đã ngoài tám chục. Trên cơ sở, chuyện kể về nguồn gốc mương bà Phú do ông Cai quản Lừa lưu truyền cho con cháu đến nay là đáng tin cậy.

***Chuyện kể về Bà Phú**

Tương truyền, xưa kia bà đã cùng với gia nhân giã gạo để nấu cháo nuôi quan quân của triều đình. Căn cứ vào độ tuổi của ông Nguyễn Văn Đô, thuộc đời cháu cố của ông Nguyễn Văn Lừa thì ông sinh trưởng trong

---

[27] *Viên chức thời kỳ đầu Pháp thuộc, trông coi và quản lý về tài nguyên của địa phương như: Lâm (khai phá rừng), Ngư (đánh bắt cá).*

những năm đầu Pháp tấn công đánh Nam Kỳ. Lúc bấy giờ nước ta ở giữa đời vua Tự Đức. Câu chuyện về Bà Phú tuy rằng "quá xa xưa", nhưng cũng nhờ có ông Cai quản Lừa làm gạch nối. Từ đó, đã thể hiện rõ nét một chuỗi thế hệ lưu cư lập làng cải tạo mương rạch, giúp cho hậu thế của chúng ta có được một cái phao vững chắc để lội ngược thời gian mà tìm về nguồn gốc.

Trước hết, chúng ta giả sử Bà Phú sinh trưởng và chết cũng ở tại nơi này nên người đời mới gọi là mương Bà Phú.

Nếu như thế, chắc chắn ông Cai quản Lừa sẽ được ông bà đời trước cho biết mồ mả hoặc là khu vực đã chôn Bà Phú. Bên cạnh đó, ông Lừa cũng có thể biết đầy đủ về các cháu của Bà Phú đang sinh sống ở trong mương hoặc cùng một khu vực. Đó là chưa kể đến những người hàng xóm cùng thời với ông, cũng được biết rõ như ông. Hai sự việc nêu trên, ông Lừa đã không biết và các cháu cố của ông cũng đã khẳng định điều này.

Chúng ta truy tìm về việc Bà Phú đã nấu cháo nuôi quan quân của triều đình thuộc đời vua nào?

Đây là một sự kiện có liên quan đến lịch sử. Thế nên, chúng ta cũng cần phải kiểm tra lại truyền khẩu để đối chiếu với lịch sử hầu làm sáng tỏ vấn đề này. Trên cơ sở ấy, chúng ta tạm chọn năm 1836 để làm cột mốc, là dựa trên lịch sử khai hoang và sự định hình các thôn xã. Thuở ấy, triều đình Minh Mạng đã tổ chức đo đạc ở Nam Kỳ lục tỉnh. Trong đó, tên địa danh, tên làng, tên

từng loại đất canh tác, khu vực nào còn là rừng, thậm chí đến số mét đất của mỗi người với những chi tiết như đông; tây tứ cận cũng được ghi chép rất rõ ràng và đầy đủ trong địa bạ của triều Nguyễn.

Song song với vấn đề này, hệ thống hành chánh từ cấp hạ tầng như thôn, xã đến tổng, huyện, phủ, tỉnh đều ổn định. Do điều kiện địa hình xa xôi, triều đình nhà Nguyễn lập những kho lương thực rải rác để nuôi quân. Nhờ vậy những lần tấn công của quân Xiêm đều bị quân ta đánh bại.

Căn cứ bối cảnh lịch sử kể trên, tính từ thời vua Minh Mạng trở về thời vua Thiệu Trị và Tự Đức thì Bà Phú sẽ không có cơ hội để nấu cháo đãi cho quan quân của triều đình. Bởi, việc quân lương đều do các địa phương đảm trách. Hơn nữa, các doanh trại đều có "tích thảo đồn lương".

Còn nếu như trở ngược lên đời vua Gia Long thì thuở ấy đất nước cũng đã thống nhất. Dân chúng sống yên ổn và bờ cõi thanh bình. Hệ thống hành chánh của đất Phương Nam cũng đã thành hình. Nếu như quan quân có lỡ đường thì việc cơm nước thuộc về trách nhiệm của chánh quyền sở tại.

Vậy thì Bà Phú đã nấu cháo cho quan quân nào ăn? Và lý do nào không có mồ mả cũng như con cháu của Bà Phú lưu cư ở trong mương? Chẳng lẽ người xưa đã hư cấu về nhân vật Bà Phú? Những nghi vấn nêu trên khiến chúng ta nhớ lại thời oanh liệt của một Nguyễn Huệ anh

hùng, đã đánh tan chúa Nguyễn ở đàng trong và truy tìm đến tận Long Xuyên.

Vì vậy có truyền thuyết là bà đã nấu cháo nuôi tàn quân của chúa Nguyễn Phúc Thuần trên đường trốn chạy quân Tây Sơn. Thế nhưng địa danh Long Xuyên lúc bấy giờ lại chính là đạo Long Xuyên thuộc trấn Hà Tiên, đảm trách khu vực Cà Mau, Bạc Liêu ngày nay. Còn Long Xuyên ngày nay thì thời bấy giờ là Thủ (đồn phòng thủ) Đông Xuyên, địa danh có từ năm 1789, thuộc đạo Tân Châu (lúc bấy giờ đặt tại Cù Lao Giêng) của dinh Long Hồ. Do đó sự kiện Chúa Nguyễn chạy qua Long Xuyên chính là theo sông Cái lớn từ cửa Bồ Đề (biển Đông) sang cửa Ông Trang (biển Tây) để ra đảo Phú Quốc.

Như vậy chuyện Bà Phú nấu cháo nuôi quân chỉ là một trong nhiều truyền thuyết để cắt nghĩa vì sao có địa danh Mương Bà Phú, mà thôi.

***Đặc điểm của Mương Bà Phú**

Do địa thế mương gần với chợ, thêm vào đó sự thành hình con mương từ rất lâu đời. Nếu tính chiều dài con mương để so với mật độ cư dân nơi đây là cao nhất (chỉ đứng sau khu vực chợ Cái Tàu).

Ngoài việc phát triển dân số trong cộng đồng, mương Bà Phú lại còn mang bản sắc tộc họ. Cụ thể là: phía tả ngạn thuộc tộc họ Lê (tiêu biểu là Hương cả Lê Thành Sự), bên hữu ngạn thuộc gia tộc họ Nguyễn (tiêu biểu là ông Cai quản Nguyễn Văn Lửa).

Hai họ tộc nói trên là sở hữu chủ của một con mương. Đã có nhiều đời lưu cư, lưu canh và có công tiếp nối sự nghiệp khai phá của Bà Phú lúc ban đầu. Thế nên, sự trân trọng công lao khai mở của Bà Phú mà tên của con mương luôn mang tính độc tôn.

Và trong những năm chống Mỹ ác liệt, khu vực của mương Bà Phú là một trong những chốt điểm rất quan trọng của lực lượng cách mạng, để đối kháng với chánh quyền thời ấy.

***Sự phát triển của Mương Bà Phú**

Nhận thấy tại vàm mương Bà Phú (bờ hạ nguồn), mặt trước giáp nhánh sông Cái nhỏ, mặt sau gần với lộ, bên hông lại là mương. Thế nên, vào năm 1939, ông Nguyễn Thành Tây[28] là chủ của nhiều nhà máy xay lúa ở Cao Lãnh đã mua lại phần đầu của con mương để lập một nhà máy xay lúa[29] cho con gái tên Nguyễn Thị Thà. Đây cũng là lần đầu tiên làng Hội An phát triển ngành công nghiệp, góp phần làm phai nhạt hình bóng của cối chày. Từ đó, ghe xuồng ở các vùng lân cận đều đến để chen nhau bốc thăm chờ đến lượt xay lúa.

---

[28] Là anh bạn rể với ông Lê Kim Thành (tức là ông Hội đồng Hia)

[29] Nhà máy được thành lập trong thời kỳ Đệ nhị Thế chiến (1939-1945). Đây là giai đoạn mà thế giới đang gặp lúc khan hiếm xăng dầu (tất cả đều tập trung để cung ứng cho chiến tranh)

Trong hoàn cảnh ấy, người ta phải sử dụng lại loại máy chạy bằng hơi nước. Nhiên liệu của loại máy này là các chất đốt như :than củi hoặc trấu dùng để đun sôi nồi Piston

Riêng các nhà máy xay lúa hầu hết đều sử dụng chất đốt bằng trấu của nhà máy.

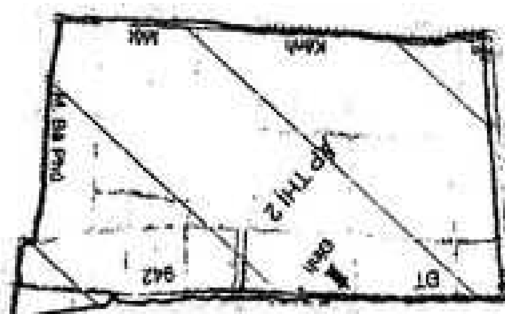
Nhà máy hoạt động được vài năm do bất cẩn gây hoả hoạn, làm tiêu huỷ toàn bộ tài sản hồi môn của bà Nguyễn Thị Thà. Nhìn sự nghiệp phút chốc biến thành tro than, bà chủ nhà máy đã quẫn trí trầm mình tự vẫn.

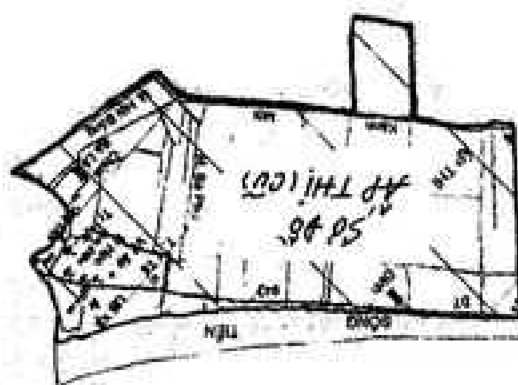
Những năm 60, cũng tại nơi đây ông Ông Tài Hồng (người đời thường gọi là Mười Tài) đã xây dựng lại một nhà máy xay lúa, có công suất lớn hơn, phẩm chất từ lúa ra gạo lại tốt hơn, khiến cho khu vực này trở nên ồn ào náo nhiệt. Sau giải phóng, chánh quyền địa phương đã tiếp quản nhà máy Tài Thành.

Ấp Thị 1

Sơ lược về Ấp Thị 1

Gần một phần ba diện tích của ấp Thị cũ thuộc về ấp Thị 1. Hình thể không thay đổi, ranh của ấp Thị 1và ấp Thị 2 là Mương Bà Phú. Ấp Thị 1 là trung tâm hành chính và thương mại của xã Hội An.





Vị trí hiện nay như sau: Đông giáp nhánh sông Tiền; Tây giáp ấp An Ninh; Nam giáp xã Mỹ An Hưng "A"; Bắc giáp ấp Thị 2.

Diện tích tự nhiên là 95,10 ha, (đất nông nghiệp là 53,67ha), có 728 hộ, với dân số là 3.295 người. *(Thống kê ngày 15 tháng 3 năm 2008).*

Địa danh, di tích ấp Thị 1 gồm có:

1. Trạm Y Tế.
2. Khu Dân cư.
3. Đất công điền.
4. Đò Cái Tàu.
5. Nhà Bảo Sanh.
6. Xóm Việt Kiều.
7. Trường Trung học tư thục Hồng Đức.
8. Trường THPT Huỳnh Thị Hưởng và Trường PTCS Hội An.
9. Bia tưởng niệm Huỳnh Thị Hưởng.
10. HĐND, UBND xã Hội An.
11. Nhà bia tưởng niệm Anh hùng liệt sĩ.
12. Xóm Cồn.
13. Rạch Cái Tàu Thượng.
14. Cầu đúc Cái Tàu Thượng.
15. Bưu điện Hội An.
16. Chợ Cái Tàu Thượng.
17. Bà Hai Chủ Chợ.
18. Trụ sở Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo.
19. Cầu nhỏ sau chợ.
20. Xóm hàng Me.
21. Trường tiểu học "A" Hội An.
22. Sân Bến Bà Huyện.
23. Sân Vận động.
24. Am Bảy Bà.
25. Chùa Bà Lê (Phước Hội Tự).
26. Mộ Tháp Bà Đỗ Thị Ngọc.
27. Mương Hội Đồng.

TRẠM Y TẾ



Là nơi cấp phát thuốc và sơ cứu nạn nhân trước khi được đưa đến bệnh viện. Tuy ý nghĩa của nó là như vậy nhưng ở thời kỳ chiến tranh, xã Hội An vẫn chưa có một Trạm y tế biệt lập để làm tròn chức năng của nó, các việc sơ cứu và cấp phát thuốc đều đặt tại nhà của cán bộ y tế. Thế nên, người dân cũng còn ngần ngại khi gặp lúc hữu sự. Hơn nữa theo thói quen, những bệnh thông thường người dân luôn đến các tiệm bán thuốc tây mua để uống, hoặc là đến chỗ y tá tư mà điều trị.

Thực tế là như vậy. Còn việc phải đến nhà của cán bộ y tế được đặt làm trạm để xin cấp thuốc uống thì hầu như ai cũng sĩ diện! Đồng thời, tâm lý của người dân luôn nghĩ rằng "Thuốc viện trợ không bằng thuốc của tư nhân mua qua nhập khẩu".

Sau giải phóng, thuốc Âu được thời kỳ cấm vận trở nên khan hiếm. Nhà nước cũng đã khuyến khích nhân dân sử dụng đến thuốc nam cổ truyền. Nhờ vậy, những tổ thuốc nam từ thiện mọc lên khắp thôn xóm.

Thuở ấy, Trạm y tế của xã được đặt tại nhà ông Bùi Ngọc Thiện[30] ở Chợ Cái Tàu Thượng.

Trạm y tế hoạt động được một thời gian cũng chưa phát huy được hiệu quả trong cộng đồng. Bởi lẽ, lúc ấy không có đủ thuốc và nhân viên tay nghề chưa cao. Sau đó, cơ sở của Trạm được giao lại cho Ban quản lý Hợp tác xã mua bán làm văn phòng. Ít lâu sau, Trạm y tế dời về ở cuối kinh mới (nay là trước cổng trụ sở Ủy ban nhân dân xã). Lúc bấy giờ, đội ngũ cán bộ y tế đã có chuyên môn trong nghiệp vụ, bao gồm cả việc cấp phát thuốc, khám điều trị sơ cấp cứu và phụ sản do Bác sĩ Lê Tiết là Trưởng trạm y tế.

Năm 1997, Trạm Y tế dời về gần cầu mương Bà Phú. Từ ấy đến nay, những mục tiêu của ngành y tế như: Tiêm chủng mở rộng, thực hiện kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc bà mẹ và trẻ em... đều được thực hiện tốt. Hiệu quả cao nhất của trạm là sơ cấp cứu kịp thời cho nạn nhân trước khi đưa đến bệnh viện để điều trị.

Hiện nay, điều hành Trạm y tế là bác sĩ Bùi Văn Lê, người con của làng quê Hội An, sinh trưởng ở ấp An Khương.

---

[30] *Lúc đương thời làm Thiếu tá Quận trưởng quận Ô Môn (nay thuộc về thành phố Cần Thơ). Ông đã nghỉ hưu trước ngày miền Nam được giải phóng. Sau đó, Nhà nước trả lại nhà cho ông Thiện*

KHU DÂN CƯ



Năm 1998, Chính quyền địa phương thành lập khu dân cư nhằm tập trung những hộ gia đình trong diện giải tỏa có được một chỗ ở cố định.

Đường vào khu dân cư gần với trường Trung học Huỳnh Thị Hưởng là cổng chính, tráng nhựa dài hơn trăm mét. Và một con đường tráng nhựa ở cuối khu làm cổng phụ. Cổng này sát với Trạm y tế.

Với hơn hai mươi bảy ngàn mét vuông đất, khu vực này mang hình dáng chữ nhật, được phân làm 75 căn hộ, với một văn phòng làm việc của ấp Thị. Tất cả đều được xếp thành 4 lô như sau:

* Lô A: Gồm 19 nền. Mỗi nền nhà dài 23 mét (kể cả mái hiên là 3 mét) rộng 5 mét.

ĐẤT CÔNG ĐIỀN

Dựa theo chuyện kể của
ông Ông Kim Long, sinh năm 1932,
ngụ Chợ Cái Tàu.

Là quỹ đất của làng Hội An, được thành lập vào năm 1939. Lúc ban đầu chỉ có 2.000 mét vuông tọa lạc tại đầu vàm rạch Cái Tàu Thượng. Tên đất để gọi của thời ấy là Terre Publique (đất thuộc về sở hữu Quốc gia, do địa phương quản lý), mà âm Hán Nho thông dụng gọi là công thổ.

Nguyên nhân có đất công thổ của làng là do đề nghị của ông Huỳnh Ngọc Bỉnh[31], vị quan Đốc phủ sứ về quê, xây dựng trường Tiểu học mang tên Huỳnh Ngọc Quế[32] Trước khi xây trường, ông đã yêu cầu chính quyền tỉnh Sa Đéc tách riêng phần lan bồi ở đầu cồn làm quỹ đất của làng. Đồng thời, ông cũng thỏa thuận để xây dựng một nhà nghỉ mát ở nơi ấy.

Đầu năm 1946 (nhằm năm Bính Tuất) Pháp tái chiếm lại Chợ Mới. Chính quyền tỉnh Sa Đéc đã chính thức tiếp quản căn nhà của ông Bỉnh và tăng cường tại đây một đội lính Partisan[33] nhằm đàn áp lực lượng Việt Minh

---

[31] Xem phần tiểu sử Trường tiểu học "A" Hội An.
[32] Xem phần tiểu sử Trường tiểu học "A" Hội An.
[33] Lính Partisan: Là một đơn vị thuộc quân đội của thực dân Pháp. Lực lượng này phần đông là người Việt, một số ít là người dân tộc Kh'mer. Chỉ huy đồn Partisan ở vàm Cái Tàu Thượng là: Cai Sen và Cai Vẽ. Cai Sen làm hạ sĩ nhất giữ chức đồn trưởng, Cai Vẽ làm hạ sĩ giữ chức đồn phó.

kháng chiến, đồng thời kiểm soát khu vực Chợ Cái Tàu Thượng và phần hạ lưu của nhánh sông Tiền.

Do bãi bồi đã nhanh chóng trở thành cồn nổi ở trước đồn khiến cho vùng trũng phía sau đồn cũng lần hồi cạn dần, tạo thành một dãy đất nối dài về hướng cựu thổ. Đến năm 1960, tổng số diện tích nơi đây đã lên đến 25.000m^2 (hai mươi lăm ngàn mét vuông đất) biến vùng trũng lầy xưa kia nay đã trở thành lau sậy hoang vắng.

Lúc bây giờ có ông Nguyễn Văn Kế (tên thường gọi là Trò), cư ngụ gần với mương Bà Phú thuê với chính quyền thời ấy 6.900m^2 (sáu ngàn chín trăm mét vuông đất) để trồng lúa và hoa màu. Cũng bắt đầu từ đó, toàn bộ khu vực nói trên được gọi là đất công điền. Vị trí đất công điền Đông giáp nhánh sông Tiền, Tây giáp đất của ông Lê Văn Hựu (sân vận động), Nam giáp đất của ông Lê Hồng Côn, Bắc giáp đất của ông Nguyễn Văn Phú.

***Sự phát triển của đất công điền**

Năm 1958 trên nền nhà cũ của ông Huỳnh Ngọc Bỉnh và cũng là đồn bót đổ nát của thực dân Pháp, chính quyền thời ấy đã lập một nhà Bảo sanh đầu tiên cho làng quê Hội An.

- Năm 1960, vùng trũng bồi đã trở thành luống khoai, ruộng lúa.

- Năm 1965, xây dựng trường sơ cấp Tân Sinh ấp Thị (gần Sân Vận động).

- Năm 1967, chính quyền địa phương thời ấy đã bàn giao văn phòng làm việc cho Ban trị sự Giáo hội phật

giáo Hòa Hảo để xây mới trụ sở trên đất công điền (trụ sở này đã phá bỏ vào năm 2001 để xây nhà bia tưởng niệm anh hùng liệt sĩ của xã).

- Năm 1967 xây dựng Nhà Thờ.

- Năm 1968, làm lộ bến đò Cái Tàu qua ấp Bình Tấn và tôn nền để thành lập Làng Chiêu hồi[34]. Nhưng không có người chiêu hồi nào đến ở. Vì vậy, chính quyền địa phương đã cấp phát cho viên chức của xã và một số thì bán lại cho dân.

- Năm 1969, xây dựng trụ sở phân chi cảnh sát.

- Năm 1970, thành lập xóm Việt Kiều

- Năm 1985, xây dựng trạm y tế

ĐÒ CÁI TÀU

Dựa theo truyền khẩu

Nhắc đến quê hương người ta thường liên tưởng đến cây đa cũ, bến đò xưa để nhớ về những kỷ niệm thân thương của làng quê yêu dấu. Và như hiện nay, nếu đi khắp làng Hội An để tìm một chiếc lá đa làm thuốc, hoặc làm điều kiện bắt buộc trong việc hứa hôn thì chẳng khác nào "đi tìm lá diêu bông". Trong khi đò thì

[34] *Làng Chiêu hồi: Chính quyền ngụy qui khu để tập trung các chiến sĩ, cán bộ cách mạng ra đầu thú định cư lâu dài. Trên thực tế, đây là một hình thức vừa kiểm soát, vừa đánh đòn tâm lý nhằm làm giảm tinh thần chiến đấu của người đang kháng chiến*

lại có đến hai bến! Đò Cái Tàu đã có từ lâu lắm. Từ lúc cơn lũ lớn cuốn trôi phần đất dính liền giữa làng Tòng Sơn[35] với làng Tân Phước[36] khiến cho người ở miệt cù lao muốn đi qua Chợ Cái Tàu phải tốn công và còn phải tốn thêm tiền đò.

Thuở xưa là đò chèo. Người lái đò phải chèo đuối cả đôi tay mới kiếm được đồng tiền của hành khách. Những năm năm mươi, hành khách ở bên này sông đã thấy rõ mặt của anh lái đò. Bởi lẽ, đã có thêm một cù lao Mía làm bến đợi đò. Vì bến đợi đò ở bên này sông, đã gần với bến đợi ở bên kia sông.

Nhớ ngày nào, đò đưa từ Bình Tấn qua Chợ Cái Tàu phải đi bộ một đoạn mỏi chân trên đất phù sa cồn Mía mới đến một khai long có chiếc cầu tre lắt lẻo qua sông (sau đó là cầu ván), rẽ trái đi dọc theo con rạch Cái Tàu mới đến chợ. Ấy thế mà ngày nay tất cả đều đổi thay. Phù sa cồn Mía đã bị nước cuốn trôi khiến cho khách qua sông đã chẳng còn nhìn thấy bóng dáng của anh lái đò và dốc cầu ngày nào nay đã trở thành bến đợi của khách sang sông. Và bến đò hôm nay đã trở về bến đợi của thuở ban đầu. Chỉ khác có một điều, xưa là chèo tay, còn bây giờ là đò máy.

---

[35] *Làng Tòng Sơn: Xưa kia nối liền với làng Tân Phước. Làng Tòng Sơn có nhiều cù lao nằm giăng ngang sông Tiền đã bị thủy phá từ thời vua Minh Mạng đến đời vua Tự Đức, nay chỉ còn lại một ấp An Bình.*

[36] *Làng Tân Phước: Nay là ấp Bình Tấn và ấp Bình Phước của xã Bình Phước Xuân.*

***Sự thay đổi ở bến đò Cái Tàu qua Bình Tấn**

Năm 1968, tại dốc cầu của Khai long thuở trước người ta mở thêm một đoạn kinh ngắn (Kinh mới ngày nay) thẳng đến lộ nhựa và làm lộ bến đò dọc theo kinh đào. Từ ấy đến nay đã trở thành trục lộ chính của bến đò khiến cho đường ra xóm cồn để đi đò Cái Tàu ngày càng vắng khách vãng lai.

***Đò Cái Tàu qua Nhà thờ Rạch Sâu**

Đi ngược lên thượng nguồn, chừng hai kilômét có thêm bến đò Cái Tàu qua Nhà thờ Rạch Sâu. Bến đò này có từ những năm đầu Pháp thuộc, khi các giáo sĩ người phương Tây đã xây dựng ở Rạch Sâu Nhà thờ.

Năm 1991, đò Rạch Sâu dời về gần đình Hội An, đã nhắm đúng với vị trí của bến đò Kinh Ngang qua Bảy Giồng, chẳng khác nào đò nối đò. Từ đây đôi bờ sông Tiền gắn liền với đôi bờ sông Hậu, không còn cách trở đò giang.

NHÀ BẢO SANH HỘI AN

Nhắc đến quê hương là nhớ về nơi chôn nhau cắt rốn của mình. Hình ảnh của người cầm kéo cắt rún cho ta, là người đầu tiên nâng niu, bồng bế ta từ thuở mới lọt lòng đồng thời cũng là người khắc phục hiểm nguy "vượt cạn" để cho "mẹ tròn, con vнông". Vậy mà khi đã lớn lên, thì hình ảnh kia đã tưởng chừng như quên lãng!

Nếu như ngoài công ơn cha mẹ đã chia sẻ xương máu và nuôi dưỡng cho ta; thầy cô giáo đã khai tâm, mở trí

cho ta thì công ơn của bà đỡ không phải là nhỏ vì chính bà đã góp công để ta đối diện với Đời.

Xưa kia, mỗi lần đến kỳ sinh nở, người chồng hoặc là người thân trong gia đình phải đi rước bà đỡ về nhà. Sau khi em bé ra đời phần nhau và cuống rún không còn là trung gian của người mẹ và đứa con nên được bà mụ cắt rời. Sau đó gia đình gói kỹ lá nhau và cuống rún đem chôn ở một nơi thật kín đáo trong vườn nhà của mình như cất giấu một báu vật. Vì vậy, mỗi khi nhắc đến quê hương, mỗi người đều liên tưởng đến nơi chôn nhau cắt rún của mình.

Hiện nay, do sự phát triển của xã hội nên phương pháp sinh nở hiện đại hơn nên thế hệ trẻ không biết được nhau rún của mình đã chôn ở đâu?

***Nguồn gốc Nhà bảo sanh Hội An**

Nhà bảo sanh thành lập vào năm 1958 trên nền nhà nghỉ mát của Đốc phủ sứ Huỳnh Ngọc Bỉnh. Trước đó, ông Bỉnh đã nhường lại ngôi nhà cho chính quyền thuộc địa làm đồn Partisan. Trong kháng chiến chống Pháp nơi đây trở thành đổ nát.

Việc xây dựng nhà Bảo sanh nhằm mục đích phát triển sử dụng thuốc Âu dược, đồng thời áp dụng phương pháp mới để giúp cho người phụ nữ vượt cạn được an toàn.

Cô đỡ hương thôn đầu tiên sử dụng bằng thuốc Tây của làng Hội An và cũng là người duy nhất chủ quản nhà Bảo sanh là bà Lê Thị Chí, người quê hương ở ấp An Phú, xã Hội An. Năm 1985, nhà bảo sanh sát nhập vào Trạm y tế của xã.

Ngày nay thực hiện việc sinh đẻ kế hoạch nên mỗi gia đình chỉ có từ 1 đến 2 con. Trạm y tế có đủ các phương tiện, dụng cụ thuốc men và đội ngũ cán bộ phụ sản tay nghề cao đã góp phần xóa tan những nỗi lo âu của các bậc cha mẹ khi con em sắp đến ngày sinh nở.

XÓM VIỆT KIỀU

Cuộc sống không ổn định người dân mới đành lòng xa quê để lập nghiệp nơi đất khách. Việt Kiều sống ở Kampuchia cũng thế! Chiến tranh đã làm cho nhà cửa bị tàn phá. Lũ lụt thường gây cảnh mất mùa khiến cho người nghèo lâm vào hoàn cảnh nói trên phải đến sống nhờ nơi đất khách. Họ ra đi với quyết tâm tích lũy một số vốn để trở về quê hương lập nghiệp nhưng do cuộc sống và hoàn cảnh mỗi người nên một số đã có sự nghiệp vững vàng, số khác chỉ đủ sống.

***Nguyên nhân thành lập xóm Việt Kiều:**

Kể từ khi người Pháp cai trị xứ Đông Dương, việc đi lại làm ăn mua bán và sinh sống của ba nước Việt – Miên – Lào ổn định. Đến năm 1970, Lonnol đảo chánh Quốc vương Sihanouk và gây cảnh tàn sát Việt kiều đang sinh sống ở Kampuchia. Để đảm bảo tính mạng của Kiều bào, Nhà nước Việt Nam tổ chức đưa họ về nước. Ai có điều kiện nơi nào thì trở về nơi ấy sinh sống. Những Việt Kiều sinh trưởng ở làng Hội An trở về quê nhà. Nhưng hầu hết đều không cư ngụ tại xóm Việt Kiều. Đơn cử như các hộ gia đình sau đây:

1. Gia đình bà Ông Thị Nghính (ngang quán nhà mồ).

2. Ông Phạm Văn Luận (thân phụ của ông Phạm Hữu Mười). Sửa máy và bán phụ tùng ngang bưu điện.

3. Bà Nguyễn Thị Ti (tự Chền) cất nhà gần sân vận động

4. Gia đình ông Đặng Ngọc Ẩn (tên thường gọi là Thanh Huy) mua bán ở đầu chợ.

5. Gia đình ông Huỳnh Trân (cư ngụ gần mương Bà Phú).v.v...

Đầu tiên Việt Kiều ở tạm trường Tiểu học Cộng đồng Hội An "A" (nay là trường tiểu học "A" Hội An). Sau đó chính quyền thời ấy đã chọn khu đất công điền gần kề với đất đai của vị hương hào Nguyễn Văn Phú thành lập xóm Việt Kiều.

***Sự thay đổi của xóm Việt Kiều:**

Xóm Việt Kiều có 09 hộ gia đình với gồm 40 nhân khẩu. Hầu hết đều mái lá, cột tre, nền đất. Khu vực này gần với sân vận động, trường học, trụ sở của làng và cụm dân cư kinh mới. Địa thế thuận lợi, đã khiến cho nhiều người ở nơi khác đến đây cư ngụ ngày càng đông vui nhưng vẫn quen gọi là xóm Việt Kiều.

Năm 2002, nhằm mở rộng mặt bằng để xây dựng trường học, xóm Việt Kiều bị giải tỏa. Đầu niên học năm 2006, tất cả người dân ở xóm Việt Kiều đã được di dời về khu dân cư gần đó để trả lại mặt tiền cho trường trung học phổ thông Huỳnh Thị Hường.

TRƯỜNG TRUNG HỌC TƯ THỤC HỒNG ĐỨC

Được thành lập năm 1966, là trường Trung học tư thục đầu tiên ở xã Hội An do Thầy Lê Trung Thu, giáo sư[37] dạy môn Việt văn của trường Trung học Công lập Chợ Mới làm hiệu trưởng. Thầy Trần Kiều Phương phụ trách quản lý.

Trường được mang tên là Hồng Đức, lấy từ niên hiệu của vua Lê Thánh Tông, vị vua tài đức của nhà Hậu Lê.

Do không có vốn đầu tư xây dựng trường lớp nên lúc ban đầu mượn tạm trường sơ cấp ấp Tân Sinh[38] của ấp Thị. Năm 1968, cơ sở phải trả lại, Trường Trung học tư thục Hồng Đức lại tiếp tục mượn tạm nhà bếp của đình Hội An làm nơi để dạy.

Trường thiếu giáo viên, một thầy phải dạy nhiều môn, nhiều cấp lớp. Hơn nữa không có cơ sở độc lập mang tính cố định nên đã đóng cửa vào năm 1970. Một trong những người thầy dạy ở trường trung học tư thục Hồng Đức đã liên tục theo nghề là thầy Trương Thành Triển, dạy qua các trường trung học ở Hội An như: Trường trung học Hòa Hảo, Trường Phổ thông cấp II, Trường Trung học phổ thông Huỳnh Thị Hưởng, Trường Trung học phổ thông cơ sở Hội An (đã nghỉ hưu năm 2006).

---

[37] Giáo sư: Trước năm 1975, những thầy cô dạy từ lớp 6 đến lớp 9, gọi là giáo sư đệ nhất cấp. Dạy từ lớp 10 đến lớp 12 gọi là giáo sư đệ nhị cấp.
Sau khi đất nước thống nhất, học hàm giáo sư chỉ dành riêng cho những thầy, cô có nhiều công trình đóng góp cho khoa học được nhà nước công nhận.

[38] Năm 1965, đồng loạt xây dựng ở mỗi ấp là một trường sơ cấp ấp Tân Sinh. Trường chỉ dạy từ lớp 1 đến lớp 3. Hiệu trưởng của trường thì gọi là Trưởng giáo. Trường sơ cấp ấp Tân Sinh ấp Thị do thầy Trần Phú Quới làm Trưởng giáo.

TRƯỜNG TRUNG HỌC HUỲNH THỊ HƯỞNG VÀ TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ HỘI AN



Sau ngày đất nước thống nhất, địa điểm của Trường sơ cấp ấp Thị và Trường trung học Hòa Hảo[39] được chọn làm Trường phổ thông cấp II. Sau đó là phổ cập giáo dục cấp cơ sở. Vì vậy xã Hội An được chia thành hai khu vực.

* *Khu vực I:* Trường phổ thông cơ sở "A" (địa điểm là trường tiểu học Hội An) và trường phổ thông cấp II.

* *Khu vực II:* Trường phổ thông cơ sở "B" (địa điểm là trường tiểu học ấp An Thái, Vàm Cái Nai).

---

[39] *Thành lập vào năm 1971 do ngân sách địa phương và sự đóng góp của tín đồ Phật giáo Hòa Hảo.*

Lúc bấy giờ số học sinh của hai cấp dồn lại khiến cho tình trạng khan hiếm phòng học trầm trọng. Vì lẽ ấy, mỗi điểm trường phải chia thành 3 buổi để học trong ngày, học sinh và giáo viên phải chịu tình trạng học và dạy ca ba! Học sinh tốt nghiệp phổ thông cơ sở phải thi chuyển cấp để vào học Trường phổ thông trung học Mỹ Luông. Năm 1985, hai lớp 10 đầu tiên của trường được mở đã tạo điều kiện học tập thuận lợi cho con em ở địa phương (chỉ là phân hiệu của trường trung học phổ thông Mỹ Luông)!

Năm 1990, thành lập Trường phổ thông trung học Hội An

Năm 1995, trường được vinh dự mang tên Huỳnh Thị Hưởng, một nữ anh hùng lực lượng vũ trang của quê hương Hội An. Và trong năm này, một dãy lớp 8 phòng (có lầu) được xây dựng và khai giảng đầu năm học 1996 - 1997.

Năm 1997, trường tiếp tục xây mới để nối liền 6 phòng học (có lầu), tạo thành một dãy lớp 14 phòng nhìn ra cổng trông đẹp mắt và khang trang.

Năm 2001, tiếp tục xây mới 12 phòng học và 4 phòng nhỏ (có lầu). Các cửa lớp của dãy này đều hướng về mương Bà Phú.

Năm 2002, chủ trương xây dựng để tách trường cấp II và cấp III. Những cơ sở vật chất cũ được sử dụng làm trường trung học cơ sở Hội An, xây mới một dãy 12 phòng (gồm 1 trệt 2 lầu) để làm trường Trung học phổ thông Huỳnh Thị Hưởng vào năm 2003.

Ban giám hiệu trường từ sau năm 1975:

*** Trường phổ thông cấp II Hội An:**

- Hiệu trưởng: Thầy Phan Văn Tứ. Thầy Lê Ngọc Lớp.

*** Trường phổ thông cơ sở "A" Hội An:**

- Hiệu trưởng: Thầy Lê Ngọc Lớp. Cô Nguyễn Kim Nương. Cô Lê Thị Kim Xoa. Thầy Nguyễn Ánh Việt.

*** Trường phổ thông cấp II "A" Hội An:**

- Hiệu trưởng: Thầy Nguyễn Ánh Việt. Thầy Nguyễn Ngọc Ẩn. Thầy Nguyễn Văn Tài.

*** Trường phổ thông trung học Hội An.**

- Phân hiệu trưởng: Thầy Võ Thanh Vân (1985-1990)
- Hiệu trưởng: Thầy Lê Ngọc Thạc (1990-1995)

*** Trường trung học phổ thông Huỳnh Thị Hưởng:**

- Hiệu trưởng:

  Thầy Bùi Vĩnh Tường (1995 - 2000)

  Thầy Lê Văn Tộc (2000 - 2003)

Thời kỳ tách trường:

+ Trường trung học phổ thông Huỳnh Thị Hưởng.

  Hiệu trưởng:

  Thầy Nguyễn Minh Dũng (2003 - 2005)

  Thầy Lê Văn Tộc (2005 ->

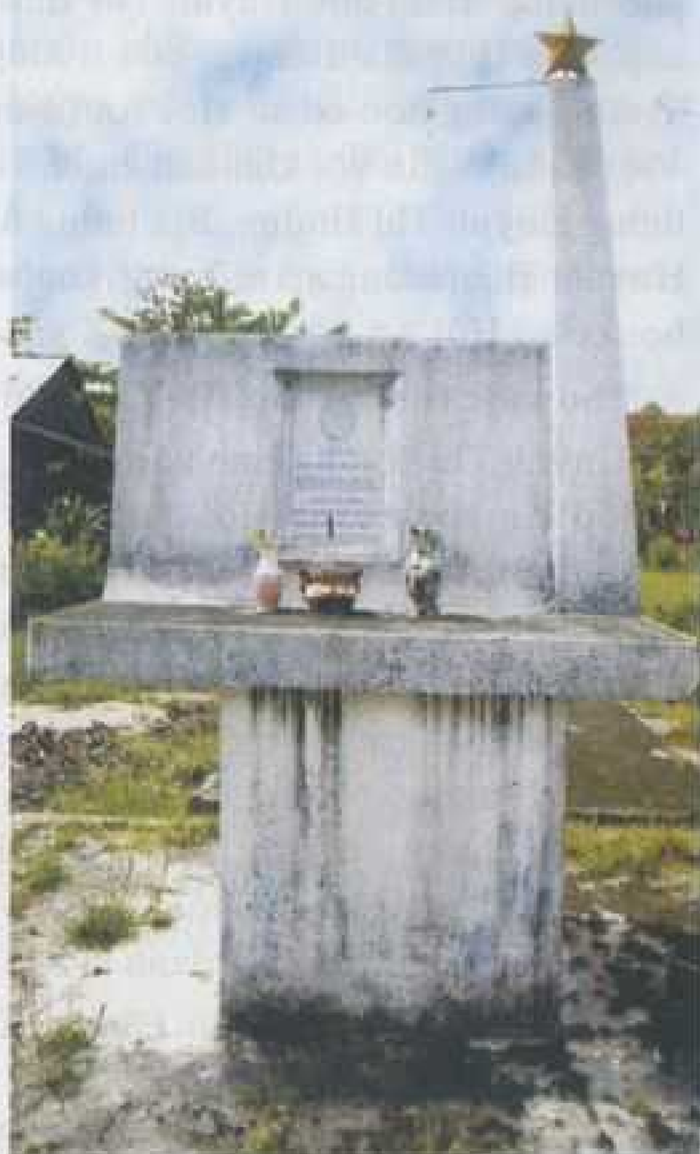
+ Trường trung học cơ sở Hội An:

  Hiệu trưởng:

  Thầy Bùi Văn Giàu (2003 ->

BIA TƯỞNG NIỆM
ANH HÙNG LIỆT SĨ HUỲNH THỊ HƯỞNG

Hiện nay, bia tưởng niệm anh hùng liệt sĩ Huỳnh Thị Hưởng tọa lạc về phía góc phải, gần sát với hàng rào Trường trung học cơ sở Hội An.



Năm 1985, liệt sĩ Huỳnh Thị Hưởng được Nhà nước truy tặng danh hiệu "Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân", Hội An cũng được vinh dự vì đã sản sinh người con làm rạng rỡ quê hương.

Để tôn vinh và ghi nhớ công ơn liệt sĩ, năm 1993, chính quyền địa phương đã tổ chức xây dựng mộ bia để tưởng niệm anh hùng Huỳnh Thị Hưởng đối diện với trụ sở Công An xã, chi phí là 15.000.000đ *(mười lăm triệu đồng).*

Năm 1995, Trường phổ thông trung học Hội An được vinh dự mang tên Huỳnh Thị Hưởng. Năm 2003, Trường phổ thông trung học Huỳnh Thị Hưởng được tách làm 2 cấp. Cấp II là địa điểm cũ của trường được mang tên là: Trường trung học cơ sở Hội An (điểm xây dựng ở Xóm Việt Kiều). Gần với khu dân cư là Trường trung học phổ thông Huỳnh Thị Hưởng. Bia tưởng niệm anh hùng liệt sĩ Huỳnh Thị Hưởng nằm trong khuôn viên trường trung học cơ sở Hội An.

***Sơ lược tiểu sử Huỳnh Thị Hưởng**

Huỳnh Thị Hưởng sinh năm 1945, nhằm năm Ất Dậu, tại ấp An Ninh làng Hội An, tổng An Thạnh Thượng, quận Châu Thành, tỉnh Sa Đéc (nay thuộc về huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang). Thân phụ là ông Huỳnh Văn Đê, thân mẫu là bà Nguyễn Thị Huôi. Sinh sống và lớn lên ở vùng quê giàu truyền thống cách mạng nên chị sớm giác ngộ cách mạng. Năm 1963, chị được kết nạp vào Đảng và nhận nhiệm vụ làm Hội trưởng Hội phụ nữ xã. Sau đó, là Chi ủy viên chi bộ xã Hội An. Trong thời gian kháng chiến, chị mang bí danh là sáu Hồng.

Trong lễ cúng Kỳ yên Đình thần Hội An, đêm 15 tháng 6 âm lịch năm 1965, tổ chức phân công chị diệt tên xã trưởng có nhiều nợ máu với cách mạng nhưng việc không thành, chị đã bị bắt.

Gần một tuần, địch dùng đủ mọi cực hình để tra tấn, chị vẫn kiên gan không khai báo. Thấy không thể khai thác được gì ở người Cộng sản kiên trung, chánh quyền thời ấy đã giết chị dã man (cắt họng, xẻo vú) vào đêm 20 tháng 6 âm lịch năm 1965. (nay gần với khu lăng miếu Tuyên Trung Hầu).

Xác của chị đem bêu ở cầu đúc Cái Tàu Thượng nhằm mục đích răn đe những người tham gia kháng chiến và cũng để khủng bố tinh thần những ai có tư tưởng yêu nước, tiến bộ. Chị Huỳnh Thị Hưởng hy sinh khi vừa tròn 20 tuổi!

Hiện nay, tên của chị được đặt ở các đường phố trong tỉnh và thành phố Long Xuyên.

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN, UỶ BAN NHÂN DÂN XÃ HỘI AN

Sau ngày miền Nam được giải phóng, trụ sở của chính quyền cũ tọa lạc tại cuối kinh mới đã bị chính quyền cách mạng tiếp quản. Sau 30/4/1975, nơi đây là văn phòng làm việc của Ủy ban Quân quản xã Hội An. Ông Ngô Hồng Tươi vừa là Bí thư kiêm chủ tịch Ủy ban Quân quản xã.

Đến năm 1976, hệ thống chính quyền đổi lại là Ủy ban Nhân dân, ông Nguyễn Văn Đức cán bộ hồi kết được bầu làm chủ tịch Ủy ban nhân dân xã.



Năm 1998 Nhà nước đã cấp kinh phí 540.000.000 (năm trăm bốn mươi triệu) để xây dựng trụ sở mới trên phần đất công điền (tọa lạc khoảng giữa khu kinh mới), đúng ngày kỷ niệm 24 năm miền Nam hoàn toàn giải phóng (30/4/1975 -> 30/4/1999) Văn phòng của Đảng ủy và Ủy ban nhân dân khánh thành. Trụ sở rộng 1.396,1 mét vuông, phòng ốc khang trang, nằm trên tỉnh lộ 942, đi thẳng vào, chính giữa là Hội trường (đã cất riêng ở phía trên, nay dùng làm Văn phòng một cửa), rẽ phải là khu hành chính của Đảng ủy, rẽ trái là khu hành chính của Ủy ban.

NHÀ BIA TƯỞNG NIỆM
ANH HÙNG LIỆT SĨ XÃ HỘI AN



Tháng 6 năm 2001, trụ sở của chính quyền cũ tiếp quản từ năm 1975 đã bị phá bỏ, để xây dựng nhà Bia tưởng niệm.

Nhà bia tưởng niệm Anh hùng liệt sĩ xã Hội An được khánh thành vào dịp kỷ niệm ngày thành lập nước 2/9/2001, với tổng kinh phí là: 370.000.000 (ba trăm bảy mươi triệu đồng). Nhà bia xây dựng theo kiểu dáng nền cao, đúc bê-tông mái che, có những bậc thang rộng làm lối đi lên xuống cho 3 hướng. Mặt tiền là sân kiểng, ở giữa là vách tường của nhà bia. Trong đó, gồm có một tấm biển lớn khắc sâu vào đá tên tuổi của 120

vị anh hùng liệt sĩ của toàn xã được xếp theo mẫu chữ cái từ A cho đến X với đầy đủ những chi tiết như: năm sinh, quê quán, năm tham gia cách mạng và năm hy sinh. Nhà bia có ghi 2 câu liễn:

* Tuổi thanh xuân, hiến dâng Tổ quốc.

* Dòng máu đào, gìn giữ non sông nhằm ca ngợi chí khí hào hùng và sự hy sinh của các liệt sĩ.

XÓM CỒN

Dựa theo chuyện kể của thầy Nguyễn Văn Na.

Xóm Cồn nay chỉ còn là tên để gọi vì hiện tại đất cồn đã liền với cựu thổ, không có đường nước nên khó mà phân biệt đâu là khu vực của xóm Cồn! Dựa vào truyền khẩu, khu vực từ ngã tư cầu đúc Cái Tàu Thượng, cặp theo con rạch để ra nhánh sông Cái là Xóm Cồn. Với những người lớn tuổi, sinh từ năm 1920 trở về trước thì họ đã từng nhìn thấy toàn cảnh biệt lập của xóm Cồn.

Thuở ấy, có một khai long rộng chừng 4 mét, phần đuôi cách ngã tư chừng 10 mét. Tại đây có một cầu ván bắt ngang để qua bên kia xóm Cồn. Cũng tại nơi cầu ván ấy, khai long cặp theo con lộ, ăn thông lên hướng trên hơn 100 mét, đến một vùng trũng thấp. (nay là khu vực kinh mới). Ngoài vùng trũng luôn ngập nước này, còn có một khai long ở bên hông nhà nghỉ mát của Đốc Phủ Sứ Huỳnh Ngọc Bỉnh (nay thuộc về nhà của bà Lê Thị Chí).

Phần đầu của khai long, còn có thêm một cồn vừa mới nổi. Địa thế được mô tả như trên, đã cho chúng ta hình dung ra xóm Cồn.

Cồn mới bồi rất nhanh. Và người dân cũng đã trồng mía ở trên ấy. Dựa vào đó, người dân gọi là cồn Mía. (bãi cồn Mía ngang với ấp Bình Tấn của xã Bình Phước Xuân là bến đợi đò).

Xóm Cồn và cồn Mía được phân biệt bằng một khai long. Hình thể của lạch nước này, từ vàm rạch Cái Tàu cong dần lên đến bãi sông ở trước nhà của ông Nguyễn Văn Huệ (người đời gọi mười Huệ). Và Cồn Mía phát triển rất nhanh, chẳng khác nào vết dầu loang lấn dần ra nhánh sông Cái nhỏ.

Năm 1960, cồn bắt đầu bị thủy phá, sạt lở mòn dần. Những phù sa tích tụ đã trôi theo dòng nước, đến năm 1989 Cồn Mía đã hóa thành sông! Nay, xóm Cồn chỉ còn là tên gọi!

***Sự phát triển của xóm Cồn**

Xóm Cồn chỉ dài hơn hai trăm mét, người dân cất nhà dọc theo ven rạch. Đa số nhà đều hướng phía sông. Đường ra xóm Cồn bao giờ cũng tấp nập người qua, kẻ lại. Bởi lẽ, nơi đây là trục lộ giao thông của bến đò Bình Tấn qua Chợ Cái Tàu.

Năm 1951, ông Nguyễn Văn Phải, quê ở ấp Hạ, xã Mỹ Trà, thị xã Cao Lãnh,tỉnh Kiến Phong (nay là Đồng Tháp) về đây lập lò bún.

Năm 1958, trên nền nhà cũ đổ nát của ông Huỳnh Ngọc Bỉnh, chính quyền thời ấy đã xây dựng Nhà bảo sanh.

Sau ngày đất nước thống nhất, xóm Cồn có thêm nhiều lò bún. Thế nên, người ta cũng thường gọi nơi đây là Xóm lò bún. Xóm lò bún đông vui, ghe xuồng các nơi đến đậu tấp nập, đa số là cư dân ở Cồn Lân[40] đi Chợ Cái Tàu.

Thêm vào đó, ở bên kia rạch, thuộc bờ Đồng Tháp là nhà máy xay lúa của Kim Ba[41] hoạt động ngày đêm khiến cho khách phương xa chỉ mới vào đầu rạch đã có ngay ấn tượng Chợ Cái Tàu quá sung túc! Hiện nay, nhà máy xay lúa không còn. Nhưng tiếng máy từ những lò bún vẫn cứ âm vang làm sinh động một xóm Cồn!

RẠCH CÁI TÀU THƯỢNG

Dựa theo truyền khẩu

Là một đoạn sông dài hơn mười cây số tiếp giáp với rạch Lấp Vò để nối liền sông Tiền với sông Hậu. Sự đảo lượn của rạch Cái Tàu chẳng khác nào như một con rắn khổng lồ trấn giữa để phân định vị trí của các làng ven tỉnh An Giang và Đồng Tháp: Hội An với Mỹ An Hưng

---

[40] *Cồn Lân: nay là xã Tân Thuận Đông thuộc về Tp. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.*

[41] *Kim Ba: Tên họ là Nguyễn Thị Kim Ba. Có hai người anh liệt sĩ:*

- Người anh thứ hai là liệt sĩ Nguyễn Văn Mi.

- Người anh thứ tư là liệt sĩ Nguyễn Văn Bân.

"A"; Hội An với Hội An Đông; Hòa An với Bình Thạnh Trung.

Thuở xưa, rạch Cái Tàu Thượng rộng lớn. Người bên này sông muốn nói chuyện với bên kia sông phải lấy hai tay để làm loa và người muốn nghe phải che lòng bàn tay để cho rộng thêm vành tai mới nghe được.

Để hình dung lại con rạch Cái Tàu thời xa xưa ấy, chúng ta hãy quan sát đoạn từ Vàm Cái Nai đến rạch Lấp Vò đôi bờ tuy bồi rất nhiều nhưng mặt sông vẫn còn rộng, từ xưa cho đến nay vẫn chưa một lần nạo vét vẫn còn giữ được hình dáng của ngày nào.

Ngược lại, từ vàm Mương Sung đến đầu rạch Cái Tàu, kể từ năm 1952 đến năm 2005 là 53 năm đã có 4 lần nạo vét[42] để khai thông dòng chảy.

Thực tế cho thấy, phần rộng nhất ở đầu rạch nay đã trở thành nhỏ nhất so với cuối rạch. Nhằm khẳng định lại sự việc, chúng ta dựa theo truyền khẩu để kiểm tra thực trạng. Chuyện kể rằng, Cù lao Giêng - xưa kia là một bán đảo cù lao, phần hạ nguồn ven sông Cái lớn nối liền làng Tòng Sơn với làng Tân Phước. Cũng chính vì thế, lượng nước từ thượng nguồn đổ về (tính ở vị trí Mỹ Luông – Tấn Mỹ) đã chảy hết vào đầu rạch Cái Tàu.

---

[42] *Lần thứ I vào năm 1952, do đội 11 (Hòa Hảo) huy động sức người để nạo vét.*

Lần thứ II vào năm 1977, huy động sức người để nạo vét.

Lần thứ III vào năm 1985, Nhà nước sử dụng xáng múc, phá bỏ các bến, bãi bồi để mở rộng mặt sông.

Lần thứ IV vào năm 2005, Nhà nước sử dụng Kobel múc sâu, dùng đến nhiều ghe có trọng tải lớn để chuyển đất đem đi nơi khác.

Đến khi hai bờ của đầu vàm rạch đã nổi cồn (một ở phía trên và một ở phía dưới). Hai cồn này, vừa làm giảm lượng nước chảy vào đầu rạch vừa.đẩy dòng chảy sang bên kia bán đảo cù lao. Nơi ấy, đã có sẵn một lối mòn do xuồng nhỏ đẩy tất, từ nhánh sông Cái nhỏ ngang qua sông Cái lớn. Cứ mỗi mùa nước lũ, lối mòn này ngày càng lớn rộng tạo thành một vùng 3 mũi và một vòng nước xoáy vô cùng nguy hiểm.

Sau đó, tại đầu rạch Cái Tàu lại nổi thành cồn. Và người dân cũng đã đến cất nhà để ở, nên gọi là xóm Cồn. Lúc bấy giờ, người ta phân biệt khu vực ở đầu vàm rạch Cái Tàu bằng tên của các địa danh như: Cồn cũ trên (nay là khu quy hoạch chợ), cồn cũ dưới (nay là đầu ấp An Bình của xã Mỹ An Hưng "A", tính từ cầu vàm xép đến nhà thầy Nguyễn Văn Na). Và xóm Cồn (từ nhà ông Đặng Văn Đúng đến nhà bà Lê Thị Chí).

Sự bồi lấng không dừng lại ở đó, khi có thêm một cồn Mía định hình (Cồn Mía này đã bị thủy phá hoàn toàn vào năm 1989). Trong khi dòng sông Cái Tàu quanh co, uốn khúc bị cồn Mía và xóm Cồn ngăn cản, làm dòng chảy yếu dần tạo nông cạn đáy sông và bãi bồi theo ven rạch. Lại thêm mỗi năm phù sa từ miệt sông Hậu phần giáp ranh với Lấp Vò đến Cái Nai – sông thì rộng và đáy sâu nên nước chảy mạnh, đã đẩy dồn phù sa làm lấng đọng từ mương Sung đến mương Bà Cọc cho nên rạch Cái Tàu phải được nạo vét thường xuyên.

Cầu đúc Cái Tàu Thượng



Từ khi có Chợ Cái Tàu Thượng nơi đây là một bến đò. Đò đưa từ bến chợ qua Triều Minh hội quán.

Trải qua nhiều năm, đầu rạch Cái Tàu nổi cồn, làm dòng chảy ngày càng suy yếu, tạo thành bồi lắng, thu dần khoảng cách đôi bờ bằng một vùng đất nổi ở giữa sông[43]. Người thời ấy tìm cách bắc 2 cây cầu tre nối liền với gò đất nổi ở giữa sông để khỏi phải qua đò.

Lúc bấy giờ, phần sông ở bờ Triều Minh hội quán nhỏ hẹp, gọi đoạn này là Khai Long. Thế nên, cầu tre bắt qua khai long chỉ dài bằng phân nửa của cầu tre qua chợ.

Tuy là có cầu nhưng đò thì vẫn đưa. Bởi lẽ, hàng hóa, người già và trẻ em làm sao đi được trên cầu tre lắc lẻo.

---

[43] *Địa điểm tại cầu đúc Cái Tàu Thượng (bờ Đồng Tháp) khoảng chừng 30 mét. Kể cả toàn bộ khu nhà đối diện lăng miếu Tuyên Trung Hầu.*

Sau đó, đất ở giữa sông bồi nhiều hơn và 2 chiếc cầu tre được thay bằng cầu Ván. Mặt cầu tương đối rộng, kẻ gánh hàng, người đi bộ ngược chiều không cần phải kính nhường. Năm 1939 (nhằm năm Kỷ mão) Pháp đã xây dựng một cầu đúc kiên cố. Cầu được cấu trúc bằng bê-tông cốt thép, mặt cầu trải đá (sau này tráng nhựa), để nối liền Chợ Mới – Sa Đéc. Tuy vậy, phần cầu ván bắc ngang khai long thì vẫn duy trì, và được thay thế bằng sườn sắt[44], mặt cầu là những thanh gỗ dày chắc.

Đặc điểm và sự thay đổi của cầu đúc Cái Tàu Thượng

Cầu đúc Cái Tàu Thượng là nơi đã chứng kiến biết bao cuộc tiễn đưa của người đi xa xứ và chờ đón người thương trở về. Nơi đây là điểm hẹn lý tưởng của trai gái yêu nhau do thói quen mỗi chiều hoặc tối có trăng người ta thường tụ tập ở thành cầu để hóng mát hoặc chuyện trò.

Năm 1946, thực dân Pháp tái chiếm lại An Giang. Chính quyền cách mạng thực hiện "tiêu thổ kháng chiến" và cầu đúc Cái Tàu Thượng bị phá gãy làm đôi để làm chậm gót giày xâm lược. Sau đó, cầu đúc Cái Tàu Thượng được tu sửa lại. Đồng thời, cột mốc ranh tỉnh cũng được cắm tại đầu cầu bờ Hội An, ghi rõ năm 1956[45] tu sửa cầu. Và ở bên kia đầu cầu thuộc về tỉnh Sa Đéc vẫn còn giữ lại biển số của năm xây dựng cầu 1939.

---

[44] *Năm 1960, sau khi tu sửa lại lộ từ Sa Đéc lên cầu đúc Cái Tàu Thượng, chính quyền dỡ bỏ cầu này.*

[45] *Ghi rõ năm 1956: Trụ xây để làm cột mốc ranh tỉnh và làm biển số để ghi năm tu sửa cầu đã bị huỷ bỏ vào năm 1997.*

Trong những năm kháng chiến chống Mỹ, cầu đúc Cái Tàu Thượng từng ôm ấp những chiến sĩ cách mạng đã hy sinh vì sự nghiệp thống nhất đất nước như chị Huỳnh Thị Hưởng.

Cầu đúc Cái Tàu Thượng không chỉ là phương tiện cố định trong giao thông mà còn hữu sự mỗi khi nước lũ tràn về. Sân chợ ngập nước, cầu đúc lại là nơi để họp chợ.

Năm 1997 cầu đúc Cái Tàu Thượng được gia cố lại móng và hành lang cầu, làm tăng thêm tải trọng và tăng thêm tuổi thọ cho cầu.

NHÀ DÂY THÉP CÁI TÀU THƯỢNG

(TÉLÉGRAPHE ET TÉLÉPHONE DE CÁI TÀU THƯỢNG)

Dựa theo chuyện kể của ông Ông Kim Long

Năm 1920 đường mòn hương thôn từ Cái Tàu xuống Sa Đéc được mở rộng và trải đá, khoảng thời gian đó trụ dây Thép[46] dựng lên dọc theo lộ. Lúc bấy giờ, tại chợ Cái Tàu Thượng cũng đã có một nhà dây Thép được thành lập trên phần đất của ông Lê Văn Hựu (nay là Quán nhà mổ, gần trường tiểu học "A" Hội An).

---

[46] *Trụ được sử dụng bằng loại thép chữ L. Thiết kế theo hình tam giác, sơn màu đen.Một trụ chính tại nhà dây thép đã bị tháo dỡ vào năm 1965 để làm nơi xây nhà mổ cho bà Lê Thị Kim Chi (nay là: Quán nhà mổ). Một trụ tại phía sau hè của ông Kế Hiền Lê Thành Sang (nay là nhà của ông Lâm Văn Ly). Trụ này dùng để bắc dây qua rạch Cái Tàu, cũng được tháo dỡ cùng một lúc với năm xây nhà mổ. Một trụ bên hông nhà của ông Huỳnh Ngọc Ấn (đối diện với dốc cầu nhỏ sau chợ, bờ Mỹ An Hưng "A"). Đã bị tháo dỡ vào năm 1987.*

Nhà dây Thép cũng giống như trạm Bưu điện ngày nay. Việc liên lạc nhanh nhất của thời ấy là "Gõ dây thép". Muốn thông tin với nhau phải qua tín hiệu tít – te của máy phát ra. Đồng thời, bộ phận của máy luôn chuyển những tín hiệu tít-te lên mặt giấy bằng những dấu chấm và những gạch nằm ngang, ngắn hoặc dài. Từ đó, dựa trên mẫu tự Alphabet đã được quy định làm ký hiệu, để chuyển sang thành văn bản. Công việc chuyển và nhận tin đều do thầy Thông dây thép[47] phụ trách. Liên lạc với nhau bằng thơ thì phải dán Cò[48]. Thơ gởi trong nội địa phải mất hằng tuần mới đến tay người nhận, gởi ra nước ngoài thì hằng tháng.

Nhà dây Thép Cái Tàu Thượng được sử dụng cho đến khi Pháp tái chiếm thì bị phá sập.

Sự phát triển của Bưu điện Hội An

Từ khi Ngô Đình Diệm lên nắm chính quyền, cho đến những năm đầu đất nước thống nhất, hệ thống liên lạc với nhau nhanh nhất là điện thoại nhưng cũng chỉ sử dụng nhiều ở cấp tỉnh, thành. Trong khi ở nông thôn, người dân vẫn liên lạc với nhau bằng thơ có dán tem. Thùng thơ luôn đặt trước công sở của làng. Hệ thống chuyển thơ của ngành Bưu điện là xe đò, tàu khách lẫn ngành hàng hải với hàng không.

---

[47] *Thầy thông dây thép: Thầy thông dây thép lúc ban đầu là Thầy Thông Nhuận (không rõ họ). Sau đó, là ông Trương Kim Qui phụ trách cho đến khi ngừng sử dụng.*

[48] *Dán cò: Xưa kia, người ta gọi là dán Cò, ngày nay, gọi là dán tem.*

Riêng về các cấp chính quyền, các đơn vị quân đội sử dụng máy truyền tin[49].

Năm 1980 trạm Bưu điện Hội An được thành lập bằng 2 kiosque[50] nằm bên hông trái của phía sau nhà lồng Chợ Cái Tàu Thượng. Trong giai đoạn nầy, chỉ mang tính là Bưu trạm.

Năm 1989, điện lưới quốc gia về đến xã Hội An. Trên cơ sở đó, ngành Bưu điện Hội An được thành hình.

Năm 1990, Bưu điện Chợ Mới thuê lại căn nhà cũ của ông Bùi Văn Hoanh, do chính quyền địa phương quản lý (hiện đang là văn phòng của Ban Thông tin văn hóa xã) gần ngã tư dốc cầu đúc Cái Tàu Thượng) để làm trạm Bưu điện.

Lúc đầu, trạm Bưu điện còn mang tính "Điện thoại công cộng". Lần lượt các hộ kinh doanh, gia đình khá giả gắn máy. Đầu tiên chỉ có 3 số, sau đó lên 5 số và bây giờ là 8 số. Hiện nay mạng lươi điện thoại cũng đã phủ đều trong toàn xã, việc liên lạc với nhau đã mang tính toàn cầu.

---

[49] *Máy gọi với nhau để nghe trực tiếp, không dùng qua ký hiệu, không chuyển qua dây. Ở đầu cạnh máy có gắn một Anten hình lá lúa. Loại máy này được mang ở trên lưng, sử dụng bằng pin khối (loại pin có nhiều thẻ hình chữ nhật hoặc vuông chồng khít lên nhau). Ngoài ra, còn có HT6. Đây là một loại máy dùng để liên lạc trong nội bộ, có tầng số ngắn, hình thức của máy gọn, trọng lượng nhẹ. Loại máy này thường cầm trên tay.*

[50] *2 Kiosque: một của bà Vi Thị Chên; một của Dặng Tuyết Vân.Trưởng trạm lúc ấy là: Lê Văn Kiện.*

CHỢ CÁI TÀU THƯỢNG

Dựa theo truyền khẩu



Tên của các ấp thuộc xã Hội An đều đứng đầu bằng chữ An. Thế mà, người đời không gọi là Chợ Hội An mà gọi là Chợ Cái Tàu Thượng !

Ấp tại chợ được mang tên là ấp Thị (nghĩa chữ Hán Nho thị là chợ). Trong quá trình khai mở để lập làng, chợ đã có trước. Sau đó, mới phân ấp lập làng. Vậy chúng ta thử truy tìm lại nguồn gốc ban đầu khi chưa lập chợ.

Năm 1836, vua Minh Mạng sai ông Trương Đăng Quế và ông Trương Minh Giảng, phụng chỉ vào Nam kỳ lục tỉnh chỉ huy việc đo đạc, lập địa bạ. Làng Hội An được ghi chép về tứ cận như sau:

* *Cựu Hội An thôn:*

- Đông giáp thôn Mỹ An (nay là xã Mỹ An Hưng "A" và "B", huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp và thôn Tân

Bình (nay là xã Bình Thạnh Trung, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp).

- Tây giáp thôn Mỹ Luông (nay là xã Mỹ An và An Thạnh Trung, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang).

- Nam giáp thôn Bình Thành Tây (nay là xã Hòa An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang) và thôn An Hoà (nay là xã Hòa Bình, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang).

- Bắc giáp sông và địa phận thôn Mỹ An (nay là xã Mỹ An Hưng "A" huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp).

* Căn cứ vào việc lấy Chợ để đặt tên cho ấp (tức là ấp Thị). Điều này khẳng định Chợ có trước, sau đó mới phân ấp lập làng.

* Căn cứ vào trung tâm hành chính của cựu Hội An thôn tọa lạc tại ngã Bát (thuộc ấp An Bình nay giáp ranh với ấp An Thới) vẫn còn là địa phận của xã Hội An.

* Căn cứ vào vị trí và tên gọi: Chợ Cái Tàu Thượng – một trong năm chợ lớn nhất của huyện Vĩnh An thời ấy thì Chợ Cái Tàu Thượng thuộc về cựu Hội An thôn.

Bối cảnh lập chợ

Để trấn giữ đất Tầm Phong Long. Chúa Nguyễn Phúc Khoát đã cho thành lập một hệ thống phòng thủ ở tuyến sông Tiền như sau:

1. Long Hồ Dinh: (nay là thị xã Vĩnh Long) nơi đây là trung tâm chỉ huy của tướng Trương Phúc Du và Nguyễn Cư Trinh.

2. Đông khẩu đạo: đóng tại Sa Đéc.

3. Tân Châu đạo: đóng quân tại Cù Lao Diên (nay gọi là Cù lao Giêng, sau chuyển lên Long Sơn-Tân Châu), phòng thủ ở tuyến Tiền Giang:

4. Châu Đốc đạo: đóng quân tại Châu Giang (sau chuyển qua Châu Đốc), phòng thủ tuyến Hậu Giang.

Trên cơ sở phòng thủ vững chắc đã tạo được sự an ninh cho toàn tuyến sông Tiền và sông Hậu. Từ đó hình thành những làn sóng di dân của cộng đồng người Việt đến khai phá. Đồng thời, thu hút cộng đồng người Hoa gốc Triều Châu từ miệt Hà Tiên tràn lên tìm nơi định cư mua bán. Khách hàng ở đây là những cư dân khai phá và những binh sĩ trấn giữ vùng này.

Trong quá trình vừa phòng thủ vừa di dân để khai phá đã thành hình các chợ: Chợ Đất Sét (ở Mỹ An), Chợ Cái Tàu Thượng (ở Hội An) và Chợ Thủ (ở Tú Điền)... Tại sao lại gọi là Cái Tàu Thượng. Điều này chúng ta phải chiết tự để làm rõ hơn về tên đã gọi.

Chợ: phát âm của chữ Hán Nho gọi là Thị. Chỉ nơi nhóm họp để mua bán, trao đổi hàng hóa. Điều này được khẳng định lấy tên gọi là Chợ (Thị) để làm tên cho ấp (Ấp Thị).

Cái: là một danh từ cổ xưa trong tiếng Việt, rất phong phú và đa dạng dùng để chỉ người, động thực vật và sự việc.

Tàu: nghĩa của chữ là thuyền, buồm (dụng cụ dùng để chuyên chở trên sông).

* Chữ ghép Cái Tàu ý chỉ về người Tàu. Vì khi người Trung Hoa đến Việt Nam họ đều dùng phương

tiện thuyền buồm, người Việt gọi người Trung Hoa là người Tàu.

Thượng: nghĩa của chữ là ở trên, cấp trên. Cái Tàu Thượng chỉ nơi nhóm họp, mua bán của cộng đồng người Hoa thuộc khu vực phía trên của nhánh sông Tiền. Sở dĩ có sự phân biệt như vậy là do ở phần hạ lưu sông Tiền cũng có chợ họp của cộng đồng người Hoa nên gọi là chợ Cái Tàu Hạ. Và từ đó cho đến nay đã có 8 thế hệ người Hoa sinh sống tại đây.

Từ những chuỗi người Hoa có liên tục những thế hệ con cháu sinh đẻ ở vùng này và hiện nay mồ mả, di tích cũng vẫn còn. Điều này lý giải tên gọi chợ Cái Tàu Thượng là địa danh dùng để chỉ cộng đồng người Hoa đang định cư mua bán ở thượng nguồn sông Tiền.

Chợ Cái Tàu cháy lần thứ I

Năm 1888 nhằm năm Mậu Tý, chợ Cái Tàu đã bị hỏa hoạn thiêu hủy toàn bộ nhà phố, chỉ còn trơ lại miếu Bảy Bà. Bức tranh "Diện mạo của làng Hội An" được cụ Bùi Xuân Hòa cảm tác trong bài "Vè cháy Chợ Cái Tàu Thượng" (nay bản sao chép vẫn còn, và có đính kèm ở phần sau)

Căn cứ vào chuyện kể, đối chiếu với nội dung bài Vè của cụ Bùi thì chợ cháy là do bà Ông Thoại Lan (tiếng Triều Châu phát âm là Xiều Lánh) đốt pháo đưa ông Bổn về trời vào ngày 24 tháng Chạp năm Mậu Tý đã làm thiêu hủy toàn bộ chợ Cái Tàu – trung tâm thương mại của tổng An Thạnh Thượng thời kỳ Pháp thuộc và cũng là diện mạo của làng quê Hội An đã tồn tại từ buổi đầu khai mở. Chợ Cái Tàu đã mau được hồi sinh và

ngày càng trở nên thịnh vượng. Vì nơi đây là trung tâm hành chính của đơn vị tổng và trung tâm thương mại của nhiều làng phụ cận.

Chợ Cái Tàu cháy lần II

Ngoài việc mua bán hàng hóa, thương nhân chợ Cái Tàu còn sản xuất đèn cầy. Thuở ấy hãng làm đèn cầy mang hiệu Hiệp Hưng[51] do ông Trần Diệu Khôn làm chủ. Ông này gốc Triều Châu nên người đời thường gọi ông là iều Khung.

Đèn cầy hiệu Hiệp Hưng sản xuất bao nhiêu cũng không đủ để bán thậm chí đã có hơn mười nhân công mà vẫn còn phải làm thêm cả ban đêm mới đủ hàng bán Tết! Mùa đông năm 1924, nhằm năm giáp Tý, công nhân ngủ trên gác đốt đèn cầy mà không dùng đến vật dụng để chứa nến tan chảy nên đèn cầy cháy lụn đến ván gây ra hỏa hoạn làm thiêu hủy toàn bộ dãy phố ở phía đông, nằm tiếp giáp bên mé rạch Cái Tàu.

Năm 1925 những ngôi nhà mới lần lượt mọc lên, đẹp hơn, kiên cố hơn. Nhà mới được xây dựng có chú ý phòng cháy nên hiệu quả hơn. Điều này được chứng minh qua di tích còn sót lại 2 căn phố bán bách hóa của bà Ông Thoại Nga. Tường xây đá miếng dày 3 tấc, dài đến 15 mét, cao hơn 1 mét mới xây gạch. (nay là vách

---

[51] *Con gái thứ ba của ông Trần Diệu Khôn là Trần Phụng, đã nối nghiệp và phát triển thương hiệu Hiệp Hưng thành cơ xưởng tại đường Lão Tử ở khu vực Chợ Lớn (nay vẫn là đường Lão Tử thuộc Quận 5 thành phố Hồ Chí Minh)*

nhà của Trần Bá Nảng và ông Ngô Cẩm Long (tên thường gọi là Hai Tỷ).

Chợ Cái Tàu Thượng lúc bấy giờ không chỉ đáp ứng đầy đủ cho người tiêu dùng qua các mặt hàng từ bình dân đến cao cấp. Thậm chí có tiệm Vân Hương Các của ông Hồng Kim Thành công khai phục vụ những người hút thuốc phiện. Thuở ấy, tiệm bán á phiện có đóng thuế môn bài. Trên bảng tiệm bán thuốc phiện còn ghi thêm chữ Pháp RÉGIED'OPIUM !

Chợ Cái Tàu cháy lần thứ III

Cuối xuân Mậu Tý năm 1948, tàu của Tây chuyển quân từ Sa Đéc đến vàm rạch Cái Tàu Thượng. Trước khi lên bờ, chúng đã bắn Mortier[52] vào khu vực chợ, làm cháy 02 căn nhà thuộc về xóm Cồn, cách ngã tư dốc cầu đúc chừng 30 mét. May mắn buổi sáng nên có nhiều người đi khỏi chỉ còn bà Lê Thị Lương bị trúng đạn.

Sau đợt pháo dọn đường, Pháp tiến sâu vào khu chợ. Và theo sự chỉ dẫn của Việt gian, chúng thực hiện khám xét nhà của ông Phước (không rõ họ). Ông là chủ tiệm rượu, có người con tên Thọ đang làm cán bộ Việt Minh. Dựa vào đó, Pháp tập trung hết cư dân ở phố chợ đến chùa Ông để chờ bao bố[53] nhận mặt Việt Minh. Sau đó,

---

[52] *Mortier: Loại súng cối có chân, dùng để bắn pháo. Đường kính của nòng súng là 60 ly.*

[53] *Bao bố: Làm Việt gian, làm mật thám cho Pháp, sống trà trộn với dân. Mỗi khi người Pháp ruồng bố, mật thám được trùm kín từ đầu đến gối bằng bao bố (loại dùng để đựng gạo hoặc đường cát) phần trùm trên đầu là đáy bao có khoét hai lỗ để cho người ở trong bao thấy rõ người ở bên ngoài. Những người bị tình nghi được đưa đến trước mặt người bao bố, chỉ một cái gật đầu tức là khẳng định người ấy là Việt Minh.*

châm lửa đốt nhà ông Phước. Lửa cháy lan, Pháp không cho bất cứ người nào được về nhà để chữa cháy, làm thiêu hủy toàn bộ chợ Cái Tàu Thượng.

Máu và lửa đã liên tục làm đau lòng làng Hội An. Từ ấy, thực dân Pháp liên tục ruồng bố gắt gao Việt Minh, khiến chợ Cái Tàu phải họp lại ban đêm, có lúc nhóm ở chùa An Long, khi thì dời đến ngã ba Đường đấp. Những năm này, làng quê luôn đắm chìm trong chiến tranh!

Giai đoạn kiến thiết chợ Cái Tàu Thượng lần thứ III

Sau hai lần cháy chợ do bất cẩn là mỗi lần tái thiết đẹp hơn, kiên cố hơn. Nhưng lần thứ ba này, tái thiết chậm hơn và tạm bợ vào năm 1951. Bởi lẽ, chợ tái thiết trong thời kỳ sau chiến tranh thế giới lần thứ II, vật liệu xây dựng đã trở nên khan hiếm. Hơn nữa mỗi nơi, mỗi khu vực đều có lực lượng giáo phái hùng cứ. Vì lẽ ấy vật liệu xây dựng mua được chở đi, thì chỗ kia đón lấy.

Xã Hội An có đại đội 11 của Dân xã quản lý nên binh lính của đảng phái đua nhau cất nhà bằng tre lá. Chỉ có văn phòng làm việc của tham mưu đại đội, đồn bót và nhà lồng chợ là xây dựng bằng gạch ngói, cây ván cũ của bổn phố thu gom lại. Không có ciment, người ta đã phải dùng đến hồ vôi với ô dước và mật đường để trộn lẫn vào với nhau mà xây tường!

Thời ấy, ông Nguyễn Văn Quế (tự cà) – đại đội trưởng đại đội 11 được Tây cấp phát vũ khí và lương bổng chỉ huy một đại đội nhưng dưới trướng lại có đến 36 trung đội, vượt gấp 12 lần so với danh sách. Thế nên,

khu tự trị của ông gồm có bến đò, bến xe, hoa chi chợ và luôn cả đất đai của các địa chủ. Thậm chí cây trồng như tre của dân phải xin phép mới được đốn! Họ còn tổ chức cờ bạc, số đề để thu thuế.

Nhằm cổ vũ cho phong trào cờ bạc, các chủ thầu số đề, chủ các bàn tài xỉu đã thuê bao đờn ca tài tử để thu hút thêm lượng khách ở phương xa. Bởi đờn ca tài tử là một bộ môn nghệ thuật được nhân dân yêu thích và hiếm có ở nông thôn trong thời kỳ đầu phát triển ngành sân khấu cải lương.

Do chính sách ngu dân của Pháp đã tạo nên cảnh ồn ào, náo nhiệt và phát sinh ra nhiều tệ nạn cờ bạc, ca hát, ăn nhậu … Vì lẽ ấy, trong dân gian có câu:

"Muốn ăn chơi thì đến Cái Tàu
Muốn làm giàu thì về Đất Sét"

Tình trạng này đến năm 1957 mới bị dẹp bỏ.

Chợ Cái Tàu Thượng kiến thiết lần thứ IV

Năm 1958, chợ Cái Tàu được kiến thiết lại, vật liệu đa phần là gỗ dầu, lầu gác bằng ván, mái ngói, phần cuối chợ được phép cất trệt nhưng phải mái ngói hoặc tôle để giữ vẻ mỹ quan khu chợ.

Nhằm phòng ngừa hỏa hoạn và phân luồng giao thông đường thủy, chính quyền thời ấy đã chừa lại hai con hẻm làm lối lưu thông cho ghe xuồng neo đậu ở phía sau dãy phố gần cầu đúc Cái Tàu Thượng. Hai con hẻm ấy là:

1. Hẻm (nay là vách nhà của Hồng Văn Năm, tên thường gọi là Bé Em đến vách nhà của Trần Bá Nẳng) hẻm này đã bị chiếm phân nửa.

2. Hẻm (nay là vách nhà của ông Ngô Cẩm Long (thường gọi là Hai Tỷ) đến vách nhà của ông Lý Văn Được (thường gọi là Bảy Suổl). Hẻm này, rộng hơn hẻm trên, nay đã bị chiếm dụng hoàn toàn.

***Sự phát triển Chợ Cái Tàu Thượng**

Năm 1970, chính quyền xây mới nhà lồng chợ, hai bên hông là những kiosque, xóa cảnh buôn bán lều chõng trước đây đồng thời tráng ciment ở đầu chợ và luôn cả lối đi là khoảng giữa dãy phố với các kiosque.

Năm 1972, chính quyền cất thêm một nhà lồng chợ ở phía trện. Nhà lồng này, có kèm những kiosque hai bên hông nhưng có lẽ chưa quen nên chẳng có ai đến để mua bán khiến nhà lồng luôn vắng vẻ thỉnh thoảng chính quyền tổ chức văn nghệ hoặc cho các đoàn cải lương thuê để hát.

Sau ngày đất nước thống nhất, phong trào văn nghệ quần chúng phát triển mạnh. Chính quyền cách mạng đã tận dụng nhà lồng làm sân khấu.

Khi thành lập Hợp tác xã mua bán, những kiosque nhà lồng chợ cũ đều được trưng dụng làm các kho hàng, có lúc là nơi bán tem phiếu thời bao cấp.

Từ năm 1975 đến nay chợ có các đợt sửa chữa:

- Năm 1982, chính quyền cùng với nhân dân đóng góp tráng ciment sân chợ và đầu chợ.

- Năm 1985, Hợp tác xã mua bán tu sửa nhà lồng chợ để thành lập cửa hàng ăn uống.

- Năm 1989, điện lưới quốc gia về đến xã Hội An, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân phố chợ được hưởng những tiện nghi hiện đại. Điện thắp sáng lên khuôn mặt chợ Cái Tàu.

- Năm 1991, giai đoạn hồi sinh của mua bán lẻ. Ủy ban nhân dân xã Hội An tiếp tục xây dựng những kiosque đối diện nhà lồng chợ để bán lại cho những người có nhu cầu.

Riêng nhà lồng chợ ở phía trên được sử dụng làm rạp hát. Năm 2002, xây dựng lại nhà lồng mới.

Vè cháy Chợ Cái Tàu Thượng của thầy Bùi Xuân Hòa

(Cảm tác năm Mậu Tý 1888)

1. Khoanh tay thở vắn, chắc lưỡi than dài
2. Mậu Tý niên trong tháng mười hai
3. Quí Đông ngoạt, nhằm ngày 24
4. Nhà thị Lánh lễ đưa ông Bổn
5. Đốt pháo rơi cháy hết phố phường
6. Thấy cuộc đời thêm thảm thêm thương
7. Nhìn sự thế, ngán đời quá ngắn
8. Nhà năm Quấn cột rường tiêu tán
9. Nát chữ vàng đã hóa ra tro
10. Lầu bảy Sên sự nghiệp rất to

11. Thương người ngọc nằm trong đống lửa
12. Bởi chắc ý, lên lầu đóng cửa
13. Vận khiến hư xuống đất bỏ nhà
14. Thợ lỗ ban rày đã ra ma
15. Còn đâu nữa chạm dơi, chạm trỉ
16. Giàu Thạch thị nay đã hóa quỉ
17. Đã rồi đời làm cách làm kiêu
18. Dường như miên chúa đốt nhà thiêu
19. Ví chẳng khác Trụ vương lên giàn hỏa
20. Người nhà lá cháy đà tan rã
21. Hớn hở thay, ghe lá đua chen
22. Bợm sĩ hành cháy đã tan tành
23. Tức tối mấy ghe hàng lơ láo
24. Người thương phát gạo, kẻ tưởng cho tre
25. Bảy ngày xuân tiếng pháo vắng hoe
26. Ba bữa tết hơi hương lạnh ngắt
27. Đến khi lửa tắt, thấy những tro tàn
28. Bợm bắt heo tỏ đến mặt quan
29. Tay ôm gối chán chường Cai Tổng
30. Gò lũng đoạn trống lơ trống lổng
31. Chốn thị – thiền sạch bách sạch trơn
32. Miễu Bảy bà trơ trọi giữa càn khôn
33. Nhà sáu Hái trẻn tràng trong Võ Trụ
34. Phước đức bấy một nhà thầy Hữu
35. May mắn thay cái phố Ban Cương

36. Thương là thương thầy Lương thầy Dương
37. Cám là cám bộ Miên bộ Quế
38. Hỏa hạng quan dầu tha thuế
39. Thân bần đay ai lại thương cho
40. Ngán ngẫm thay ông Xã rủi ro
41. Mới ban ấn chợ kia liền cháy
42. Bát ngát mấy thầy Hương tức tối
43. Mới lãnh bằng lầu nọ bị thiêu
44. Tiệm Quảng Xương hàng hóa tiêu điều
45. Phường thuốc bắc – quế, sâm cháy nát
46. Lửa cháy trong một lát!
47. Của chẳng biết mấy muôn !
48. Chệt nhộn nhàng nước mắt đượm tuông
49. Dân xao xuyến chơn mày lửa cháy
50. Lộn lạo kẻ khôn người dại
51. Xô bồ dân Việt khách Ngô
52. Người khi không chạy đến giựt đồ
53. Kẻ bị lửa bỗng liền mất của
54. Cháy không còn chiếc đũa
55. May đâu cuốn được cái mùng
56. Nhà biện Ngưu, hia Mãn nói khôn cùng
57. Phố Hương Hạc, Bang Giàu nên quá tiếc
58. Bởi vì ai tắc nghiệt
59. Mua cân già lại bán cân non
60. Tại mấy đứa vô nghì

61. Tráo thước đủ lại đo thước thiếu
62. Vậy nên nỗi hiệu thiên phát điếu
63. Bởi khiến nên ngọc thạch khu phần
64. Phố trăm căn lửa cháy phừng phừng
65. Trời năm thức khói bay mịt mịt
66. Chớ rằng:
67. Mỗ thổi lông thổi lông tìm vết
68. Bởi vì ai vẽ rắn thêm chưn
69. Thấy cuộc đời ta dửng dừng dưng
70. Thôi cất bút nói làm chi nữa
71. Nghe quan trên dạy sửa
72. Dân dưới đã an bài
73. Một hai ngày tình cũ đã phai
74. Ta sắp tính phố phường lập lại -
75. Xin dân làng đừng có ngại
76. Lập cơ đồ dốc để trăm năm
77. Lạy trời nam ơn bủa vững bền –
78. Xin chúng dân no – đủ
79. Chợ Cái Tàu trăm năm qui cũ
80. Làng Hội An muôn thuở vững bền

Bài vè này do ông Nguyễn Văn Na, dịch từ bản văn chữ nôm – Có sự trợ giúp của thầy Bảy Cao (danh nho ở xã Hội An) và thầy Sáu Ninh (đông y sĩ) sao chép xong vào năm 1961.

*** Giải nghĩa chữ Hán hoặc Nôm:**

Câu 3- Quí đông ngoạt: Tháng thứ ba của tiết mùa đông (tức tháng 12 âm lịch)

4- Thị Lánh là bà Ông Thoại Lan; ông Bổn: vị thần gọi theo tục người Hoa gọi là ông Thần Táo quân.

8- Ông Năm Quấn: Tên thật là Ông Vạn Quảng

10- Bảy Sên là Ông Trường Thanh cha đẻ của bà Ông Thoại Lan

16- Giàu Thạch thị tên một tiệm buôn giàu có tánh kiêu căng

22- Bợm sĩ hành: tiếng nói châm biếm người dốt mà hay nói chữ nho.

29- Cai Tổng viên chức trông coi quận, kế dưới là Tổng

30- Gò lũng đoạn là sân chợ

32- Miếu Bảy Bà vị trí phía sau những Kiosque trên đầu chợ ngày nay.

33- Nhà Sáu Hải – tên thật là Ông Trường Hải

35- Bang Cương: Một chức vụ cử theo người Hoa. Tên thật là Tạ Đại Cung.

36- Thầy Lương – Thầy Dương tên hai người có tiếng văn hay thời bấy giờ.

37- Bộ Miên – Bộ Quế hai ông hương chức tân và cựu làm Hương Bộ (Con cháu là Huỳnh Ngọc Ấn, cháu nội hiện ngụ đầu cầu ván phía bờ Mỹ An Hưng A.

38- Hỏa hạng: Thời Pháp có chữ PATENTE là thuế môn bài phải đóng hàng năm cho người buôn bán các nghề tại khu chợ.

40- Ông xã rủi ro: Hương làm xã mới lãnh tờ cữ thì chợ cháy luôn tờ cữ của ông.

44- Tiệm buôn Hiệu Quảng Xương bán thuốc bắc.

48- Chệt: Tiếng Việt gọi chung tất cả người Hoa Kiều sang Việt Nam làm ăn.

51- Ngô: Ám chỉ người Tàu, tránh câu hành văn trùng tự

52- Nhà Biện Ngưu: một chức trong làng; Biện: thơ ký thời nay.

Hia MÃN, tên một người Hoa tên MÃN tuổi còn trẻ.

58- Phố Hương Hạc nhà một hương chức tên là Hạc.

Bang Giàu: người tên Giàu được cữ chức Bang đại diện cho người Hoa.

59- Tắc nghiệt: gây việc ác.

63- Hiệu thiên Phát điếu: ý nói làm việc ác mới gặp quả bị cháy tiêu hết sản nghiệp.

64- Ngọc thạch khu phần: Của quý giá như kim cương, cẩm thạch v.v bị lửa cháy thành khối lộn xộn.

67- Mỗ: tiếng xưng là ta, người có tư thế.

(Phần trích dẫn tên người và giải nghĩa chữ Hán Nho là thủ bút của thầy Nguyễn Văn Na – cựu Hiệu Trưởng trường Tiểu học Cộng đồng Hội An "A"

Bà Hai Chủ Chợ

Bà gốc người Triều Châu, sinh năm 1871 nhằm năm Tân Mùi, tại Chợ Cái Tàu Thượng, thuộc ấp Thị, làng Hội An, tổng An Thạnh, huyện Vĩnh An, hạt Sa Đéc (nay thuộc huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang). Bà là cháu

ruột, cũng là con nuôi của ông Ông Trường Thanh và bà Đỗ Thị Ngọc[54].

Chuyện xưa kể lại, lúc nhận về nuôi bà xinh, dễ thương và tròn trịa như hạt mít nên dưỡng phụ đặt tên là Ông Thoại Mít. Lớn lên, bà rất siêng năng, quán xuyến mọi công việc trong nhà, là một người con hiếu thảo.

Gia đình bà buôn bán lớn tại Chợ Cái Tàu Thượng một căn là bán hàng bách hóa, một căn là sản xuất gỗ khắc chạm[55]. Do bất cẩn, em gái thứ tư của bà là Ông Thoại Lan (tiếng Triều Châu phát âm là Lánh) đốt pháo tiễn đưa ông Bổn về trời gây ra hỏa hoạn, làm thiêu hủy toàn bộ chợ Cái Tàu Thượng! Song thân của bà quá tự tin về sự kiên cố của ngôi nhà, nên đóng chặt các cửa và lên lầu tránh lửa. Để cứu cha mẹ[56] và tài sản, bà đã vùi mình trong biển lửa khi mới mười tám tuổi xuân.

Trước cảnh tro than của chợ Cái Tàu Thượng ông Bùi Xuân Hòa[57], một danh nho thời ấy đã cảm tác bài "Về

---

[54] *Bà Đỗ Thị Ngọc: Là em dâu thứ bảy, của bà Ông Thị Lê. Tháp của bà Đỗ Thị Ngọc tọa lạc trước chùa bà Lê (cùng một hướng và được kiến trúc giống như Tháp bà Lê).*

[55] *Sản xuất gỗ khắc chạm: Chạm khắc hình rồng phượng, hoa lá v.v trên gỗ quí, để trang trí hoa văn trên tủ, bàn, giường. -*

[56] *Ông Ông Trường Thanh, tiếng Triều Châu phát âm là Sênh cùng với vợ là Đỗ Thị Ngọc, bị phỏng nặng phải đưa qua chùa ông Bổn (nay là Thanh Đức Cung). Bà Đỗ Thị Ngọc được cứu sống. Riêng ông Ông Trường Thanh bị phỏng nặng nên từ trần vào rạng sáng ngày mùng một tết năm Kỷ Sửu.*

[57] *Ông Bùi Xuân Hòa: Quê ở Quảng Nam (Đà Nẵng), trong lúc chờ khoa thi Hội thì Pháp đánh chiếm Bắc Kỳ, triều đình Huế phải ký hòa ước PATENOTRE (1884). Công danh trắc trở ông tìm đến làng Hội An mở trường dạy học. Ông văn hay chữ tốt nên người đời thường gọi là "Thầy Phụng". Ông là người cảm tác bài vè cháy chợ Cái Tàu năm 1888.*

cháy chợ". Câu thơ số 11, ông đã bùi ngùi thốt lên: "Thương người ngọc, nằm trong đống lửa". Vốn chết trẻ nên có nhiều câu chuyện về bà. Từ ấy, oai linh của bà làm chấn động khu chợ. Tiếng đồn xa, ai cầu xin điều gì cũng được bà báo ứng linh nghiệm người đời đã tôn vinh Bà Hai Chủ Chợ.

TRỤ SỞ GIÁO HỘI PHẬT GIÁO HÒA HẢO

Lúc ban đầu trụ sở tọa lạc tại ngôi nhà bỏ trống của bà Ông Thoại Nga (gần bến chợ, thuộc dãy phố hướng đông. Nay là nhà của Trần Bá Nảng). Sau đó, dời về trụ sở Ủy ban hành chánh xã Hội An (đối diện nhà lồng Chợ Cái Tàu Thượng).

Nguyên trụ sở của chính quyền thời ấy là văn phòng của đại đội 11 và trụ sở của Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo (thuộc đảng phái chính trị), được xây dựng vào năm 1950. Do vậy, chính quyền phải dời cơ quan về lộ nhựa, cách ngã tư dốc cầu đúc chừng 100 mét, để bàn giao lại cho Giáo hội làm trụ sở.

Năm 2007, văn phòng Ban Trị Sự Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo xã Hội An đặt tại nhà ông Dương Văn Thặng (phó ban trị sự), ngụ tại ấp Thị 2.

CẦU NHỎ

(PHÍA SAU CHỢ CÁI TÀU THƯỢNG)

Mùa đông năm Ất Dậu (1945), Pháp đánh chiếm lại những khu vực do Việt Minh kiểm soát. Làng Hội An là một trọng điểm để càn quét.

Nhằm cản trở những cuộc hành quân, lực lượng Việt Minh vận động nhân dân phá gãy làm đôi cầu đúc Cái Tàu Thượng.

Cầu gãy gây khó khăn cho Pháp trong việc truy kích Việt Minh và làm trở ngại không ít việc đi lại của nhân dân hai bờ. Cán bộ Việt Minh có tên là Khương (không rõ họ) làm trưởng ban tiếp tế, đã vận động nhân dân bất dã chiến hai cây cầu bằng gỗ qua rạch Cái Tàu.

- Cầu ván, cách cầu đúc phá sập chừng 100 mét về hướng đông (nay là trước nhà ông Nguyễn Văn Khai sang nhà ông Trương Văn Phục).

- Cầu về hướng tây, ở phía sau Chợ Cái Tàu (nay là trước nhà ông Huỳnh Ngọc Ấn qua nhà ông Trần Duy Huỳnh (tên thường gọi là Huỳnh Em).

Năm 1956, cầu đúc Cái Tàu Thượng được tu sửa lại. Cầu ván trước nhà ông Trương Văn Phục lâu ngày hư mục mới bị tháo dỡ, chỉ còn lại cầu ván nhỏ ở phía sau chợ vẫn còn tiếp tục sử dụng.

Điều đáng nói là cây cầu do công khởi xướng và điều động của người tên Khương nhưng cho đến ngày nay cầu vẫn không mang tên một người nào, mặc dù có nhiều người đứng ra cất mới hoàn toàn. Điểm đặc biệt là tên gọi phụ thuộc vào vật liệu xây cất. Khi làm bằng ván, dân làng gọi là cầu Ván. Làm mới toàn bộ bằng ciment cốt sắt thì tên gọi của nó là cầu Đúc nhỏ (phân biệt với cầu đúc Cái Tàu Thượng ở lộ nhựa). Nếu đo khoảng cách của hai cầu, tính luôn cả độ cong của con rạch thì cũng chưa đầy hai trăm mét mà đường vào Chợ Cái Tàu vẫn ùn tắc giao thông!

Những giai đoạn xây dựng cầu Nhỏ

Lúc đầu, cầu làm bằng gỗ tạp mau hư nên bà Ông Thoại Chi (thường gọi là bà Chín Chư) làm lại bằng ván thao lao.

Năm 1970, bà Huỳnh Mỹ Hương (thường gọi bà Tư Tiên) ra tiền nhờ ông Hồng Văn Kia (thường gọi Năm Tỷ), thay mặt bà để coi việc cất lại cầu bằng ciment cốt sắt.

Năm 1985, rạch Cái Tàu xáng múc, cầu Đúc nhỏ bị phá bỏ. Ông Trần Văn Hộ, chủ tiệm buôn vải hiệu Phước Thành bắt tạm cầu tre để qua sông. Năm 1987, ông thay tre để làm lại bằng gỗ căm xe.

Năm 2000, đầu chợ Cái Tàu bị lấn chiếm lòng lề đường nên khu vực này thường bị ách tắc giao thông, nhờ có cầu nhỏ sau chợ góp phần giải tỏa nạn kẹt xe. Sau đó, mặt cầu được mở rộng thêm 3 tấc. Nhằm tăng thêm độ bền chắc và tạo dáng đẹp, ông Trần Duy Huỳnh đã

thiết kế hàng rào cầu bằng sắt, cáp treo với tổng kinh phí là: 14.076.000(mười bốn triệu, không trăm bảy mươi sáu ngàn đồng). Trong đó, gồm có:

- Bà con ở đầu cầu bờ Mỹ An Hưng "A" đóng góp 2.000.000đ (Hai triệu đồng).

- Ủy ban nhân dân xã Hội An trích ngân sách địa phương 6.000.000đ (sáu triệu đồng).

- Phần còn lại: 6.076.000đ (sáu triệu không trăm bảy mươi sáu ngàn đồng) là do sự đóng góp của ông Trần Duy Huỳnh và 2 Việt kiều Mỹ là ông Châu Công Liêm và bà Trần Kim Huyền.

Năm 2004 cầu do tàu kéo gỗ đụng sập. Lúc bấy giờ, cầu cũng bị tháo dỡ để chờ mùa nước cạn kobel múc lại rạch Cái Tàu.

Năm 2005, cầu được làm lại rộng hơn, chất lượng hơn. Ông Trần Duy Huỳnh lại tiếp tục vận động bà Trần Kim Huyền tài trợ để sửa cầu với số tiền 22.065.000đ (hai mươi hai triệu không trăm sáu mươi lăm ngàn đồng)[58], cầu được làm theo quy cách như sau:

- Cột chân cầu cũ đúc vuông 3 tấc (nay đúc mới cột tròn, đường kính trung bình là 6 tấc).

---

[58] *Tổng kinh phí là 26.999.000đ gồm có: bà Trần Kim Huyền 18.380.000 đ, chủ phương tiện làm hư cầu đền 4 triệu đồng và ông Trần Duy Huỳnh đóng góp 3.685.000đ và ủng hộ thêm một số cừ tràm trị giá gần 1 triệu đồng, bà con quanh cầu đóng góp 925.000 đồng.*

- Cột cầu mới được lùi sâu vào bờ, mỗi bên là 1 mét, tạo được khoảng cách rộng hơn nhằm tránh sự va chạm như vừa qua.

- Hai mang cầu toàn bộ làm mới bằng bêtông cốt sắt, nâng cao thêm 2 tấc nhằm tạo thông thoáng cho ghe tàu qua cầu trong mùa nước lũ.

- Mặt cầu cũ, lót ván rộng 1m50, nay lót mới rộng 2m (có tận dụng gỗ cũ).

- Hành lang cầu bằng sắt, được sơn mới để sử dụng lại.

Cầu tuy không có tên cố định nhưng người đời vẫn luôn nhớ mãi hình ảnh của cây cầu. Bởi lẽ, nơi đây đã chứa đựng những kỷ niệm khó quên của nhiều thế hệ tuổi thơ ở khu chợ. Họ đã từng bày tỏ chí mạo hiểm của mình bằng cách từ giữa cầu lao thẳng xuống mặt nước (rất nhiều kiểu) để tìm cảm giác mạnh!

Từ lâu, cầu cũng đã góp phần tạo sự thuận tiện cho con em của hai làng Mỹ An Hưng và Hội An Đông được đến trường Hội An để học. Và cư dân ở bên kia sông được nhanh chân đến chợ Cái Tàu.

Đâu chỉ là như thế, trước ngày miền Nam được giải phóng, cầu cũng đã từng cứu nguy cho những thanh niên bị truy bắt quân dịch. (chỉ cần vượt qua cầu là đã sang địa phương khác)

XÓM HÀNG ME

Là một đoạn đường chỉ dài hơn 40m, nằm ở dãy phố hướng Tây, nối liền với đầu chợ Cái Tàu. Thuở ấy, hai bên lề toàn là me, nên người đời gọi nơi đây là xóm hàng me.

Xưa kia, giáp với hàng me là vườn cây ăn trái chỉ có duy nhất một ngôi nhà khang trang của ông Lê Thành Sang. Ông này, vừa là chủ đất và cũng là vị Kế hiền của làng Hội An thời Pháp thuộc.

Tên gọi là xóm hàng me được phổ biến rộng rãi sau khi kiến thiết lại chợ Cái Tàu vào những năm 1958. Có người hỏi sao lại gọi là xóm hàng me mà không là phố hàng me? Bởi lẽ, con đường có nhiều lá me bay này, phần đầu là phố lầu gác ván, tiếp theo là những khoảng đất trống xen kẽ với những nhà trệt mái lá. Có lẽ trong tâm trí người dân quê chữ phố còn chưa thông dụng lắm.

Từ chợ đi đến trường Tiểu học Cái Tàu Thượng (nay là trường tiểu học "A" Hội An), bên lề trái có 04 cây, bên lề phải có 05 cây. Hàng me 05 cây cùng một lề với trường Tiểu học, trong đó có 01 cây me ngọt (cây me này tàn phủ lên nóc nhà ông Nguyễn Văn Tính (thân phụ của thầy giáo của Nguyễn Minh Thống). Không ai biết me đã trồng tự bao giờ mà gốc của nó thì phải cần đến hai người thanh niên câu tay với nhau mới ôm gọn.

Trong khung cảnh cây cao bóng mát luôn tạo cho con đường hàng me được đông vui. Bởi lẽ, nơi đây đã có

những khoảng đất trống, quanh năm không cỏ, không nắng, mưa vẫn không sình nên tự phát thành bến xe lôi chở khách. Và cũng quy tụ trò chơi của trẻ con như: bún dây thun, đeo lon, nhảy dây hoặc chơi chuyền chuyền. Thậm chí đến người lớn cũng chiếm lấy vài chỗ để bày cuộc chơi cờ hoặc đánh bài giải khuây.

Địa thế xóm hàng me

Trong thời kỳ "Tiêu thổ kháng chiến" chống Pháp, cầu đúc Cái Tàu Thượng bị phá sập, chính quyền Việt Minh đã mở con đường ngang qua vườn nhà của ông Kế hiền Lê Thành Sang để bắc cầu ván qua chợ. Từ đó, hình thành một bến nước sát chân cầu.

Có đường giao thông nối liền với hai bờ. Có bến nước để dùng trong sinh hoạt. Dần dần có người đến cất nhà tạo thành xóm hàng me với những vị trí giáp ranh như sau:

- Đầu xóm ở hướng đông, giáp với đầu Chợ Cái Tàu.

- Cuối xóm ở hướng Tây, gần với trường Tiểu học.

- Giữa xóm ở hướng Nam, là cửa ngõ của hai làng Mỹ An Hưng và Hội An Đông.

Địa thế thuận lợi tạo điều kiện cho con em ở bên kia sông sang học và cư dân cũng được nhanh chân hơn khi đến mua bán ở chợ Cái Tàu.

Những vị trí nêu trên đã góp phần làm cho xóm hàng me luôn náo nhiệt. Thêm vào đó, ở đầu con đường dẫn đến cầu nhỏ sau chợ đã có một lò làm bánh mì hiệu Hồng Phát của một người Hoa gốc Hẹ.

Thuở ấy, công nhân của lò bánh này, hầu hết là những chàng trai Cái Tàu Hạ. Họ đã học nghề tại Sa Đéc, được chủ lò Hồng Phát thuê về đây trả lương rất cao. Bởi lẽ từ Lấp Vò qua Cái Tàu xuống Đất sét kể cả miệt Cù Lao Giêng chưa có ai làm bánh mì. Thế nên, lò bánh hoạt động ngày đêm vẫn không đủ để bán.

Năm 1979 con em của cư dân nơi đây cất nhà ra sống riêng (nối theo ở phía sau). Từ đó hình thành một con hẻm cong cong hướng gần đến khu Trường học có đến mười hộ gia đình.

Cây me có hơn trăm tuổi nên dễ bị khô nhánh, gãy cành. Chính quyền địa phương tìm cách cưa bỏ phần khô bộng những cây me già cỗi nhầm phòng tránh tai nạn cho cộng đồng.

Năm 1984, giữa trưa hè cây me già bật gốc làm sập nhà ông Lê Văn Ban, ông Lâm Văn Ly và siêu vẹo nhà ông Lê Phú Hữu. Để bảo đảm tính mạng và tài sản của người dân xóm hàng me, chính quyền đã cho đốn ngã các cây me còn lại. Từ ấy đến nay, đã hơn 20 năm một thế hệ trẻ chỉ biết đơn thuần là: "Mình được sinh ra và lớn lên tại xóm hàng me". Trong khi tuổi ấu thơ cho đến thành niên chưa một lần nhìn thấy lá me ở trước sân nhà!

Còn đâu nữa những cơn gió nhẹ, chỉ thoảng qua mà âm thầm tạo nên những cơn mưa lá me, đã từng bám vào trên tóc của tôi, của em và của những người cùng quê hương xứ sở. Ký ức "con đường có lá me bay" chỉ còn là kỷ niệm đối với lứa tuổi trung niên trở lên của người dân Hội An.

TRƯỜNG TIỂU HỌC "A" HỘI AN

Dựa theo chuyện kể của:
Thầy Nguyễn Văn Na - Thầy Nguyễn Kim Thoa
và gia phả họ Lê của Lê Thanh Sơn,
cùng nhiều thế hệ học sinh của trường.



Lúc ban đầu (không nhớ năm nào) trường được mang tên là: ÉCole Primaire Élémentaire De Canton (trường sơ cấp tổng) được xây dựng trên phần đất của ông Lê Văn Lộc, tọa lạc gần mé rạch Cái Tàu Thượng. Nền trường xây bằng đá tảng. Hiện nay dấu tích nền móng cũng vẫn còn (cách cơ quan xã đội chừng 10 mét về hướng chợ).

Hiện tại những thầy người Việt dạy chương trình Pháp – Việt, cho đến nay không ai được biết những ân sư của làng mình từ đâu đến. Tên họ là gì ? Người viết đành dựa vào sự nghiệp giáo dục của thầy Nguyễn Văn Na – Người thầy dạy vỡ lòng của trường làng trong suốt 30 năm (kể từ năm 1947 đến năm 1977) để nắm được danh sách các thầy – cô giảng dạy tại Hội An:

1. Thầy Nguyễn Văn Na, sinh năm 1927, là học sinh của trường Tiểu học Cái Tàu Thượng từ năm 1935 đến năm 1941, là học trò thầy Nguyễn Văn Thành.

2. Thầy Nguyễn Văn Thành, sinh năm 1911, là học sinh của trường sơ cấp làng Mỹ Luông, trúng tuyển vào trường Tiểu học Cái Tàu Thượng và học lớp nhì nhỏ do thầy Huỳnh Ngọc Trưng dạy.

3. Thầy Huỳnh Ngọc Trưng, sinh năm 1889, là học sinh của trường sơ cấp Tổng. Không rõ là đã học với thầy nào, chỉ biết ông học hết lớp ba của trường Tổng (tức thi đậu bằng sơ học) rồi tiếp tục học ở Sa Đéc.

4. Thầy Phạm Văn Hanh, căn cứ vào tuổi người cháu ngoại của ông là ông Ngô Văn Đon, sinh năm 1919 thì thầy Hanh sinh vào khoảng năm 1877.

Theo lời kể của thầy Nguyễn Văn Na và ông Ngô Văn Đon, thầy Huỳnh Ngọc Trưng sau khi tốt nghiệp trường Hậu bổ ông đã xin nghỉ dạy để làm Tri huyện. Những lần về quê hoặc những ngày lễ, tết ông thường cùng với anh là Đốc phủ sứ Huỳnh Ngọc Bỉnh, lui tới thăm viếng thầy giáo đã nghỉ hưu là ông Phạm Văn Hanh.

- Căn cứ vào năm sinh 1889 và danh vị Tri huyện của ông Huỳnh Ngọc Trưng.

- Căn cứ vào năm sinh 1887 và danh vị Đốc phủ sứ của ông Huỳnh Ngọc Bỉnh.

- Căn cứ vào năm sinh 1877 và danh vị của ông Phạm Văn Hanh, làm thầy dạy học. Tất cả những chi tiết nêu trên cho ta khẳng định: ông Hanh là thầy dạy học của ông

Trưng và ông Bình. Từ đó chúng ta có thể tôn vinh ông Phạm Văn Hanh là bậc "sư thầy" của làng quê Hội An (?)

Trường làng Hội An thay đổi qua các thời kỳ:

1. Trường sơ cấp Tổng (ÉCole Primaire Élémentaire De Canton). Chợ Cái Tàu Thượng là 1 trong 5 chợ lâu đời nhất và lớn nhất của huyện Vĩnh An. Sau khi Pháp thuộc, nơi đây vẫn là trung tâm thương mại, trung tâm hành chính của tổng An Thạnh Thượng. Vì thế trong những thời kỳ đầu mở trường, các làng trong và ngoài tổng tìm cách đưa con em của mình đến trọ học tại chợ Cái Tàu. Sau đó trường sơ cấp tổng được nâng lên thành trường Tiểu học.

2. Trường Tiểu học Cái Tàu Thượng (ÉCole Primaire Complémentaire De Cái Tàu Thượng).

Thuở ấy, chương trình tiểu học phải mất 6 năm. Gồm có các lớp học như sau:

Cấp sơ học (Élémentaire) gồm có:

1- Lớp năm.

2- Lớp tư.

3- Lớp ba

(học hết lớp ba phải thi lấy bằng sơ học. Tốt nghiệp sơ học mới được dự tuyển vào học năm thứ nhất của bậc tiểu học).

Cấp tiểu học (Complémentaire) gồm có:

4- Lớp nhì nhỏ (tức là năm thứ nhất) - Cours Moyen Première Année.

5- Lớp nhì lớn (tức là năm thứ hai)-Deuxième Année.

6- Lớp nhất (tức là năm thứ ba)- Troisième Année.

Những học sinh ở các trường sơ cấp như: Mỹ Luông, Mỹ Hiệp, Tấn Mỹ, Bình Phước Xuân (xưa là Tân Phước), An Thạnh Trung, Mỹ An Hưng (nay là "A" và "B"), Tân Mỹ, Hội An Đông đã tốt nghiệp sơ học phải đến trường Tiểu học Cái Tàu Thượng để dự tuyển vào học năm thứ nhất của bậc Tiểu học.

3. Trường Tiểu học Huỳnh Ngọc Quế.

Năm 1939, Đốc phủ sứ Huỳnh Ngọc Bỉnh người học trò của ngày nào đã thành đạt về lại quê hương, cất hiến cho trường 3 phòng học đối diện với trường cũ trên phần đất của ông Lê Văn Hựu nhưng lại đổi thành trường ÉCole Primaire Complémentaire De Huỳnh Ngọc Quế (tên phụ thân của ông Bỉnh)!

Hiện nay những người học trò cũ của trường Tiểu học Huỳnh Ngọc Quế, hầu hết đều là lão ông, lão bà. Vì thế, chuyện kể về kỷ niệm của trường này rất được nhiều thế hệ biết đến là hằng năm, vào ngày giỗ của ông Huỳnh Ngọc Quế, Đốc phủ sứ Huỳnh Ngọc Bỉnh và Tri huyện Huỳnh Ngọc Trưng tổ chức cúng kiếng rất linh đình. Hai ông đã cho mời tất cả những thầy, cô cùng toàn thể học sinh đang học năm cuối của trường. Thậm chí những học trò cũ cũng được mời đến dự lễ giỗ đây chẳng khác nào là ngày họp mặt cựu học sinh của trường.

Trong kháng chiến chống Pháp, trường Tiểu học Huỳnh Ngọc Quế bị phá sập.

4. Trường học thời kỳ Đảng phái.

Năm 1951, quân đội của đảng phái về đây chiếm cứ vùng này. Chính quyền thời ấy đã tận dụng cột nhà bị tháo dỡ do quân đội của đảng phái tịch thu để cất 02 phòng học, còn vách và mái trường bằng vật liệu tre lá. Vị trí của hai phòng học này nay ở khoảng giữa sân, nằm phía trước cột cờ (gần với cổng trường). Năm sau lại tiếp tục cất thêm một phòng cũng bằng vật liệu tre lá. Lúc bấy giờ, khu vực của trường học mang hình dáng chữ nhị (=).

Thuở ấy, thầy giáo đi dạy ngày hai buổi chỉ được đại đội 11 trợ cấp vài thùng gạo thay cho lãnh tiền! Tuy vậy, với lòng "yêu nghề, yêu trẻ" đã có 3 người đứng ra giảng dạy. Đó là:

1. Thầy Nguyễn Văn Na dạy lớp ba (kiêm trưởng giáo).
2. Thầy Nguyễn Kim Thoa dạy lớp tư (nay gọi là lớp hai).
3. Cô Ông Như Huệ dạy lớp năm (nay gọi là lớp một).

Từ năm 1951 đến năm 1955 trường không có tên. Bởi lẽ, đây chỉ là điểm dạy học do đại đội 11 tổ chức. Và đảng phái chính trị này cũng bị tan rã sau khi Ngô Đình Diệm lên làm tổng thống.

5. Trường Tiểu học Cái Tàu Thượng.

Năm 1956, Trường Tiểu học Cái Tàu Thượng được tái lập. Lúc bấy giờ cơ sở vật chất chỉ có ba phòng học tre lá do quân đội đảng phái để lại.

Thời ấy, trường trực thuộc vào Ty tiểu học của tỉnh Sa Đéc. Vì thế Ty đã bổ nhiệm Thầy, Cô và bố trí nhân sự của trường như sau:

1- Thầy Nguyễn Văn Na (cựu giáo viên của trường dạy lớp năm, nay gọi là lớp một).

2- Thầy Trần Phú Quới dạy lớp năm (nay gọi là lớp một)

3- Thầy Nguyễn Kim Thoa cựu giáo viên của trường dạy lớp tư (nay gọi là lớp hai).

4- Cô Trương Thị Hai dạy lớp tư (nay gọi là lớp hai).

5- Thầy Lê Thành Cưu dạy lớp ba.

6- Thầy hiệu trưởng Trần Kỳ Tài dạy lớp ba.

7- Thầy Nguyễn Văn Liêm dạy lớp nhì (nay gọi là lớp bốn).

* Riêng cô Ông Như Huệ do có chồng làm tham mưu trung đội của đảng phái nên không được dạy.

Năm 1957, cũng vẫn ba phòng lớp ấy cộng thêm nơi mượn tạm chỗ để dạy Ty Tiểu học Sa Đéc bổ nhiệm thêm:

1- Thầy Nguyễn Văn Chánh dạy lớp nhất (nay gọi là lớp năm).

2- Thầy Nghiêm dạy lớp ba.

Đầu niên học 1958, thầy Trần Kỳ Tài, thầy Nguyễn Văn Liêm chuyển sang trường khác. Thầy Nghiêm gia nhập quân đội. Thế nên, Ty Tiểu học Sa Đéc đã bổ nhiệm:

1- Thầy hiệu trưởng Ngô Văn Giàu dạy lớp ba.

2- Thầy Trinh dạy lớp nhì thay cho thầy Tài.

3- Cô Nhan Thị Kim dạy lớp nhì thay cho thầy Liêm. (là vợ của thầy Trinh)

4- Thầy Lê Ngọc Lưu dạy lớp nhất.

Lúc bấy giờ, ba phòng học sườn cây cột nhà của quân đội đảng phái cất được tháo dỡ để dời lên nền ba phòng học của Đốc phủ sứ Huỳnh Ngọc Bỉnh cất năm 1939 (đã bị phá sập vào năm 1945).

Trong năm 1958, bà Huỳnh Mỹ Hương (bà Tư Tiên) cùng với bà Ông Như Hữu (bà Trường Tiền), đã cất hiến cho trường hai phòng học kiên cố. Hai phòng này là hai lớp nhất đầu tiên nằm trong khuôn viên nhà trường do thầy Chánh và thầy Lưu phụ trách.

Năm 1959, Trường Tiểu học Cái Tàu Thượng thuộc về hệ thống giáo dục của tỉnh An Giang. Tỉnh cấp kinh phí để xây thêm ba phòng học bán kiên cố, nối dài với hai phòng tài trợ của bà Hương, bà Hữu.

Đặc điểm của 3 phòng học bán kiên cố này là vách ngăn mỗi phòng được đóng bằng ván ép carton, được tháo dỡ mỗi khi nhà trường có tổ chức lễ hội. Từ đó, ba phòng không vách trở thành hội trường có cả một sân khấu cho học trò ca múa và diễn kịch.

Năm 1960, bà Hương và bà Hữu lại tiếp tục cất hiến cho nhà trường một văn phòng để nối liền với ba phòng bán kiên cố dài ra gần đến cổng.

Năm 1961, Ty tiểu học An Giang đã bổ nhiệm (để hoán chuyển) những thầy cô sau:

1- Thầy Trần Văn Cống dạy lớp nhất thay cho thầy Chánh đã chuyển về quê ở Long Hậu.

2- Cô Trần Hiền Kỉnh dạy lớp nhì thay cho thầy Trinh.

3- Cô Nguyễn Thị Trà dạy lớp nhì thay cho cô Kim.

Năm 1962, ông Lê Văn Bang, lúc bấy giờ là Hội trưởng Hội phụ huynh học sinh của trường đã cùng với ông Lê Kim Thành (người đời thường gọi là ông Hội đồng Hía), lên tận Sài Gòn để vận động ông Huỳnh Ngọc Nhuận là con của ông Đốc phủ sứ Huỳnh Ngọc Bỉnh tài trợ để nâng cấp trường[59].

Trong lúc lớp chưa hoàn thành, trường phải tạm mượn những điểm dạy cũ như: Thanh Đức Cung, nhà bỏ trống của bà Ông Thoại Nga và nhà khói của Chùa Bà Lê để làm nơi dạy học.

Năm 1962, Ty tiểu học An Giang đã bổ nhiệm thầy Nguyễn Hữu Ích, thầy Phạm Tấn Tiến để hoán chuyển thầy Lê Ngọc Lưu về Sài Gòn.

6. Trường Tiểu học cộng đồng Hội An "A".

Năm 1965, Trường tiểu học Cái Tàu Thượng được đổi lại là Trường Tiểu học Cộng đồng Hội An "A" (do việc cải cách giáo dục ở nông thôn đã đặt trọng tâm vào cộng đồng). Thế nên, mỗi ấp đều xây dựng một trường sơ cấp. Tên của trường đều gọi chung là Trường Ấp Tân Sinh.

Trường sơ cấp Ấp Tân Sinh ở xã Hội An, có những điểm dạy và các thầy, cô như sau:

---

[59] *Hai thợ mộc Huỳnh Văn Năm, Võ Văn Chấp góp công sức vào việc hoàn thành trường.*

a. Trường sơ cấp Ấp Tân Sinh An Phú gần miếu Bà Đội được gọi là Hội An "B".

* Trưởng giáo là thầy Phan Văn Thơi. Thầy Thơi là cựu học sinh của trường Tiểu học Cái Tàu Thượng (thời Pháp thuộc). Các giáo viên gồm có:

- Cô Nguyễn Thị Khoảnh, Cô Phạm Thị Bồn, Cô Đinh Thị Sữa.

b. Trường sơ cấp Ấp Tân Sinh ấp Thị (đã phá bỏ, nay là sân của trường Trung học cơ sở Hội An).

* Trưởng giáo là thầy Trần Phú Qưới. Thầy Qưới người làng Tấn Mỹ thi đậu vào trường Tiểu học Huỳnh Ngọc Quế. Các giáo viên gồm có:

- Cô Dương Thị Thé, Cô Lê Thị Ánh Loan, Cô Trương Bạch Huệ.

c. Trường sơ cấp Ấp Tân Sinh, ấp An Ninh và An Khương (địa điểm tại vàm La Kết)

* Trưởng giáo là thầy Lê Quan Thiều. Thầy Thiều là cựu học sinh trường Tiểu học Huỳnh Ngọc Quế. Các giáo viên gồm có:

- Thầy Nguyễn Hồng Tươi; Cô Lê Thị Phạn; Cô Lê Thị Mai Tư; Cô Lê Ngọc Ánh; Cô Huỳnh Thị Hậu; Cô Huỳnh Thị Tuyết; Cô Lê Thị Khương.

d. Trường sơ cấp Ấp Tân Sinh An Thái (vàm Cái Nai)

* Trưởng giáo là thầy Quách Quan. Các giáo viên gồm có:

- Thầy Nguyễn Thành Gia; Cô Trần Thị Cánh; Cô Cơ (không nhớ họ); Cô Phạm Thị Chi; Cô Huỳnh Thị Chiêm.

e. Trường sơ cấp Ấp Tân Sinh An Bình (gần mộ Bà).

* Trưởng giáo là cô Đặng Thu Vân. Giáo viên gồm có:

- Cô Lê Thị Sáu.

(Lúc ban đầu chỉ có hai lớp. Cô Đặng Thu Vân giáo viên kiêm trưởng giáo).

Thuở ấy, hiệu trưởng của trường tiểu học Cộng đồng Hội An "A" điều hành các trường sơ cấp Ấp Tân Sinh.

Sự phát triển phòng lớp của trường tiểu học cộng đồng Hội An "A"

Năm 1965 ông Lê Văn Khâm, một doanh nhân thương thuyền đã hiến cho nhà trường một phòng học và một hàng rào (nay vẫn còn) nối liền ba phòng tài trợ của ông Huỳnh Ngọc Nhuận.

Năm 1967, viện trợ văn hóa Hoa Kỳ đã tài trợ để cất thêm ba phòng nối liền với phòng cất hiến của ông Lê Văn Khâm, tạo thành một dãy lớp bảy phòng. Lúc bấy giờ, cơ sở của trường gồm có tất cả mười hai phòng. Từ cổng nhìn vào, mang hình dáng chữ L nằm úp (⌜).

7. Trường phổ thông cấp I Hội An.

Sau ngày đất nước thống nhất, trường Tiểu học cộng đồng Hội An "A" đổi lại là trường phổ thông cấp I Hội An. Đồng thời, nơi đây cũng là trường bổ túc văn hóa của xã. Học sinh hết cấp I, thi chuyển cấp để học tiếp trường phổ thông cấp II.

8. Trường phổ thông cơ sở "A" Hội An.

Nhằm phổ cập giáo dục cấp cơ sở (hệ 9 năm), xã Hội An chia thành 02 khu vực để phổ cập như sau:

* Trường phổ thông cấp I Hội An được chọn làm trường phổ thông cơ sở "A" Hội An.

* Trường phổ thông cấp I tại vàm Cái Nai được chọn làm trường phổ thông cơ sở "B" Hội An.

Sau giải phóng do quá tải về số lượng học sinh nên mỗi phòng đã có đến ba lớp để học trong một ngày. Song song với việc thiếu phòng để học, giáo viên các cấp cũng thiếu. Vì vậy ngành Sư phạm đã phải đào tạo cấp tốc nhiều khóa 9 + 1 để dạy cấp I. Thậm chí, một số giáo viên được đào tạo chính quy dạy cấp I đôn lên để dạy cấp II!

9. Trường cấp I "A" Hội An.

Để hạn chế tình trạng học ca 3, ngành giáo dục đã phải mở thêm trường ở mương Bà Kỷ. Sau đó, mở thêm trường tại kho lương thực Mương Sung.

Năm 1989 trường phổ thông cấp I Hội An được đổi lại là trường Cấp I "A" Hội An.

10. Trường Tiểu học "A" Hội An.

Năm 1991, trường Mẫu giáo được dời về Sân bà Huyện, nên tạo được mặt bằng để xây dựng thêm sáu phòng học. Lúc bấy giờ, trường phổ thông cơ sở "A" và "B" bị giải thể. Từ ấy, trường lại được mang tên là: Trường Tiểu học "A" Hội An. Năm 2005, ngành Giáo dục đã xây thêm 14 phòng học.

Hiện nay, cơ sở vật chất của trường Tiểu học "A" Hội An từ cổng nhìn vào mang hình chữ U. Và trong tương lai, những phòng học gần cổng đã xuống cấp, sẽ được phá bỏ để xây dựng lại, mới hơn và đẹp hơn.

SÂN BÀ HUYỆN, BẾN BÀ HUYỆN

Những thế hệ học sinh của trường Tiểu học Hội An khó mà quên được Sân bà Huyện. Bởi lẽ, thời ấy đường đi là đất, sân trường cũng toàn là đất. Vì thế cho nên, mùa nắng thì gió bụi, mùa mưa chịu cảnh bùn lầy, trơn trợt. Tuy hành lang của nhà trường rất dài và luôn sạch sẽ nhưng bề ngang thì quá hẹp, lại là sân chung cho nhiều lớp, thế nên mỗi lớp không thể bày đủ hết các trò chơi!

Trong khi gần với trường học đã có sẵn một khuôn viên rộng và sạch, gọi là Sân bà Huyện – một địa thế rất thuận tiện, đã thu hút học trò đến đây vui chơi thoải mái như: đẻo lon, nhảy dây hoặc là cút bắt.

Tại Sân bà Huyện còn có Bến bà Huyện. Bến nước có những bậc thềm rộng đủ chỗ cho học trò chen lấn xuống sông để rửa sạch mặt mũi, tay chân trước khi vào lớp học. Ngoài âm thanh lao xao của những con ong học trò, nơi đây cũng là bến nước sinh hoạt cho nhiều hộ gia đình, cư ngụ gần với trường học. Tên gọi Sân bà Huyện, Bến bà Huyện có từ khi ông Huyện Chiêu mãn phần năm 1949.

Đất nước thống nhất, trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã Hội An, tọa lạc tại chợ Cái Tàu Thượng được dời về Sân bà Huyện. Đến năm 1989, tại đây là một trong hai đầu mối của toàn bộ mạng điện huyện Chợ Mới kéo từ bờ Đồng Tháp.

Năm 1991, trường Mẫu giáo Hội An dời từ trường Tiểu học "A" Hội An về xây dựng trên nền nhà cũ của ông Huyện. Hiện nay, toàn bộ hàng rào mặt tiền của khuôn viên nhà ông huyện Chiêu cư dân đã cất nhà để ở.

Vậy Bà Huyện là ai?

Ông Ông Phước Châu là con thứ mười của một gia đình gốc Triều Châu nên người đời gọi tên ông bằng tiếng Triều Châu là Chiêu. Ông Chiêu được thừa kế gia sản rất lớn, ruộng vườn nhà phố ở khắp Sài Gòn,

Ô Môn, Long Xuyên. Năm 1938, ông mua phẩm hàm Tri huyện[60], nên người đời đã ghép chức mua với tên của ông mà gọi là Huyện Chiêu. Ghép chức mua với thứ của ông để gọi là Huyện Mười. Vợ của ông là bà Trương Xứ Nga, pháp danh là Hồng Nguyệt. Lúc sinh thời bà thường gởi tiền về quê, nhờ ông Hồng Văn Kia (năm Tỷ) thay mặt bà để làm điều phước thiện. Vì lẽ ấy, người đời thường nhắc đến bà qua tên gọi là bà Huyện – gắn với sở hữu như Sân bà Huyện, Bến bà Huyện.

---

[60] *Sau khi chiến tranh Thế giới lần thứ I (1914 -> 1918) nước Pháp tuy thắng trận nhưng kinh tế lại bị khủng hoảng trầm trọng. Để khắc phục hậu quả chiến tranh, Chính phủ Pháp chủ trương bán chức cho các công dân ở những nước thuộc địa được gọi chung là phẩm hàm.*

Thuở ấy, phẩm hàm được quy định như sau:

** Cấp làng xã: Hàm Hội đồng địa hạt giá 3.000 đồng tiền Ngân hàng Đông Dương (tương đương với 15.000 giạ lúa).*

** Cấp Quận: Hàm Tri huyện giá 10.000 đồng tiền Ngân hàng Đông Dương (tương đương với 50.000 giạ lúa).*

SÂN VẬN ĐỘNG HỘI AN
(SÂN BANH CÁI TÀU)

Dựa theo lời kể của
Thầy Nguyễn Văn Na và
Ông Lê Thanh Sơn

Xưa kia nơi đây là một khu đất hoang được ông Lê Văn Lộc dành làm nghĩa địa cho những người nghèo không có đất chôn hoặc kẻ tứ cố vô thân chẳng mai xấu số qua đời. Phần sở hữu này, cháu gọi ông Lộc bằng bác là Lê Văn Hựu thừa kế.

Năm 1939, được sự đồng tình của ông Lê Văn Bang và ông Lê Văn An (con ông Hựu), chính quyền thời ấy đã di dời hài cốt để làm Sân vận động. Do nơi đây trũng thấp, người ta đã phải đào mương theo chiều dài để lấy đất tôn cao mặt nền. Nhờ thế, Sân vận động Hội An mới có đường biên dọc là 90 mét, và đường biên ngang là 65 mét. Người dân địa phương hầu hết đều gọi bằng sự cảm nhận của trực giác là Sân banh.

Sân banh Cái Tàu có những thành tích đáng được ghi nhớ như từ lúc mới sơ khai có ông Bùi Ngọc Thiện[61] và ông Nguyễn Văn Đời[62] là hai cầu thủ xuất sắc nhất của làng Hội An thời Pháp thuộc. Thuở ấy người xưa đã thi đấu không vì vụ lợi, họ chỉ mong sao đem lại sự nổi tiếng cho xứ sở đôi khi phải mang tật suốt đời vì nạn chơi xấu!

---

[61] *Là cháu nội của hương cả Bùi Qui Ngoạt cư ngụ ở phía trên mương Ba Đon.*
[62] *Cư ngụ khối xóm lò heo (gần cổng chùa Bà Lê)*

Sân banh hoạt động sôi nổi được sáu năm thì chiến tranh đã trùm phủ cả quê hương, đất nước. Những náo nức khi có tổ chức đá banh cùng với sự reo vui của người dân lúc đội nhà tấn công đội khách hoặc ghi được bàn thắng đã nhường chỗ cho những tiếng khóc than, kể lể khi người thân bị Tây bắt đem đến đây xử bắn hoặc nơi thanh trừng của những phe phái chính trị.

Đến năm 1950, quân đội của đảng phái Hòa Hảo về đây tạm chiếm vùng này. Từ đó, Sân vận động được hồi sinh và làm dấy lên phong trào có tên là Hội banh Tam dân. Hội đã lãnh được nhiều cờ hạng và cúp bóng đá trong khu vực[63].

Năm 1967, nơi đây được xây cất làm đồn bót nên vô cùng vắng vẻ. Khi miền Nam hoàn toàn được giải phóng, đồn bót bị phá bỏ, giao thông hào được lấp kín để trả lại mặt bằng của sân vận động như thuở ban đầu.

Hiện nay Sân vận động là nơi để cho học sinh luyện tập bộ môn thể dục. Cư dân cũng thường hay đến đây để vận động giải trí như: đánh cầu, thả diều, đi bộ...

Hằng năm, chính quyền địa phương cũng thường tổ chức cho các ấp đến thi đấu để tuyển chọn đội giỏi, thay mặt cho xã đi dự giải. Và thỉnh thoảng Sân banh cũng được nhà trường tổ chức cho học sinh cắm trại.

---

[63] *Ông Nguyễn Thành Nhơn là Hội trưởng hội banh kiêm Thủ quân xuất sắc nhất của đội cho biết: Đầu tiên có tên là đội banh Tứ Dân. Tứ Dân mang ý nghĩa là dân Tứ xứ. Ông Nguyễn Thành Nhơn muốn cho đội banh của mình được nổi tiếng hơn mới đặt tên cho đội là Tam Dân.*

MIẾU THỜ BẢY BÀ

Dựa theo truyền khẩu



Không ai biết cộng đồng dân cư chợ Cái Tàu lập miếu thờ Bảy Bà vào lúc nào, chỉ nghe kể lại về biến cố cháy chợ hồi năm 1.888, còn trơ lại miếu thờ Bảy Bà.

Thuở ấy miếu đối diện với đầu nhà lồng chợ. Và trong tâm tưởng của người tín ngưỡng thì những hình tượng để tôn thờ, như luôn nhắc nhở cho mỗi người trong chúng ta phải tuân theo sự vận hành của tạo hóa, tức là hợp với ý trời, với đạo lý làm Người. Thế nên, miếu Bảy Bà là nơi thờ bảy vị thánh như sau:

1. Bà Diêu Trì Kim Mẫu (tước hiệu: Vô Cực Từ Tôn. Là mẹ của Tiên nữ ở cõi trời).

* Tôn giáo Cao Đài gọi bà là: Phật Mẫu.

* Phụ nữ thờ bà tại nhà thì gọi là: Cửu Thiên Huyền Nữ (tức bà mẹ sanh độ mạng).

2. Bà Nữ Oa Thánh Mẫu - Vị thánh có truyền thuyết "Đội đá vá Trời". Bà là vợ của vua Phục Hi (ông tổ của nền triết học Trung Hoa).

3. Bà Kim Tinh Thánh nữ.

4. Bà Mộc Tinh Thánh nữ.

5. Bà Thủy Tinh Thánh nữ.

6. Bà Hỏa Tinh Thánh nữ.

7. Bà Thổ Tinh Thánh nữ.

Căn cứ vào nguồn gốc của bảy Bà thì nơi thờ phượng đã bao gồm tất cả nguyên lý Âm Dương, Ngũ hành, Tinh Tú của Trời đất. Bởi thế cho nên, bằng cảm nhận tâm linh của con người trần tục nên đã đặt hết niềm tin vào quyền lực của các Bà. Với hy vọng chỉ có nơi miếu thờ Bảy Bà mới có đủ huyền năng mách bảo vận mệnh của mỗi con người, đồng thời có đủ huyền lực để làm thay đổi vận mệnh của mỗi người!

Hơn một thế kỷ trôi qua, miếu Bà có thay đổi vị trí thờ phượng, đầu tiên vị trí thờ phượng gần nhà lồng chợ ở phía trên.

Năm 1927, ông Lê Thành Sang lúc bấy giờ là hương cả tại chức đã vận động bổn phố đóng góp cùng với ông để cất mới lại miếu thờ. Tuy vậy, lần xây cất này ông định vị miếu thờ tọa lạc trên phần đất của mình. Trên gác lửng của sân khấu là nơi dành riêng để thờ Bảy Bà.

Bên ngoài rạp hát là một cổng lớn xây bằng gạch, cột vuông 5 tấc, khắc nổi 4 chữ Hán Nho "Thất Thánh Nương nương". Chợ Cái Tàu cháy đến ba lần. Một lần

chỉ cháy có phân nửa. Còn hai lần thì cháy sạch. Ấy thế mà miếu thờ Bảy Bà cũng vẫn còn nguyên vẹn!

Năm 1950, Đại đội 11 Hòa Hảo về đây tạm chiếm. Vì lẽ ấy, khu vực miếu thờ đã được xây dựng để làm văn phòng của Tham mưu Đại đội. Thế nên, toàn bộ rạp hát trong đó nơi thờ Bảy Bà đã bị tháo dỡ.

Trong hoàn cảnh nói trên, mặc dù am tu của vợ chồng ông Huỳnh Văn Tố [64], tọa lạc gần Sân vận động chỉ khoảng 800 mét vuông nhưng vốn kính tin nên vợ chồng của ông đã tiếp nhận phượng thờ.

Từ sự việc dời chỗ này, người đời không gọi là miếu thờ Bảy Bà mà đã gọi là Am Bảy Bà.

Sau giải phóng ông Trần Văn Hộ – một chủ sạp vải ở Chợ Cái Tàu mua lại của người trực canh trong tập đoàn, để hiến vào am 1.000 mét vuông đất (một công đất) nhằm tạo điều kiện cho người giữ am có thêm thu nhập để lo hương khói, trong việc phượng tự Bảy Bà.

Hằng năm, cứ đến ngày 25 và 26 tháng 6 âm lịch là lễ cúng Bảy Bà. Mỗi lần cúng đều có tổ chức múa bống. Dân chúng các nơi kéo về tụ hội rất đông.

---

[64] *Vợ chồng ông Tám Tố qua đời, con là Huỳnh Thị Hai và sau đó cháu ngoại là Nguyễn Hồng Nam thay kế tự.*

CHÙA BÀ LÊ

(PHƯỚC HỘI TỰ)

Dựa theo chuyển kể gia tộc họ Ông



Được xây dựng vào năm 1904 (nhằm năm Giáp Thìn) mang tên là Phước Hội Tự, nhưng người dân quanh vùng quen miệng gọi là chùa bà Bang. Bởi lẽ, bà là vợ một Bang trưởng[65] của cộng đồng người Hoa thuở ấy. Năm 1911, bà Lê mãn phần, mộ tháp của bà nằm cạnh chùa. Từ đó, người đời thường gọi Tháp bà Lê, Chùa Bà Lê.

Bà Lê gốc người Triều Châu, sinh năm 1840, nhằm năm Canh Tý tại thôn Mỹ An, Tổng An Thạnh, Huyện Vĩnh An, phủ Tân Thành, tỉnh An Giang (nay thuộc về xã Mỹ An Hưng "B", huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp. Thân phụ là ông Ông Tự Kê, thân mẫu là bà Trần Thị Mùi (bà Mùi là người hiến đất và sáng lập chùa An Long ở xã Mỹ An Hưng "A").

---

[65] *Bang trưởng : Vị đại diện của cộng đồng người Hoa để liên hệ với chánh quyền các cấp, đồng thời có thẩm quyền giải quyết mọi vấn đề trong cộng đồng do mình quản lý.*

Bà kết hôn cùng với ông Tạ Đại Cung (người Việt gọi là Cương), thương gia cư ngụ tại Chợ Cái Tàu Thượng. Lúc sinh thời, ông làm Bang trưởng của cộng đồng người Hoa thuộc khu vực Cái Tàu Đất Sét.

Vốn không có con, bà nhận cháu ruột của mình là ông Ông Võ Châu làm con. Và cũng chính vì thế, bà kết thông gia cùng với ông Lê Công Dương, có Pháp danh là Thiện Ấn, Phật danh là Hòa Thượng. Vị sư này trước đó làm Đốc phủ sứ của tỉnh Cần Thơ. Ông từ quan về quê lập chùa Vạn Đức[66] để tu trên phần đất nhà tại làng Thới Thạnh, quận Ô Môn.

Năm 1902, chồng bà mãn phần. Theo di ngôn, bà đưa linh cữu về Quảng Đông (Trung Quốc) để an táng. Vốn có lòng mộ đạo nên khi trở về Việt Nam lại có sẵn tàu ghe nên bà thỉnh tượng từ Trung Quốc đem về quê hương Cái Tàu. Một số cúng hiến chùa An Long, và một số hiến tặng chùa Vạn Đức.

Trên cơ sở đó, bà đã cúng 7 mẫu đất[67] và cùng với người em dâu là bà Đỗ Thị Ngọc sáng lập chùa Phước Hội Tự, pháp danh của bà là Diệu Tâm.

Lúc sinh thời vào những ngày rằm, 30 hàng tháng bà đều mua hết chim, rùa ở Chợ Cái Tàu để phóng sanh. Bà mãn phần vào ngày mùng 01 tháng 02 âm lịch năm

---

[66] *Chùa Vạn Đức : Cháu nội của Hòa thượng Lê Công Dương là ông Lê Văn Quốc nổi tiếng đàn cò (có tên tuổi trong các hãng dĩa). Lúc sinh thời ông Quốc thường kể "Bà Lê thông gia với nội tổ của ông đã cúng hiến cho chùa Vạn Đức rất nhiều tượng Phật được thỉnh từ bên Tàu. Lần đón nhận ấy, cư dân của làng Thới Thạnh, nhà nhà đều đặt bàn hương án ở hai bờ rạch Ô Môn, nơi có ghe chở các tượng Phật ngang qua để tỏ lòng tín ngưỡng.*

[67] *7 mẫu đất : Gồm có 2 mẫu đất vườn và 5 mẫu đất ruộng. Để tránh cho con cháu sau này tranh chấp, bà sang tên và ghi trong địa bộ "đất Phước Hội Tự".*

1911 nhằm năm Tân Hợi hưởng thọ 72 tuổi. Con nuôi của bà là ông Ông Võ Châu (người đời thường gọi là Tám Chiêu) đã xây mộ tháp để an táng bà gần cạnh chùa.

Sư trụ trì đầu tiên ở chùa Bà Lê là Hòa thượng Thích Quảng Đạt (tục danh là Huỳnh Văn Minh). Vị sư tuổi tam tuần này vừa là cháu bà con, cũng là đệ tử giỏi của Hòa thượng Thích Công Dương phái về làm sư trụ trì. Sau đó, Hòa thượng Quảng Đạt đã trở thành sư tổ của chùa Bà Lê.


Mộ tháp bà Ông Thị Lê

Trong số đệ tử có một vị Pháp danh là Bửu Chánh (tục danh là Trần Văn Đảnh), gốc người miền Trung nên người đời thường gọi là Hòa thượng Huế". Xưa kia, cũng được sư tổ Quảng Đạt phái về chùa An Long làm sư trụ trì.

***Đặc điểm của chùa Bà Lê**

Nhìn tổng quát chùa chiền ở các nơi hầu hết đều thờ tượng của các vị Phật giống nhau như : Phật tổ A-Di Đà, Quan Thế Âm, Đại Thế Chí, Thích Ca Mâu Ni, Di Lạc, Địa Tạng, ông Tiêu, ông Thiện, ông Ác và Hộ pháp. Tuy vậy, kích thước của các tượng Phật ở chùa Bà Lê cao hơn, lớn hơn, nhiều hơn so với các nơi khác như: Chuẩn Đề (tức Phật 18 tay), Dược Sư (tức Phật Lưu Ly), Thập Bát La Hán (tức 18 vị La Hán) và Đạt Ma Sư Tổ.

Không chỉ thờ Phật, tại Chánh điện chùa Bà Lê còn thờ trời như: Ngọc Hoàng Thượng Đế, Nam Tào, Bắc Đẩu, Tứ đại Thiên vương (4 vị vua canh giữ 4 hướng của Trời: Lúc chiến tranh thất lạc), Long Vương. Và ở cõi địa ngục, các Vua Thập điện cũng được thờ tiêu biểu như: Nhất điện Tần Quảng Vương (có 2 vị Phán quan hầu cận, tượng tay phải cầm bút, tượng tay trái cầm sổ), Nhị điện Sở Giang Vương (có 2 vị Phán quan hầu cận, tượng tay phải cầm bút, tượng tay trái cầm sổ). Thậm chí, những nhân vật lịch sử của Trung Hoa thời Hậu Hán như: Quan Công, Lưu Bị và Trương Phi được thờ một góc ở nơi Chánh điện.

Song song với việc thờ Phật, thờ Trời, thờ Diêm Vương, thờ nhân vật lịch sử của Trung Hoa, những vị Thánh điều khiển Tinh tú, Ngũ hành (tức Bảy Bà) cũng được thờ riêng một miếu, cách chùa chừng hai mươi mét. Hơn nữa, chùa khi chưa bị tháo dỡ còn có những sự tích mô tả trên gốm sứ được đặt ở các cạnh và trên nóc của mái ngói chùa mang đậm nét văn hóa, tín ngưỡng của người Hoa.

***Sự thay đổi ở chùa Bà Lê**

Trong những năm kháng chiến chống Pháp, ông Ngô Văn Chẩm là đệ tử và cũng là cháu rể của Hòa thượng Quảng Đạt, pháp danh là Bửu Đồng, Phật danh là giáo Thọ làm sư trụ trì. Thuở ấy, chánh quyền Việt Minh cùng với nhân dân thực hiện "Tiêu thổ kháng chiến" để chống Pháp. Nhà chùa hưởng ứng chủ trương phải tạm tháo dỡ cây ngói ở phần chánh điện chỉ còn chừa lại hậu điện.

Đến năm 1950, quân đội của đảng phái chính trị, do ông Nguyễn Văn Quế (tên thường gọi là Cà) làm Đại

đội trưởng đại đội 11 tạm chiếm vùng này. Ông Cà huy động dân công lấy hết số cây ngói đã tháo dỡ nói trên đem về Xẻo Tre thuộc ấp An Bình của làng Hội An Đông để lập chùa Thiên Phước.

Năm 1962, bà Ông Như Hữu (tên thường gọi là Bà ba Trường Tiền), bà Huỳnh Mỹ Hương (tên thường gọi là Bà tư Tiên) cùng một số con cháu ở Sài Gòn tổ chức xây dựng lại phần chánh điện để bảo tồn di tích. Lần xây cất này cũng có sự đóng góp ngày công lao động của nhiều hộ gia đình cư ngụ gần khu vực chùa. Trong số đó, có thợ hồ tên Nguyễn Văn Trọng, ông Khả ...

Những năm kháng chiến chống Mỹ, nơi đây đã bí mật nuôi chứa cán bộ, chôn giấu vũ khí và tài liệu, đồng thời, các con của sư trụ trì như : bà Ngô Thị Lan (tên thường gọi là Hoa), ông Ngô Hồng Tươi đều tham gia cách mạng. Nhà sư Bửu Đồng bị chính quyền Sài gòn cũ – bắt giam và tra tấn nhưng vẫn một lòng với cách mạng.

Những ngày đầu thống nhất đất nước, nơi đây là chỗ hội họp của Đảng ủy và Ban Quân quản xã.

Quốc hội Việt Nam thống nhất chung cả nước, nhà sư Bửu Đồng được nhân dân tín nhiệm bầu làm đại biểu Quốc hội khóa VI (25/4/1976 tổng tuyển cử đầu tiên).

Năm 1986 chùa Bà Lê (Phước Hội Tự) được Bộ Văn Hóa ra quyết định số 235/VHQĐ xếp hạng “Di tích lịch sử cấp Quốc gia”. Năm 1993, năm 2006 Nhà nước cấp kinh phí tu sửa chùa. Năm 1995, Hội Phật tử thành phố Hồ Chí Minh cúng tượng Phật Quan Âm an vị trước sân chùa. Hiện nay, ông Ngô Hồng Lăng, con thứ năm của sư ông Bửu Đồng là người phương tự chùa.

MỘ THÁP BÀ ĐỖ THỊ NGỌC

Dựa theo chuyện kể gia tộc họ Ông



Mộ Tháp là kiến trúc của người Hoa từ những năm đầu thế kỷ thứ 20. Tháp tọa lạc cách chùa Bà Lê chừng 50 mét được xây cất vào năm 1914 nhằm năm Giáp Dần.

Bà sinh năm 1856, nhằm năm Bính Thìn tại thôn Toàn Đức, tổng An Toàn, huyện Đông Xuyên, phủ Tuy Biên, tỉnh An Giang (nay là xã Tấn Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang). Bà là vợ của một thương gia có tên là Ông Trường Thanh, người Việt thường gọi là Bảy Sênh.

Ngày 24 tháng Chạp, năm 1888 nhằm năm Mậu Tý, con gái thứ tư của bà là Ông Thoại Lan (tiếng Triều Châu phát âm Thoại Lan là Xiều Lánh) đốt pháo để đưa ông Bổn về Trời, làm thiêu hủy toàn bộ Chợ Cái Tàu Thượng.

Lúc sinh thời, bà có công đóng góp cùng với người chị cả của chồng là bà Ông Thị Lê xây dựng chùa Phước Hội Tự. Bà đã thọ giới Sa Di, pháp danh là: Như Năng. Và mãn phần vào năm 1914, hưởng dương 59 tuổi.

MƯƠNG HỘI ĐỒNG

Dựa theo chuyện kể của ông Lê Kim Thang sinh năm 1930 (con thứ 5 của ông Hội đồng)

Là mương đào để phân định vị trí ấp Thị với ấp An Ninh đã có từ lúc phân ấp lập làng.

Xưa kia, người ta gọi là mương Tham Thần. Bởi lẽ, toàn bộ khu vực đất đai từ Chùa bà Lê cho đến khỏi đường đấp, thuộc quyền sở hữu của ông Tham thần Phạm Văn Hiếu. Hơn nữa, nhà ông Hiếu cũng ở gần cạnh mương.

Vậy tại sao mương Tham thần lại gọi là mương Hội đồng? Qua tìm hiểu được biết ông Lê Kim Thành (tên thường gọi là Hía), khi làm Hội đồng người đời gọi ông là "Hội đồng Hía". Ông sinh năm 1900, nhằm năm Canh Tý, tại mương bà Phú, ấp Thị, làng Hội An, tổng An Thạnh Thượng, quận Cao Lãnh, tỉnh Sa Đéc (nay thuộc về huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang). Thân phụ là ông Lê Bích Hải (làm Hương sư của làng Hội An). Ông là cháu ruột và cũng là con nuôi đỡ đầu của ông Lê Thành Sang - vị Kế hiền của làng Hội An thời Pháp thuộc.

Tuổi thanh niên,ông đã thi đậu Diplôme. (Nay gọi là tốt nghiệp phổ thông cơ sở). Mảnh bằng này vào thời ấy, thì cả huyện số người thi đậu chỉ đếm được ở trên đầu ngón tay! Thế nên, ông được chính quyền tỉnh Sa Đéc đề cử làm Hội đồng địa hạt[68] – vị đại biểu danh dự của làng Hội An.

Năm 1942, ông được cha nuôi chia cho phần đất mua của con ông Tham thần Hiếu. Sau đó, ông cũng đã cất nhà nằm cạnh mương. Từ đó về sau, người đời gọi nơi đây là "mương Hội đồng".

Sự phát triển của mương Hội Đồng

Năm 1962, chính quyền Ngô Đình Diệm xây dựng Ấp chiến lược nên đã đào mương làm hào lũy, nối liền từ mương Hội đồng đến mương La Kết nhỏ.

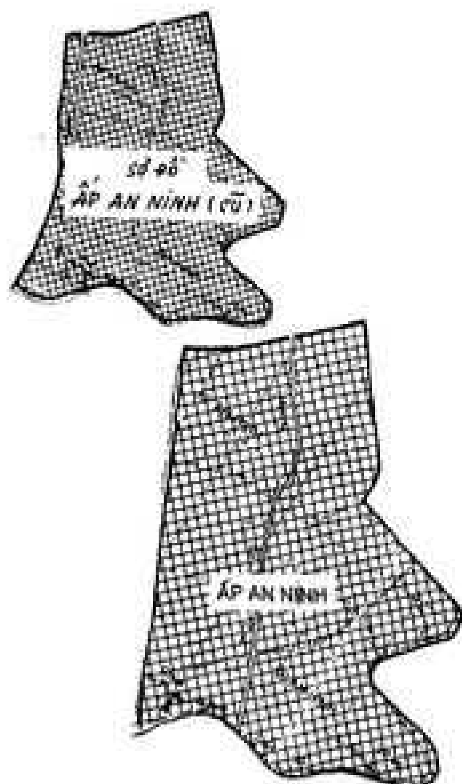
Những năm 1990, Ủy ban nhân dân xã Hội An tổ chức bao đê tiểu vùng làm tăng thêm mùa vụ, mương Hội đồng là một trong những trạm bơm đưa nước vào ruộng của toàn Ấp An Ninh và một phần ấp Thị, đồng thời cũng là nơi tháo nước ngập lụt làm cho mau khô ruộng để nhân dân sớm được canh tác.

Năm 2001, chính quyền địa phương thuê Kobel múc sâu lại con mương, vừa lấy đất để nâng cao mặt đường thẳng sâu vào đồng nội. Nhờ đó, giao thông thuận tiện cho cư dân ở nơi đây đi tất đến Long Xuyên được nhanh chóng và vận chuyển nông sản từ đồng ruộng về đến nhà rất dễ dàng.

---

[68] *Hội đồng địa hạt: khác với Hội đồng Quản hạt (vị đại biểu có thẩm quyền thanh tra, đôn đốc chánh quyền ngang cấp và cấp dưới)*

Ấp An Ninh



Sơ lược về ấp An Ninh

Là địa giới An Ninh cũ, bị cắt một phần từ bờ hữu ngạn ở vàm mương mười Dầu đến kinh Thống Nhất.

Vị trí như sau: Đông giáp ấp Thị 1 và ấp Thị 2, Tây giáp ấp An Thuận, Nam giáp xã Hội An Đông, Bắc giáp ấp An Phú. Diện tích tự nhiên: 396,2 ha (đất nông nghiệp là 342 ha) có 733 hộ, dân số: 3133 người.

(thống kê ngày 15 tháng 3 năm 2008).

Địa danh, di tích gồm có:

1. Đường Đấp (mồ ông Năm Quấn)
2. Mương Bà Kỷ
3. Mương Hành Chánh Của
4. Mương Bà Cọc
5. Mương Sáu Chấp
6. Cầu Quây
7. Chùa An Phước.

ĐƯỜNG ĐẤP

(NHÀ MỒ ÔNG NĂM QUẤN)

Dựa theo chuyện kể của gia tộc họ Ông.



Vào những thập niên đầu của thế kỷ 20, đất còn rộng nhà còn thưa, phương tiện ở nông thôn như xe đạp vẫn còn là quý hiếm. Thế nên người dân luôn làm khách bộ hành trên con đường mòn xuyên qua các ấp. Chỉ riêng từ mương ông Tham Thần (nay gọi là mương Hội đồng), đến chợ Cái Tàu Thượng là tương đối rộng. Bởi lẽ, nhà của cư dân trên đoạn đường này có phần đông đúc.

Do đám tang của ông Ông Vạn Quảng (người đời thường gọi là Năm Quấn) mãn phần vào ngày 14 tháng 6 âm lịch năm 1924, nhằm năm Giáp Tý, linh cữu được lưu lại 100 ngày để cư tang[69], gia đình phải thuê nhà giàn từ Sài Gòn về để chở linh cữu đi an táng.

---

[69] *100 ngày để cư tang: Trong thời gian cử hành tang lễ và chờ mở đường, những vị sư tụng là người Hoa, nhạc lễ của Triều Châu nên thu hút người ở xa đến xem.*

Thuở ấy, đường nhỏ hẹp nhà giàn không thể di chuyển được. Ông Ông Trường Châu (tên thường gọi là Sáu Chiêu) huy động tá điền mở rộng thêm lề đường từ mương Tham Thần đến nơi chôn cất, thuộc phần đất thổ cư của ông Quảng[70]. Trong đó có đoạn vào mộ phải mở đường. Từ ấy, người đời gọi nơi đây là Đường Đấp[71], hay còn gọi là mộ ông Năm Quấn. Cũng có người gọi Nhà Vuông (dựa trên cấu trúc của nhà mồ).

Ông Ông Vạn Quảng gốc người Triều Châu, sinh năm 1846, nhằm năm Bính Ngọ, tại thôn Mỹ An tổng An Thạnh, huyện Vĩnh An, phủ Tân Thành, tỉnh An Giang (nay là xã Mỹ An Hưng "B", huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp). Thân phụ là ông Ông Tự Kê, thân mẫu là bà Trần Thị Mùi. Tên Quảng, tiếng Triều Châu phát âm là Quấn. Ông là em thứ năm của bà Ông Thị Lê, nên người đời thường gọi là Năm Quấn.

Lúc sinh thời ông là một thương gia và là một địa chủ lớn. Ông cất phố ở nhiều nơi như : Long Xuyên, Sa Đéc và Ô Môn. Đồng thời, làm chủ một đoàn ghe buôn lúa mang thương hiệu là Vạn Thắng. Ông đã mua điền sản lên đến 915 mẫu gồm đất vườn, ruộng và thổ cư ở khắp nơi trong khu vực.

Năm 1890, ông đã hiến 4.000 mét vuông đất để cất mới lại toàn bộ chùa Bà và đổi tên lại là "Thanh Đức Cung", hiện nay di tích vẫn còn.

---

[70] *Thổ cư của ông Ông Vạn Quảng: Hơn 500 mét mở rộng thêm lề. Có ngang qua phần đất của bà Võ Thị Nhiên chừng 30 mét.*

[71] *Đường Đấp: Đoạn khai phá vườn tạp để làm đường vào mộ gần 200 mét.*

Đổi thay ở ngã ba Đường Đấp

Trong kháng chiến chống Pháp, chợ Cái Tàu đã bị Tây đốt cháy toàn bộ nhưng nhà cầm quyền không yên tâm vì khu vực này vẫn còn Việt Minh. Thế nên, cứ mỗi lần tàu chuồng Cu[72] của Pháp tuần tra trên nhánh sông Tiền, chúng đã không tiếc đạn, luôn bắn xối xả vào đây, làm người dân không ai dám họp chợ. Nhằm tránh khỏi tầm đạn của giặc, người bán lẫn người mua hẹn gặp nhau ở ngã ba Đường Đấp để làm nơi mua bán.

Năm 1965, chánh quyền thời ấy đã lập tại Ngã ba Đường Đấp một đồn Nghĩa quân (Dân vệ).

MƯƠNG BÀ KỶ

Dựa theo chuyện kể của ông Nguyễn Văn Bá, sinh năm 1950, cư ngụ tại mương bà Kỷ.

Xưa kia là phần đất của ông Hương cả Ngô Văn Dao cho con gái là bà Ngô Thị Hoài. Bà Hoài thuê người đào mương để lấy nước dùng trong sinh hoạt gia đình. Lúc sinh thời, bà là một tu sĩ tại gia. Không có chồng con nên khi qua đời, tài sản được chia cho các cháu. Trong đó, bà Tư Kỷ có hưởng một phần.

---

[72] *Tàu chuồng Cu: Tàu dùng để tuần tra. Trên nóc có đặt buồng lái, trông giống như chuồng để nuôi chim cu.*

Bà Ngô Thị Kỷ, sinh năm 1899, nhằm năm Kỷ Hợi tại ấp An Ninh, làng Hội An, tổng An Thạnh Thượng, quận Cao Lãnh, tỉnh Sa Đéc (nay thuộc về huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang). Bà là cháu nội của ông Ngô Văn Dao làm Hương cả làng Hội An ở thời kỳ đầu Pháp thuộc. Thế nên, bà Kỷ gọi bà Hoài là cô ruột. Hoàn cảnh của bà Kỷ cũng giống như người cô không chồng con và cũng là một tu sĩ tại gia.

Tuy vậy lúc về già, nhờ có cháu nội bà Ngô Thị Nhuận là ông Nguyễn Văn Bá đã hết lòng phụng dưỡng. Bởi lẽ, bà Nhuận là em ruột của bà Kỷ. Trên mối quan hệ ấy, ông Nguyễn Văn Bá được bà chọn làm người thừa kế để lo chăm sóc mồ mả và thờ cúng ông bà.

***Sự phát triển ở mương bà Kỷ**

Mương nhỏ mà lại ngắn, chỉ để lấy nước dùng trong sinh hoạt gia đình nên ít người biết đến. Những năm 1980, phòng học ở các nơi trong xã quá ít so với số lượng học sinh nên ngành giáo dục đã kết hợp với chính quyền địa phương đến vận động gia đình của ông Nguyễn Văn Bá tạm mượn khoảnh đất gần với mương bà Kỷ, để mở trường dạy học. Vợ chồng ông Nguyễn Văn Bá vốn đang công tác tại trường Tiểu học "A" Hội An nên việc thương lượng cũng rất dễ dàng.

Lúc ban đầu, cất tạm bợ hai phòng bằng tre lá. Sau đó xây lại kiên cố và cất thêm một phòng. Kể từ năm 1981, nhờ có trường học mà ai ai cũng biết đến mương bà Kỷ.

CẦU MƯƠNG HÀNH CHÁNH CỦA

Dựa theo chuyện kể của ông Phạm Đình Tuấn, cư ngụ gần mương Sáu Chấp.

Mương có từ lâu đời. Thuở ấy, người ta gọi là mương ông Hùng. Khi đạo Cao Đài được thành lập, tín hữu nơi đây đóng góp để xây dựng Thánh thất Cao Đài. Thánh thất tọa lạc tại ấp An Quới, làng Hội An Đông, nằm đối diện với mương ông Hùng. Lúc bấy giờ cầu tre được bắc qua rạch Cái Tàu nhằm tạo điều kiện cho bổn đạo làng Hội An đến Thánh Thất hành lễ. Đồng thời, đây cũng là phương tiện qua lại của cư dân hai làng. Vì vậy người đời không còn gọi là mương ông Hùng mà gọi bằng sự cảm nhận của trực giác là Mương Thất Cao Đài.

Sau 30/4/1975 cầu đúc bắc ngang mương xuống cấp. Chính quyền vận động nhân dân ấp An Ninh đóng góp công sức, tiền của xây dựng lại cầu và đặt tên cho mương là "mương hành chánh Của"[73] tên đồng chí chủ tịch xã đã hy sinh trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp – và cầu đúc vừa mới bắc ngang mương được gắn bảng ghi là: "Cầu: mương hành chánh Của".

---

[73] *Ông Nguyễn Văn Của, sinh năm 1915 nhằm năm Ất Mão, tại ấp An Ninh, làng Hội An, tổng An Thạnh Thượng quận Cao Lãnh, tỉnh Sa Đéc. (nay thuộc về huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang). Ông gốc là họ Tạ. Thân phụ là Tạ Văn Kim (sau đổi lại là Nguyễn Văn Kim). Ông là con rể thứ tư của ông Trần Văn Cao – danh nho của làng Hội An thời Pháp thuộc. Gia đình ông Nguyễn Văn Của cư ngụ lâu đời tại mương ông Hùng. Trong những năm "tiêu thổ kháng chiến" chống Pháp, Ông được bầu làm chủ tịch ủy ban kháng chiến hành chánh của làng Hội An. Ông hy sinh năm 1953, hưởng dương 39 tuổi. Kể từ khi đất nước thống nhất, chính quyền địa phương đã ghi nhớ công lao của ông nên đặt cho tên mương và cầu Hành chánh Của. Vài năm sau đó, đường nông thôn liên xã được tráng nhựa nên cầu đã bị lấp để đặt bọng.*

MƯƠNG BÀ CỌC

Dựa theo chuyện kể của ông Phạm Đình Tuấn

Là mương đào để dẫn nước vào ruộng của phú nông có tên là Huỳnh Văn Cọc. Riêng về bà Cọc có nhiều giai thoại để nói về bà. Bởi lẽ, bà là một phụ nữ đảm đang, tài trí và mưu lược. Chuyện xưa kể lại, trong những năm xảy ra chiến tranh thế giới lần thứ I (1914 – 1918), gia đình bà có hai người con trai bị gọi đi khám để tuyển đi lính.

Vốn không chịu làm tay sai cho Pháp, hơn nữa, đi lính cho Tây là phải bỏ thây nơi xứ lạ quê người. Trong khi các con của bà là nguồn lao động chính của gia đình. Vì lẽ ấy, bà đã nghĩ ra cách cạo hết râu, hết tóc của hai con.Việc làm này ở vào thời ấy là một điều cấm kỵ, bởi "Thân thể, phát tu, thọ chi phụ mẫu". Có nghĩa là thân thể, tóc, râu là của cha mẹ tạo ra phải cẩn thận chăm sóc và gìn giữ, trừ trường hợp xuất gia đầu Phật. Nếu tự ý hủy hoại là mang tội bất hiếu. Khi chính quyền bắt bà và hai con vì can tội chống nhà nước bảo hộ. Giữa công đường bà bình tĩnh tháo khăn của hai con để lộ họ là hai vị sư! Thầy cai lúng túng trước tình huống hy hữu này: "Nắm người có tóc, không ai nắm kẻ trọc đầu" hay "Tha người có tóc, nắm kẻ trọc đầu" đều không xong. Vừa đuối lý, vừa bẻ mặt thầy Cai đành tha bổng cho họ về.

Lúc sinh thời bà Cọc thường giúp đỡ những người xung quanh về các phương tiện như: Cơm, áo, gạo, tiền

thậm chí những chuyện rắc rối của hàng xóm phải nhờ bà tìm cách giải quyết.

Hiện nay các cháu sơ của bà đều trên 60 tuổi. Họ vẫn còn cư ngụ chung quanh ở vùng này. Và có lẽ, hào khí bất khuất của bà Cọc còn sót lại đâu đây nên nửa thế kỷ sau cũng ở trong mương có một Huỳnh Thị Hưởng can đảm, kiên trung được Nhà nước phong tặng Anh hùng lực lượng vũ trang!

MƯƠNG SÁU CHẤP

Dựa theo chuyện kể của ông Võ Văn Chấp
và ông Trần Văn Xạ, cư ngụ tại mương Sáu Chấp

Lúc ban đầu chỉ là một lối mòn của trâu đi trên phần đất của ông Hương Cả Bùi Văn Hội. Sau đó ông Hội chia cho con là Hương cả Bùi Văn Đỏ.

Thuở ấy, cư dân thuê đất để ở và ruộng để cày. Trong số đó, có ông Võ Văn Vãng. Ông Vãng là người được chủ đất tin cậy, giao cho trông coi hàng chục mẫu đất của khu vực này. Đồng thời, cho phép ông Vãng được đào sâu thêm phần lối mòn của trâu đi, để lấy nước dùng trong sinh hoạt gia đình. Thế nên, con mương chỉ dài hơn 50 mét. Từ ấy, người đời gọi nơi đây là mương ông bảy Vãng.

Năm 1940, ông Kế hiền Bùi Văn Đỏ đã chia phần đất nói trên cho bốn người con gái. Vì thế khối điền sản này đã trở thành nhỏ lẻ, bởi quyền sở hữu đã mang tên của nhiều người.

Do việc thực hiện luật "cải cách ruộng đất" thời Ngô Đình Diệm[74] cho đến luật "Người cày có ruộng" của Nguyễn Văn Thiệu[75], khu đất này vẫn không bị truất hữu. Trên cơ sở ấy, các cháu ngoại của họ Bùi mới có điều kiện canh tác trên phần đất của ông bà.

Năm 1971, ông Trần Văn Xạ (cháu ngoại của ông Bùi Văn Đỏ) về đây cất nhà để ở và ông đã đào mương nối dài thêm. Sau đó, thân nhân của ông cũng về đây cư ngụ khiến cho đất ruộng xưa kia đã chen lẫn nương rẫy và vườn cây.

Từ khi ông Võ Văn Văng mãn phần, người đời gọi tên con thứ sáu của ông là Võ Văn Chấp để làm tên con mương - mương sáu Chấp.

*** Đặc điểm của mương sáu Chấp.**

Đầu mương là những hộ gia đình của nhiều thế hệ lưu cư lâu đời. Tiếp theo đó, hai bờ mương là đất canh tác và nhà ở của các cháu ngoại họ Bùi. Mương dài chừng 200 mét có đến 21 hộ gia đình.

Hiện nay, Sắc Ấn Thần Thành hoàng Bổn Cảnh của làng Hội An và Hội An Đông được thờ phượng tại nhà ông Võ Văn Chấp.

---

[74] *Luật cải cách ruộng đất quy định: mỗi địa chủ chỉ được quyền sở hữu từ 100 mẫu đất trở xuống. Số đất dư phải bán cho người trực canh trả góp trong vòng 10 năm.*

[75] *Luật người cày có ruộng của Nguyễn Văn Thiệu quy định: Mỗi địa chủ, chỉ được quyền sở hữu từ 10 mẫu đất trở xuống. Số đất dư mua lại để cấp phát cho người trực canh.*

CẦU QUÂY

Dựa theo chuyện kể của
ông Phạm Đình Tuấn, và ông Nguyễn Văn Lộ.

Cầu Quây là một tấm ván bắc ngang sông mà bất cứ người nào cũng có thể di động được nó một cách hết sức dễ dàng. Cầu này làm để xóa bỏ chiếc cầu tre mà từ lâu người dân ở bờ Hội An Đông phải "lắc lẻo gập ghềnh" mới qua được chùa An Phước. Người tài trợ và thiết kế cây cầu là ông Lê Hồng Côn[76] - một địa chủ đang làm Hội đồng địa hạt.

Cầu Quây được thiết kế rất đơn giản và tiện lợi. Mỗi đầu cầu cách bờ chừng 4 mét được làm cố định và chắc chắn. Phần ở giữa sông là một khoảng trống, chỉ có một tấm ván là di động được. Tấm ván này làm bằng gỗ căm xe, mặt ván rộng 3 tấc, dài 6 mét. Chiều dài của tấm ván phủ cả hai mối đầu cầu. Độ dầy của nó không đều, một đầu là 2 tấc và cứ mỏng dần đến 5 phân.

Ở đầu dầy nhất, người ta cột thêm một tảng đá lớn và làm một trục để xoay. Dựa trên nguyên tắc đòn bẩy này, mỗi khi đến mùa nước lũ, ghe tàu nào không qua được chỉ cần có một người ấn nhẹ vào tảng đá thì ở đầu ván

---

[76] *Ông Lê Hồng Côn sinh trưởng ở ấp An Quới, làng Hội An, tổng An Thạnh Thượng, Quận Cao Lãnh, tỉnh Sa Đéc (nay thuộc về ấp An Thạnh, xã Hội An Đông, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp). Vốn xuất thân trong một gia đình địa chủ, điền sản của ông nằm rải rác ở làng Hội An và Hội An Đông. Ông là em ruột của ông Lê Hồng Huân – cai tổng An Thạnh Thượng nên được chính quyền tỉnh Sa Đéc để cử làm Hội đồng địa hạt (vị đại biểu danh dự của làng Hội An Đông). Người đời thường gọi ông là Hội đồng Côn.*

mỏng bên kia sẽ nhấc cao lên và khi gặp phải ghe quá lớn, người ta cũng có thể quây ngang cây cầu, ở một góc đến chín mươi độ, mà tấm ván to như thế kia cũng không rơi xuống nước!

Sự vững chắc và tiện lợi giúp cho người đi qua cầu có thể vác thêm trên vai một bao lúa để qua sông mà vẫn an toàn và thoải mái. Từ đó hình ảnh chiếc cầu Quây nằm bắc qua sông đã tạo được một ấn tượng khó phai trong lòng mỗi người. Ai ai cũng gọi là cầu Quây gắn liền với chùa Cầu Quây mà không gọi là cầu Chùa hoặc chùa An Phước.

***Sự thay đổi của cầu Quây** .

Năm 1985, Cầu Quây bị tháo dỡ để xáng múc rạch Cái Tàu. Nhân dịp này, bà con của hai làng thuộc khu vực này đã đóng góp để làm rộng thêm mặt cầu là 8 tấc. Từ ấy đã xóa hẳn hình ảnh của chiếc Cầu Quây ngày nào!

Năm 1996, nhận thấy chiếc cầu vừa mới cất không đáp ứng được nhu cầu của xe gắn máy – một phương tiện rất là phổ biến ở làng quê. Bởi lẽ, cầu làm ở một độ cao dự phòng để ghe tàu qua được trong mùa lũ. Vì thế cho nên, mùa khô thì cầu cao chót vót, mùa mưa thì trơn trợt dốc đứng. Hơn nữa, mặt cầu nhỏ hẹp, không có hàng rào để đảm bảo cho sự an toàn. Đường lên dốc cầu của hai bờ chung quanh đều là mương hầm. Điểm lên và xuống cầu ở mương ông Châu bờ Đồng Tháp cũng là điểm lên cầu và xuống dốc chùa An Phước.

Địa thế và cấu trúc cầu không thuận tiện trong việc giao thông. Thế nên, ông Nguyễn Văn Lộ, cư ngụ gần

đó (thuộc ấp An Ninh, xã Hội An) đề nghị chính quyền của hai xã, cho phép nhân dân được dời cầu. Đồng thời, ông vận động nhân dân ở Hội An và Hội An Đông gồm 176 hộ với tổng số tiền là 22.766.000đ *(hai mươi hai triệu, bảy trăm sáu mươi sáu ngàn đồng).*

Cầu mới, cách cầu cũ ở về phía Thất Cao Đài chừng 70 mét. Vị trí như sau:

- Đầu cầu bờ Hội An là trước sân nhà ông Nguyễn Văn Lộ.

- Đầu cầu bờ Hội An Đông là bãi sông của ông Nguyễn Văn Điệp (tên thường gọi là Bảy Xệ).

Cầu dài 20 mét, mặt cầu rộng 2 mét, thiết kế theo kiểu dáng cầu treo. Cầu được khánh thành và lưu thông vào ngày 20 tháng 11 năm 1996.

CHÙA CẦU QUÂY

(CHÙA AN PHƯỚC)

Dựa theo chuyện kể của ông Phạm Đình Tuấn, ông Võ Văn Chấp và ông Huỳnh Tấn Lộc

Chùa An Phước là ngôi chùa có đầu tiên ở làng quê Hội An do nhân dân đóng góp. Chùa được xây dựng trên phần đất hiến của vợ chồng một lái buôn tên Điện (lái Điện). Hiện nay mồ mả của vợ chồng ông Điện vẫn còn tọa lạc sau cổng chùa (không có mộ bia).

Chùa được thành lập năm nào, vị sư tổ của chùa là ai, đệ tử nào kế thừa không được rõ; chỉ nghe kể lại rằng: Chùa được thành lập từ khi có nhà sư Huỳnh Đậu, cùng



với ba người đồ đệ đến ẩn tu khi đồn Cây Mai thất thủ (tháng 2/1859 thực dân Pháp tấn công đồn).

Chiến tranh loạn lạc, thầy trò của nhà sư Huỳnh Đậu phải tìm đường sơ tán. Cùng lúc ấy, vợ chồng của ông lái buôn Điện mang thổ sản từ miền Tây lên miền Đông bán và mua những vật dụng từ đấy đem về bán lại Chợ Cái Tàu. Một hôm trên đường đi, ông Điện đã gặp được bốn thầy trò nhà sư Huỳnh Đậu đang tìm nơi lánh nạn và đưa tất cả về quê. Đồng thời hiến đất và vận động cư dân cùng với vợ chồng ông xây dựng chùa An Phước.

Dựa vào chuyện kể trên, chúng ta có thể hình dung nhà sư Huỳnh Đậu là sư tổ của chùa An Phước và ngôi chùa này được thành lập khoảng năm 1860. Sau đó, Hương sư Ký vào tu ở chùa, nên người đời gọi chùa An Phước là chùa Hương sư Ký. Đến khi ông Hương sư Ký mãn phần, ngôi chùa trở nên vắng vẻ. Ông Huỳnh Văn Lương, là cháu nội của ông Huỳnh Văn Cọc, thay mặt cư dân để trông coi và quản lý ngôi chùa nên gọi ông

Lương là thủ tọa Lương. Lúc bấy giờ, cầu Quây cũng đã được bắc ngang sông, nằm đối diện trước cổng chùa. Vì lẽ ấy, dân làng gọi là chùa Cầu Quây.

Kế tiếp là ông Ngô Văn Còn (người đời thường gọi là ông Đạo Ồn hay ông giáo Ồn) pháp danh là Quảng Trí, Phật danh là giáo Thọ – làm sư trụ trì. Vì thế người đời gọi chùa An Phước là chùa ông giáo Ồn.

Đến năm 1942, chùa đã gần 100 tuổi nên rêu phong, gỗ mục. Các ông Trần Văn Cao, Nguyễn Văn Kim, Nguyễn Văn Tuất, Lê Văn Liên cùng các hộ gia đình chung quanh chùa tự nguyện ủng hộ tổ chức cất mới lại ngôi chùa. Ông chủ quận Tào, bà Ông Thoại Chi, cô Hai Hiền cúng hiến ba tượng phật.

Năm 1972, chùa được làm lại cổng và tu sửa toàn bộ mặt tiền. Lần này, do Đại đức Bửu Chơn, sinh trưởng tại ấp An Ninh (con của ông Hương hào Dự) chi tiền tu sửa. Phần còn lại có sự đóng góp của bà con ở chung quanh chùa.

Chùa An Phước, khuôn viên chật hẹp, không có huê lợi. Vậy mà ông giáo Ồn vẫn tu suốt 55 năm trong cảnh thanh bần!

Sau ngày đất nước thống nhất, ông Huỳnh Tấn Lộc (tên thường gọi là Chín Mách) cư ngụ gần chùa tự nguyện làm Từ. Thời gian sau có thêm ông Bùi Văn Chiêu, người ở Hội An Đông, nhà ngang chùa đã cùng với ông Chín Mách thay nhau để chăm sóc.

Hiện nay, Đại đức Thích Quảng Phúc làm sư trụ trì cùng với 3 vị sư khác là Tâm Chơn, Thiền Vân và Từ Chánh lo việc phụng sự chùa.

Ấp An Thuận

Sơ lược về ấp An Thuận



Được Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang thành lập vào ngày 15/3/2008. Trong đó, phân nửa là ấp An Khương cũ và thêm một phần thuộc bờ hữu ngạn của mương Mười Dầu

Vị trí như sau: Đông giáp ấp An Ninh; Tây giáp ấp An Khương; Nam giáp xã Hội An Đông; Bắc giáp xã An Thạnh Trung;

Diện tích tự nhiên: 251,62 ha. (đất nông nghiệp: 223,31ha); có 612 hộ, dân số là 2.798 người. (Thống kê ngày 15/3/2008)

Địa danh: Mương Mười Dầu.

MƯƠNG MƯỜI DẦU

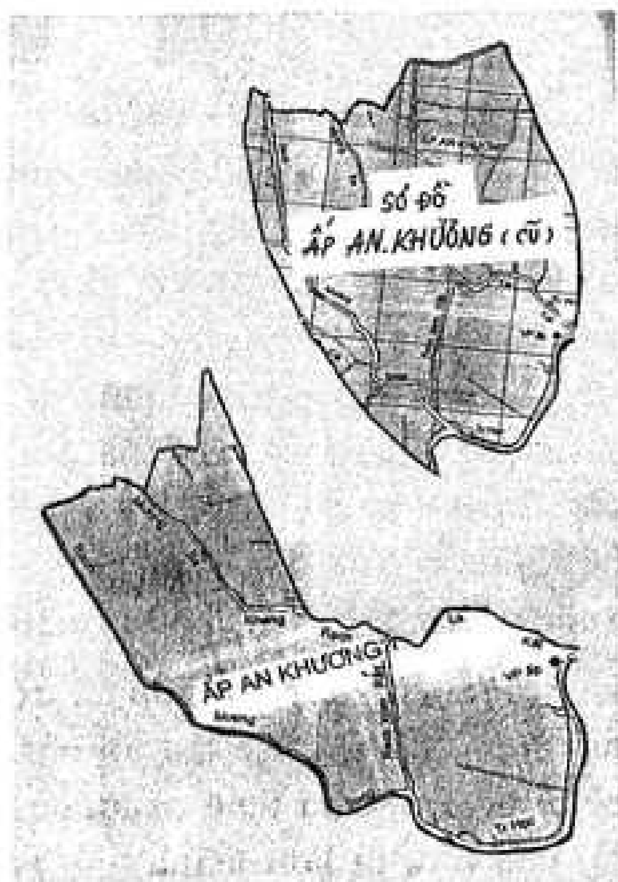
Dựa theo chuyện kể của ông Phạm Đình Tuấn.

Mương do lối mòn của trâu đi mà có. Bởi lẽ, ông Đặng Văn Trước (tên thường gọi là năm Trượng) vốn là một phú nông, cư ngụ gần chùa An Phước, nuôi rất nhiều trâu, vừa cày ruộng nhà, vừa cày thuê trong khu vực. Hàng ngày, ông cho trâu đi cố định một lối duy nhất. Thế nên, ngày tháng trôi qua, đất cứ mòn dần, nhất là những khi người nhà của ông dẫn trâu ngang lộ để cày thuê ở bên kia sông. Gặp lúc trời mưa, đất mềm, bầy trâu đi làm dậy sình, nước mưa cuốn trôi bùn đất xuống sông đã góp phần làm thành mương cạn.

Nhận thấy việc lên liếp để trồng cây ăn trái và canh tác thêm hoa màu sẽ thu lợi hơn là làm ruộng lúa mùa nên ông Trước đã thuê người đào sâu và mở rộng thêm lối của trâu đi làm thành một con mương để lấy nước tưới tiêu, đồng thời bắc cầu để đi qua mương. Lúc bấy giờ, ông đang là chủ ấp của ấp An Ninh, nên người dân gọi tên mương là ấp Trước.

Ông Trước qua đời, người con thứ mười là Đặng Văn Dầu đã thay ông để quản lý sự nghiệp. Từ ấy, người ta không còn gọi là mương ấp Trước, mà gọi là mương Mười Dầu. Hiện nay, phần đông con cháu của ông Đặng Văn Trước đều cư ngụ tại mương này.

Ấp An Khương



Sơ lược về ấp An Khương

Hơn phân nửa của ấp An Khương cũ, cất bớt một phần dài theo bờ hữu ngạn Mương Sung (phần từ vàm mương Sung đến rạch Rau Đắng, thuộc về ấp An Thái. Từ rạch Rau Đắng, đến xã An Thạnh Trung thuộc về ấp An Thới). Vị trí hiện nay như sau: Đông giáp ấp An Thuận; Tây giáp ấp An Thới; Nam giáp xã Hội An Đông; Bắc giáp xã An Thạnh Trung.

Diện tích tự nhiên: 300,36^{ha} (đất nông nghiệp là 259,89 ha), có 247 hộ với 1.138 người. *(Thống kê ngày 15 tháng 3 năm 2008).*

Địa danh gồm có:

1. Rạch La Kết.
2. Mương Bún.
3. Mương Sung

RẠCH LA KẾT

Tên gọi La Kết mang âm hưởng của dân Chân Lạp. Bởi lẽ, tên gốc phải được gọi là Lao Kết, người dân gọi trại ra thành La Kết, Lai Kết. Dân làng phân biệt rõ địa hình qua tên gọi: Rạch La Kết lớn, mương La Kết nhỏ.

Năm 1962, khi đào mương để làm hàng rào ấp chiến lược[77], ngụy quyền đã lập một đồn nghĩa quân bờ hữu ngạn, đầu vàm rạch La Kết để kiểm soát toàn bộ khu vực này.

La Kết còn được lấy làm tên để gọi cho mương đào nhằm phân biệt ấp An Ninh với ấp An Khương. Hơn nữa, khu vực này là căn cứ kháng chiến, là nơi có dân theo cách mạng đông dân nhất xã. Vì vậy, chính quyền Hội An thời xã trưởng Bùi Văn Hoanh đã phải chua chát công nhận ấp An Khương là ấp A.K[78]! (ngầm hiểu ấp thuộc quyền kiểm soát của Việt Cộng). Quần chúng

---

[77] *Ấp chiến lược: là hào lũy của mỗi ấp nhằm ngăn cách phần thổ cư với đồng ruộng, dưới là mương sâu trên là lũy rào kẽm gai cọc sắt (ở vùng chánh quyền Sài gòn kiểm soát thì làm bằng thân tre dài 4 mét chôn chân, đầu tre vạt nhọn, mỗi cọc cách đều 1 tấc). Dưới chân nền hàng rào (phía bờ mương được cắm đầy chông tre vuốt nhọn. Xa xa có chừa cổng ra vào để cho nông dân đến ruộng canh tác. Mỗi cổng là trạm kiểm soát do chánh quyền tổ chức thanh niên chiến đấu (có võ trang) canh giữ. Tầm qui mô của ấp chiến lược là: đưa nước vào ruộng để phát triển ngành nông nghiệp. Đồng thời, triệt tiêu tầm hoạt động của cộng sản từ nơi này đến nơi khác.*

[78] *Ấp A.K là hai chữ viết tắt của tên ấp An Khương. Tuy vậy, hai chữ A.K cũng là chữ viết tắt về tên của kỹ sư chế tạo ra súng tiểu liên được mang tên là A.K47. Loại súng này có trọng lượng đúng 4kg700. Đây là loại vũ khí tối tân được trang bị cho quân đội chánh quy ở miền Bắc, và lực lượng võ trang giải phóng miền Nam. Nghĩa đen, Ấp A.K chỉ ấp có nhiều người sử dụng súng A.K của Cộng sản, ấp của dân theo cách mạng.*

cách mạng tự hào gọi nơi đây là thủ đô La-Ke, thủ đô của lực lượng cách mạng huyện Chợ Mới.

Căn cứ vào hình thể của rạch La Kết lớn, mương La Kết nhỏ – cả hai đều hướng về phía Tây Bắc giáp với xã An Thạnh Trung. Tuy vậy, khu vực Cống Rộc Sen bên kia bờ kinh Cựu Hội lại thuộc về ấp An Khương của làng Hội An, từ thời khai mở cho đến khi đất nước thống nhất.

Năm 1965, trường sơ cấp ấp Tân Sinh được thành lập trên địa phận của ấp An Khương, khoảng cách từ vàm rạch La Kết đến đầu mương La Kết nhỏ. Ấy thế mà, tên trường được ghi là Trường sơ cấp ấp Tân Sinh An Khương và An Ninh. Trong khi mỗi ấp là một trường sơ cấp!

MƯƠNG BÚN

Dựa theo chuyện kể của
thầy Trần Trọng Thủy - cựu Hiệu trưởng
Trường Tiểu học "C" Hội An (vàm La Kết)

Sau khi đặt xong nền móng cai trị xứ Nam Kỳ, những giáo sĩ phương Tây đã tìm cách để truyền bá đạo Thiên Chúa qua các làng quê hẻo lánh. Ở những nơi ấy, hầu hết đều là những người xa quê tìm vùng đất mới để sinh cơ lập nghiệp. Đây là cơ hội đối với nhà truyền giáo.

Để giúp cho giáo hội đạt được tiêu chí nói trên, chính quyền thuộc địa đã cho những người theo đạo thiên chúa được hưởng những đặc quyền, đặc lợi. Chính vì thế, tại nơi đây đã cho đào mương để lấy đất đắp nền xây dựng một nhà thờ. Niên đại của nhà thờ này có cùng một lúc

với những nhà thờ lân cận như Mỹ Luông, Tấn Mỹ, Bình Phước Xuân. Và gần đây nhất là nhà thờ Cái Bần thuộc làng Hòa Bình (ngang chợ Lấp Vò).

Dù được nhiều ưu đãi nhưng do phong tục tập quán của làng quê Việt Nam vốn gắn liền với Phật giáo nên số lượng con chiên ở An Khương còn quá khiêm tốn. Vì thế cảnh quan nhà thờ vô cùng vắng vẻ. Thế nhưng cư dân vẫn gọi nơi đây là mương Nhà thờ.

Thực hiện lệnh "tiêu thổ kháng chiến" chống Pháp, nhà thờ bị phá sập vào năm 1946. Vài năm sau, có một người ở phương xa (không nhớ tên) đến đây mở lò làm bún nên cư dân gọi là mương lò Bún. Sau một thời gian cạnh tranh không lại khiến cho chủ lò phải dời nhà đi nơi khác, chỉ còn lại gia đình của ông Trần Trọng Thủy là bám trụ ở mương này. Dấu vết của nhà thờ còn lưu lại qua việc đào vét kinh mương thu được những mảnh vỡ bằng sành sứ. Dù cho chẳng thấy bóng dáng nhà thờ cũng như chẳng còn lò bún nhưng người đời vẫn ghi nhớ địa danh qua tên gọi Mương Bún!

MƯƠNG SUNG

Dựa theo chuyện kể của ông Lê Văn Sụa và ông Huỳnh Văn Được ngụ tại Mương Sung

Là một đoạn mương đào chừng 400 mét nối liền với những con rạch cạn nằm sâu trong nội đồng. Người khai mở là thân phụ của ông Huỳnh Văn Võ (không nhớ tên).

Theo lời kể của các lão nông, xưa kia, vàm mương Sung là nơi tiếp giáp của nhánh sông Tiền và sông Hậu. Sự giao lưu nói trên, đã tạo thành một búng nước, tụ hội rất nhiều tôm, cá. Cũng tại nơi đây, bên kia bờ Đồng Tháp thuở xưa là một bãi sông (nay là Trạm Y tế của xã Hội An Đông) những đêm trăng sáng, người ta thường thấy có đôi trâu nước đến đây ăn cỏ. Chúng lặn sâu mất dạng khi phát hiện ra bóng dáng của con người.

Việc khai mở mương Sung đã biến búng nước sâu thành một vòng nước xoáy cho đến khi rạch Cái Tàu từ La Kết ra đến chợ đã cạn hẹp. Thêm vào đó, nước chảy quanh co của toàn bộ dòng chảy ven bờ ấp Thị với ấp An Ninh đã làm cho nước chảy yếu, lại bị địa hình ngăn cản nên càng yếu hơn.

Trong khi ấy, nguồn nước ở sông Lấp Vò chảy vào lòng sông rộng nên lưu lượng lớn hơn. Hình dáng con rạch thẳng, nên nước chảy mạnh hơn. Từ đó, nước sông Hậu đã đẩy lùi nước sông Tiền chảy ngược về cầu Quây, sau này là Thất Cao Đài.

Hầu hết các mương ở làng Hội An đều có từ hai đến bốn tên (trừ mương bà Phú, mương bà Cọc với mương Đình). Ấy thế mà mương Sung người đời lại không lấy tên thân phụ của ông Huỳnh Văn Võ hay lấy hiện tượng của đôi trâu nước để gọi là mương Trâu hoặc lấy thực trạng của giáp nước là một búng sâu, để gọi là mương Búng. Hơn nữa nơi đây có một cây Nghính lâu đời, tàn cây tỏa ra che mát cả một vàm mương để gọi là mương cây Nghính. Lý do nào dân làng gọi mãi là

mương Sung? Ông Được la trương tộc ngụ trong mương cho biết: Người khai mở mương này là đời cố của ông. Tất cả con cháu gồm nội ngoại đã hơn sáu đời đều cư ngụ tại nơi đây. Tình thân tộc luôn được thương yêu đoàn kết. Đơn cử như việc cúng miếu Thổ Thần ngày mùng 10 tháng 3 âm lịch hằng năm tất cả con cháu, dù bận làm ăn ở xa hay lấy chồng xứ khác đều nhớ ngày để về cúng miếu rất linh đình. Các trưởng lão ở đây đã khẳng định không phải là mương cây sung. Hiển nhiên không phải là rạch cây sung hay gọi tắt là rạch sung. Bởi lẽ, rạch là một dòng nước của tự nhiên. Còn mương là đường nước do con người khai thông mà có. Khi đã xác định là mương đào không phải là rạch thì lẽ tất nhiên phải có người đứng ra khai mở hoặc là người sở hữu của con mương lúc ban đầu. Ở đây người đào mương là thân phụ của ông Huỳnh Văn Võ. Nếu Sung là tên của ông thì chắc chắn các trưởng tộc phải biết.

Vậy không phải tên của cây Sung cũng không phải tên người khai mở thì phải chăng đây là Sung của nghĩa chữ Hán Nho chỉ sung túc, đầy đủ cho con cháu của người khai mở..

Nhìn lại các mương đào ở trong làng, chúng ta thấy chủ yếu là để làm ranh đất, ranh ấp hoặc lấy nước dùng cho sinh hoạt của một gia đình. Còn việc định cư ở trong mương thì chưa được định hình. Lúc bấy giờ, chỉ có Mương Sung là nhà cửa đông đúc, ghe xuồng qua lại tấp nập vì đây là giang lộ của nhân dân Hội An lui tới với đình làng.

***Những thay đổi và sự phát triển của Mương Sung.**

Vàm mương Sung nằm ở khoảng giữa rạch Cái Tàu, mang hình dáng chữ V khiến cho vàm mương Sung luôn bị nước làm xói mòn, nên ngày càng rộng lớn.

Từ khi vàm rạch Cái Tàu nổi lên cồn Mía khiến cho dòng nước của nhánh sông Tiền chảy vào yếu dần. Nước từ sông Lấp Vò chảy vào mương Sung mạnh hơn, làm thủy phá bên bờ tả ngạn.

Cách vàm mương chừng vài mươi mét gần với đầu cầu là miếu thờ Thổ Thần. Miếu đã được dựng lên từ thời khai mở. Cột của miếu bằng gỗ căm xe đẻo tròn, vách ván cũng căm xe, mái ngói âm dương.

Ngày nay, miếu được làm lại theo kiểu dáng của thời đại mang tính "Gọn, nhẹ, đẹp, bền" nên khó ai nhìn thấy phảng phất kiến trúc xưa! Trước chín năm chống Pháp, tại vàm mương Sung có am tu của một pháp sư, tục danh là cậu hai Giao. Ông này ở phương xa đến đây làm phép để trị bệnh và thu nạp tín đồ. Khi đại đội 11 về tạm chiếm vùng này, cậu hai Giao cũng đã bỏ đi nơi khác. Từ đó am tu bị phá để làm thành đồn bót.

Càng đi sâu vào trong mương, nhà cửa càng đông đúc hơn so với ngoài lộ liên xã (thuộc khu vực ấp An Khương). Bởi lẽ, đây là nơi quần cư của một tộc họ. Con cái trưởng thành đều cất nhà ở gần với cha mẹ. Do đó, đất khai phá của ông bà đều thuộc về con cháu lưu canh.

Trường hợp xa quê đi lập nghiệp, đất đai cũng được bán lại cho người trong thân tộc.

Đặc điểm cư dân ở mương Sung phần đông chuyên sống bằng nghề làm rẫy. Vì vậy có thêm một địa danh gọi là Xóm Rẫy.

Năm 1972, trên nền am xưa, đồn bót cũ, xã trưởng Bùi Văn Hoanh đã xây dựng một nhà lồng chợ mang tên là chợ Long An nhưng không ai đến mua bán, khiến cho chợ Long An hoang vắng trước ngã ba sông! Chỉ có lao xao những bước chân ngập ngừng với những ánh mắt đăm chiêu của những chàng thanh niên có gia đình mà cứ mỗi chiều tối bị bắt phải tập trung để làm nhiệm vụ của một nhân dân tự vệ[79].

Cũng trong năm này, bờ hữu ngạn có phần náo nhiệt hơn khi ông Nguyễn Văn Lẹ (bảy Lẹ) lập nhà máy xay lúa tại đây.

Năm 1976, phòng Lương thực huyện Chợ Mới xây vách chung quanh chợ Long An để lập nên kho mương Sung. Bên cạnh đó là trạm thu mua lương thực. Đây cũng là điểm thu thuế nông nghiệp.

Năm 1990,những hạt ngọc màu vàng không còn lưu giữ tại đây do ngành giáo dục đã xây dựng trường học để mài bóng những hạt ngọc màu xám cho đời.

---

[79] *Nhân dân tự vệ: nhằm kiểm soát và trưng dụng nguồn nhân lực tại chỗ. Chánh quyền Nguyễn Văn Thiệu đã cưỡng bách thanh niên từ 18 đến 45 tuổi phải gia nhập nhân dân tự vệ. Lực lượng này không có lương, được miễn thi hành quân dịch. Mỗi ấp tổ chức thành nhiều toán (có trang bị vũ khí). Và trưởng ấp là người điều động lực lượng nầy thay phiên canh gác vào ban ngày và tập trung đầy đủ vào ban đêm.*

Nhờ đó, mương Sung lại trở nên sung túc hơn, như cái tên đã gọi thuở ban đầu.

***Đặc điểm của mương Sung**

* Mương nối liền với các rạch nằm sâu trong nội đồng.

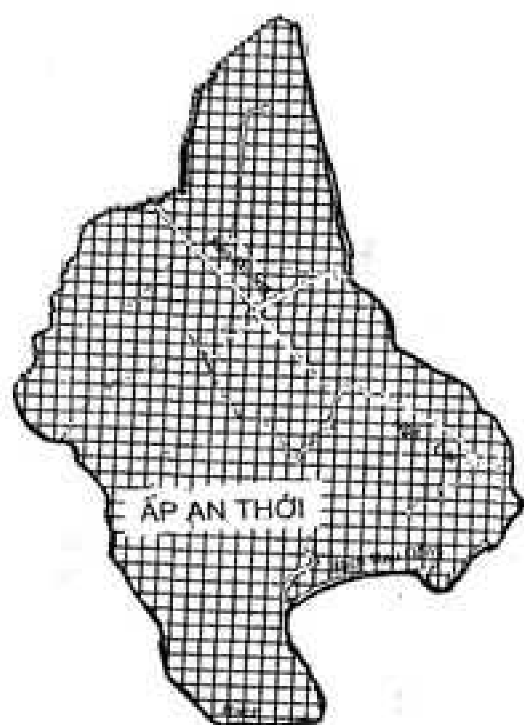
* Vàm mương rộng đến gấp ba lần so với các mương trung bình.

* Mương được đào thì có người đến ở trước nhất và đông nhất.

* Tên mương không thay đổi.

Trong số các mương đào của làng Hội An chỉ có mương Sung với mương bà Phú là hai mương lâu đời nhất. Hai mương này giống nhau là ở bờ bên phải đều có nhà máy xay lúa đồng thời tên mương không bị thay đổi.

Ấp An Thới



Sơ lược về ấp An Thới

Được Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang thành lập vào ngày 15 tháng 3 năm 2008. Ấp An Thới được hình thành trên cơ sở hơn phân nửa ấp An Bình cũ cộng với phần hữu ngạn mương Sung (từ rạch Rau Đắng đến giáp ranh xã An Thạnh Trung). Vị trí ấp phía đông giáp ấp An Khương; tây giáp An Bình; nam giáp ấp An Thái; bắc giáp xã An Thạnh Trung.

Diện tích tự nhiên là 363,95 ha. (đất nông nghiệp là 325,10 ha) có 208 hộ với 1.051 người. *(Thống kê ngày 15 tháng 3 năm 2008).*

Địa danh gồm có:

1. Rạch Rau Đắng.
2. Ngã Cái.
3. Xẻo Muồng.

RẠCH RAU ĐẮNG

Dựa theo chuyện kể của ông Nguyễn Văn Mãnh
Sinh năm 1949 ngụ gần vàm Rau Đắng.

Ở quanh làng đâu đâu cũng có cây Rau Đắng. Rau thường mọc ở sau hè, mé ruộng. Loại rau này lá rất nhỏ, bông màu trắng có vị đắng.

Người ta lấy lá để nấu canh, trộn với gỏi, ăn kèm với cá lóc nướng trui. Không những vị đắng làm khoái khẩu, dược tánh của nó còn giúp cho người ăn được mát gan, trị được bệnh nước tiểu có vôi, bệnh nấm ngoài da và còn bổ cho mật.

Căn cứ vào địa phận của xã Hội An lúc mới phân ấp, lập làng có một con rạch dài hơn 1000 mét, từ bờ hữu ngạn mương Sung giáp đến gần cuối ngọn Trà Bư. Tại vàm rạch là điểm tiếp giáp của các ấp An Bình, An Thái và An Khương. Người xưa đã gọi nơi đây là rạch Rau Đắng. Tên được căn cứ vào thực vật mọc nhiều nhất ở nơi này.

Kể từ năm 1998 trở về trước hầu hết người dân đều lưu canh mà không lưu cư. Vì thế cho nên, việc đi lại chỉ là đường mòn theo bờ đê, ven rạch. Đến khi huyện Chợ Mới chủ trương bao đê tiểu vùng thì rạch Rau Đắng được xáng múc làm rộng hơn và lấy đất để làm lộ hai bờ. Dần dần, nông dân cất nhà, định cư trên đất canh tác dù điều kiện sinh hoạt còn nhiều khó khăn. Đến tháng 6 năm 2006, chiếc cầu dây giăng đã xóa hẳn cầu khỉ. Và các nẻo đường liên ấp, đều được trải đá rộng rãi tạo thuận lợi cho việc lưu thông ở nông thôn. Đồng thời lưới điện cũng đã phủ sáng khắp nội đồng khiến cho bộ mặt làng quê khởi sắc, nhộp nhịp hẳn lên.

NGÃ CÁI

Dựa theo chuyện kể của bà Huỳnh Thị Nén sinh năm 1923, ngụ gần rạch Ngã Cái.

Xưa kia, là rạch nhỏ nằm sâu ở nội đồng. Từ khi thân phụ của ông Huỳnh Văn Võ đào mương nối liền với rạch xóm Rẫy, rạch Rau Đắng và ngã (Cạy) để đến đình Hội An ở Ngã Bát thì nơi đây gọi là Ngã Cạy (Cạy là tiếng của người dân Nam bộ khai hoang dùng để chỉ hướng rẽ về bên trái. Còn Bát là hướng rẽ về bên phải).

Thuở ấy, ngoài vàm mương Sung cho đến cuối ngọn (tức vàm Ngã Cạy) đều có miếu thờ Thổ Thần và miếu thờ Ông Tà. Hàng năm, đến ngày mùng 10 tháng 3 âm lịch cả hai nơi đều cúng kiếng rất long trọng.

Do cư dân của các ấp như An Phú, ấp Thị, An Ninh và An Khương mỗi khi đến với việc làng hoặc lễ Kỳ Yên ở Ngã Bát đều không đi theo tuyến rạch Cái Tàu đến rạch Cái Nai vì đường xa và có đoạn phải ngược dòng chảy xiết. Trong khi đường thủy liên thông qua các đoạn như: La Kết, xóm Rẫy, mương Sung, Ngã Cạy ước chừng phân nửa đường là đến Ngã Bát. Hơn nữa nước ở trong đồng luôn chảy chậm, đáy rạch lại cạn nên việc chèo, chống được nhanh hơn, khỏe hơn. Dựa trên thực tế ấy, người xưa gọi nơi đây là Ngã Cái (Ngã chính, có nhiều ngã phụ) nên không còn gọi là Ngã Cạy.

XẺO MUỒNG

Dựa theo chuyện kể của ông Nguyễn Văn Đây
Sinh năm 1958, cư ngụ tại Xẻo Muồng

Xẻo Muồng là tên ghép của địa hình với thực vật, được hiểu như sau:

Xẻo nghĩa là rạch nhỏ, nằm sâu ở bên trong.

Muồng là tên của một loại cây mọc hoang, đầu lá hình bầu dục, bông màu vàng. Lá Muồng, đem nấu lấy nước uống làm thuốc xổ (nhuận ttrường); đâm nhuyễn với muối và phèn dùng để trị lác.

Dựa trên thực tế, người xưa gọi nơi đây là Xẻo Muồng nhằm chỉ rạch nhỏ có mọc nhiều cây Muồng. Căn cứ trên bản đồ, ta thấy: Vàm rạch ở hướng Đông, ngọn cong và thẳng bên hướng Bắc.

Năm 1998, chính quyền địa phương tổ chức đào thêm một con mương nối liền với phần ngọn của rạch Xẻo Muồng để làm trạm bơm nước, đồng thời, đặt bọng lấp đất vàm rạch.

Năm 2007, bà Lê Thị Phối (út Nhan) cán bộ hưu trí ở tỉnh, sinh trưởng ở ấp An Khương vận động ông Nguyễn Phước Thanh người cùng quê đang làm Tổng giám đốc Ngân hàng Ngoại Thương ở thành phố Hồ Chí Minh đóng góp và vận động thêm công ty Phân bón Năm Sao để cất cầu treo ngang qua ngọn mương Sung với Xẻo Muồng. Cầu dài 36 mét, rộng 2,2 mét. Tổng kinh phí 137.684.000 đồng, khánh thành vào ngày 15/4/2007.

Ấp An Thái



Sơ lược về ấp An Thái

Gần phân nửa của ấp An Thái cũ, thêm một phần của bờ hữu ngạn vàm mương Sung đến rạch Rau Đắng là vị trí hiện nay của ấp An Thái. Phía Đông giáp ấp An Khương; Tây giáp ấp An Bình; Nam giáp xã Hội An Đông và ấp An Thịnh; Bắc giáp ấp An Thới.

Diện tích tự nhiên: 158,59^{ha}. (đất nông nghiệp là 124,80ha) có 473 hộ với 2.126 người. *(Thống kê ngày 15 tháng 3 năm 2008)*

Địa danh gồm có:

1. Rạch Cái Nai.
2. Rạch Trà Bư.

RẠCH CÁI NAI



Cầu Cái Nai

Tên gọi Cái Nai, mới nghe qua tưởng chừng như xa lạ. Không lạ làm sao được khi mà một nhánh sông của chính nó có tên để gọi là Trà Bư – âm tiếng chánh gốc của dân Chân Lạp.

Để làm rõ hơn vì sao gọi là Cái Nai, trước hết, chúng ta cũng nên điểm lại các địa danh lân cận đứng đầu bằng chữ "Cái". Đơn cử như: Cái Dầu ở Định Yên, Cái Sấn ở Vàm Cống, Cái Bần ở Hòa An, Cái Tàu ở Hội An, Cái Dứa ở Bình Phước Xuân và Cái Tôm ở Cao Lãnh.

Chữ Cái là tiếng cổ xưa dùng để chỉ người, động thực vật, sự việc, ... và Cái Nai ở đây chỉ về loài Nai – một loại động vật sống bầy đàn nơi hoang dã. Chuyện xưa kể lại rằng, lúc chưa phân ấp để lập làng, nơi đây còn hoang vắng. Dân làng đi thuyền, chèo ghe trên rạch Cái

Tàu thường nhìn thấy bầy nai xuống sông uống nước nên gọi là Cái Nai.

Thời thực dân Pháp tách một phần ở thượng nguồn của làng cựu Hội An, để lập thêm làng Hội An Thượng nên toàn bộ ấp An Bình thuộc về làng mới lập. Vì lẽ ấy Đình làng Hội An ở ngã Bát phải dời đến nơi này nhờ vậy Cái Nai ngày càng phát triển sầm uất hơn.

Sự thay đổi và phát triển ở vàm rạch Cái Nai

Năm 1912 làng Hội An tách ra làm hai làng: Hội An và Hội An Đông. Đình thần Hội An được dời về miếu ông Hổ. Đồng thời, cơ sở của làng xây dựng gần với Vàm Kinh cô Đội (nay gọi là kinh Cựu Hội). Thế nên, toàn bộ ấp An Thái đã thuộc về làng Hội An Đông. Và hình ảnh chiếc cầu tre vẫn còn lắc lẽo đôi bờ!

Năm 1956, toàn bộ rạch Cái Nai, gồm cả hai ấp An Thái và An Bình được trả về cho làng Hội An. Chiếc cầu ván qua sông được hình thành, thay thế chiếc cầu tre quen thuộc.

Năm 1965, trường sơ cấp ấp Tân Sinh An Thái được thành lập trên khu vực Đình Làng xưa cũ.

Đến năm 1976, khu vực trường học được mở rộng và nâng cấp lớp học, gọi là trường cấp I "B" Hội An.

Năm 1977, thành lập trường phổ thông cơ sở "B" Hội An

Năm 2003, cầu ván Cái Nai được tháo dỡ để đúc bê-tông kiên cố. Và chiều dài của cầu ở bờ hữu ngạn đã thiết kế theo kiểu cầu vượt.

Năm 2005, ở phía sau trường tiểu học "B" Hội An xây dựng thêm một trường cấp II. Tháng 9 năm 2006 trường trung học cơ sở Hội An 2 khai giảng khóa học đầu tiên.

Hiện nay, cầu bắc ngang rạch Cái Nai, ở vàm rạch thuộc ấp An Thái, xã Hội An biển ghi "cầu Cái Nai". Ở cuối rạch thuộc ấp An Bình, xã An Thạnh Trung biển ghi "cầu Cả Nai"! Tên gọi Cái Nai khiến cho chúng ta hình dung đến một khung cảnh nên thơ có bầy nai hiền hòa đang lặng lẽ ăn cỏ, đã vẽ nên bức tranh ấm no, thanh bình của làng quê Hội An.

RẠCH TRÀ BƯ

Dựa theo truyền khẩu

Là một chi lưu của rạch Cái Nai thuộc bờ tả ngạn thượng nguồn. Tên gọi Trà Bư khẳng định địa danh này, xưa kia là của dân Chân Lạp. Đó là một con rạch ngắn, thông với nhiều ngõ ngách cong về hướng ngã Bát. Và nghĩa Trà Bư là Vũng Trâu – nơi hội tụ các bầy, đàn trâu nước.

Trong thời kỳ đầu khai hoang, cộng đồng người Việt đã đến đây, sống cùng với cư dân bản xứ. Sự hài hòa nói trên là do tác động về hoàn cảnh địa lý của vùng này. Bởi lẽ, bên kia rạch Cái Nai là gò cao, rất nhiều thú dữ. Còn ở bên này Trà Bư là một vùng trũng thấp trải dài

theo hướng đông bắc, có nhiều hồ ao chứa đầy tôm cá xen lẫn với rừng tràm bạt ngàn.

Trà Bư là một trong những nơi định cư đầu tiên của cộng đồng người Việt đến khai hoang, mở ấp lập làng. Sự lưu cư nhiều năm đã phát triển dân số người Việt nơi đây tương đối đông đúc, là chỗ dựa hậu cần cho việc sang sông khai mở mương cai Hùng để sau đó, lần hồi phá tan hổ huyệt ở rạch Giồng.

Năm 1850, thầy Đoàn Minh Huyên[80] đến tận Trà Bư dập tắt bệnh dịch tả đang hoành hành để cứu nhân, độ thế!

Vào sâu trong rạch theo hướng đông bắc là trung tâm hành chính của làng Hội An.

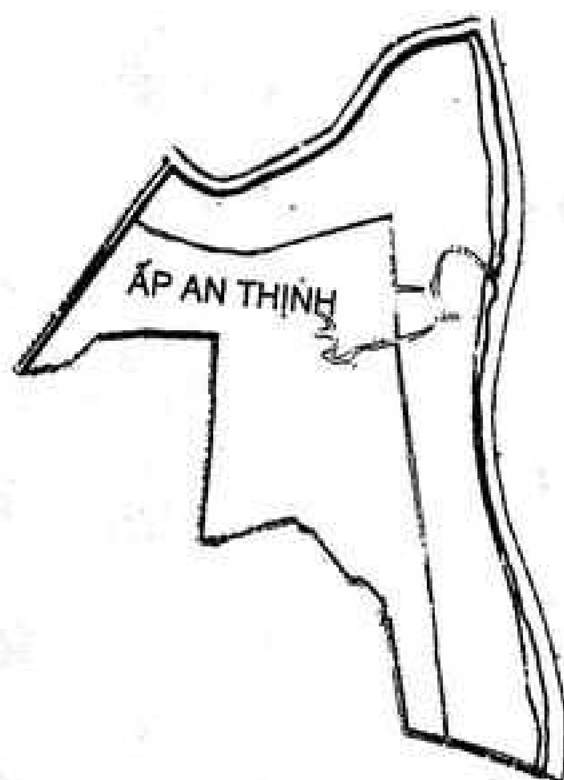
---

[80] *thầy Đoàn Minh Huyên: là người sáng lập tôn giáo Bửu Sơn Kỳ Hương (còn gọi là " Tứ Ân Hiếu Nghĩa"). Ngài tịch diệt tại núi Sam (Châu Đốc). Tín đồ Tứ Ân Hiếu Nghĩa tôn vinh ngài là Phật Thầy Tây An. Những đệ tử của ngài như Đức cố quản Trần Văn Thành, ông Trần Văn Nhu, ông Nguyễn Văn Thới (tức Ba Thới). Đã để lại cho người dân An Giang nhiều dấu ấn trong công cuộc khai hoang và chống thực dân Pháp*

Ấp An Thịnh

Sơ lược về ấp An Thịnh

Ấp An Thịnh được Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang thành lập vào ngày 15 tháng 3 năm 2008. Ấp An Thịnh bao gồm một nửa của ấp An Thái cũ, từ bờ hữu ngạn rạch Cái Nai đến giáp ranh xã Hòa An, cất bớt một phần từ ranh ấp An Bình cũ đến mương Tất (còn gọi là mương Nhà Giảng). Vị trí ấp phía Đông giáp xã Hội An Đông; Tây giáp xã Hòa An; Nam giáp xã Hội An Đông; Bắc giáp ấp An Thái và ấp An Bình.



Diện tích tự nhiên là 126,98 ha. (Đất nông nghiệp: 99,94 ha), số hộ: 367, dân số 1.479 người. *(Thống kê ngày 15 tháng 3 năm 2008)*

Địa danh có: Xẻo Tràm

XẺO TRÀM

Dựa theo chuyện kể của ông Nhan Văn On, sinh năm 1927 ngụ gần vàm Xẻo Tràm.

Trong thời kỳ khai hoang lập ấp, nơi đây thuộc về "An Bình đại" của ấp An Bình, "cựu Hội An thôn". Thời ấy, "An Bình đại" trải dài từ bờ hữu ngạn của vàm rạch Cái Nai, giáp với làng Bình Thành Tây, lên đến xứ Tầm Vu của làng Kiến Thạnh (nay là ấp An Bình của xã An Thạnh Trung). Còn "An Bình tiểu" của ấp An Bình "Cựu Hội An thôn", nằm ở bên kia sông, giáp với làng Tân Bình (nay là ấp An Bình của xã Hội An Đông).

Truyền khẩu kể rằng: Khu vực này là rừng tràm bát ngát chỉ có voi ra sông uống nước. Từ đó, tạo thành một con rạch nhỏ cong queo dài chừng một ngàn mét. Do đất rộng người thưa nên dân cư thưa thớt. Vì thế, mới có tên gọi là Xẻo Tràm (con rạch nhỏ ở rừng tràm).

Từ năm 1950 trở về trước, đường liên xã chỉ là lối mòn của người đi bộ nên cầu tre vẫn còn lắc lẽo qua rạch Xẻo Tràm. Đến thập niên sáu mươi, xe đạp chạy nhiều, con đường cũng được mở rộng thêm đôi chút. Đồng thời, các cầu qua mương rạch cũng được thay thế bằng vạt tre. Sau đó, tất cả đều làm bằng xi măng cốt sắt. Tuy vậy cư dân ở đây chỉ vỏn vẹn có sáu hộ gia đình.

Năm 2003, Nhà nước mở rộng và tôn cao con đường liên xã. Năm 2007, chính quyền địa phương đã xây dựng một trạm cấp nước bên bờ tả ngạn của rạch Xẻo Tràm nhằm đáp ứng nhu cầu nước sạch cho gần ba mươi hộ ở hai bên bờ rạch và cư dân của ấp An Thịnh, dọc theo con đường liên xã.

Ấp An Bình

Sơ lược về ấp An Bình

Ấp An Bình hiện nay gồm hơn một phần ba của ấp An Bình cũ, thuộc bờ hữu ngạn rạch Cái Nai, thêm một phần giáp ranh với ấp An Thái cũ đến mương Tắc.

Vị trí hiện nay là Đông giáp ấp An Thới và ấp An Thái; Tây giáp xã Hòa Bình; Nam giáp ấp An Thịnh; Bắc giáp xã Hòa Bình.



- Diện tích tự nhiên: 237,39ha. (đất nông nghiệp là 213,63 ha), số hộ: 404, dân số: 1.900 người. *(Thống kê ngày 15 tháng 3 năm 2008).*

Địa danh, di tích gồm có:

1. Mương Cai Hùng.
2. Mương ông Mười.
3. Mộ Bà.
4. Rạch Giồng.
5. Rạch Ngã Bát.

MƯƠNG CAI HÙNG

Dựa theo chuyện kể của thầy Phan Văn Thương - Cựu Hiệu trưởng trường Tiểu học cộng đồng Hội An "A" - Hiện đang cư ngụ tại ấp An Bình.

Dựa vào điều kiện khai mở vùng đất An Giang xưa và đặc thù của làng Hội An khi ấy cũng như qua nghiên cứu gia phả, chuyện kể của các gia tộc định cư lâu đời ở đây thì ông Phan Văn Hùng có nhiều thế hệ sinh sống tại đây. Ông làm đến chức cai tổng – là người đứng đầu một tổng, trông coi nhiều thôn, vì vậy ông là người có khả năng điều động đến hàng trăm người đốn cây đào gốc để khai mương. Và tên gọi mương Cai Hùng nhằm tưởng nhớ đến công lao của người chỉ huy khơi nguồn dòng nước ngọt.

Đặc điểm và sự thay đổi của mương Cai Hùng.

Mương cách vàm Cái Nai khoảng 1.000 mét, dài 3.000 mét chảy ngang qua rạch Giồng, theo hướng Bắc An Hòa.

Kể từ khi đào thêm con mương ở phía dưới, cách mương Cai Hùng khoảng 400 mét để mở một ngã thông qua rạch Cái Tây thuộc xã Hòa An và một ngã đi lên miệt thông Lưu thì người đời gọi mương Cai Hùng là mương Trên.

Năm 1986, Nhà nước cho xáng múc rạch Cái Nai để khơi thông dòng chảy, lấy đất để nâng cao mặt lộ và trải đá từ vàm Cái Nai đến lộ chính qua Long Xuyên, chiếc cầu ván bắc ngang mương Cai Hùng bị tháo dỡ để đặt bọng nhằm tiện lợi giao thông.

MƯƠNG ÔNG MƯỜI

Dựa theo chuyện kể của ông Nguyễn Văn Đon, sinh năm 1938, hiện cư ngụ tại mương ông Mười.

Lúc ban đầu là một con lạch đã khô cạn, càng vào trong càng có nhiều chi lưu nằm sâu trong đồng nội.

Thuở ấy, ông Nguyễn Văn Giảng là một phú nông kế thừa sự nghiệp của tổ phụ để lại, ông đã phát triển nuôi trâu thành bầy đàn vừa cày ruộng nhà, vừa để cày thuê trong khu vực. Do cư ngụ gần với lạch cạn ấy, ông thường cùng với người nhà lùa trâu ra ruộng bằng con đường này. Đến khi ông mở rộng trồng cây ăn trái và lên liếp để canh tác hoa màu thì đào sâu thêm làm thành một con mương nhằm lấy nước tưới tiêu trong những ngày khô hạn.

Từ ấy người đời gọi mương bằng thứ của ông là mương ông Mười.

Sự thay đổi của mương ông Mười.

Những năm đầu phát triển làm lúa Thần Nông[81], cư dân ở khu vực này đã lấp kín các chi lưu để làm cho ruộng được phẳng. Sự cào bằng mặt ruộng là một trong những tiêu chuẩn rất cần thiết để làm lúa Thần Nông,

---

[81] *lúa Thần Nông: còn có tên gọi là lúa lùn. Loại lúa giống Hoa Kỳ viện trợ từ những năm 1968. Lúa trồng ngắn hạn (chỉ khoảng chừng từ 90 ngày đến 100 ngày là thu hoạch) năng suất gấp bốn lần lúa mùa. Lúa Thần Nông đòi hỏi kỹ thuật canh tác và công sức lao động nhiều hơn là làm lúa mùa. Giống lúa Thần Nông đầu tiên có tên là IR8*

khác hẳn với việc canh tác lúa mùa[82], chỉ gieo sạ xong chờ ngày gặt lúa.

Năm 1986, xáng múc rạch Cái Nai, đất được đổ lên để nâng cao đường và trải đá mặt lộ. Cũng chính vì lẽ ấy, cầu bắc ngang mương ông Mười đã được tháo dỡ để đặt bọng.

Hiện nay, một số người lớn tuổi vẫn còn quen miệng gọi là mương ông Mười. Lớp trẻ hơn gọi là mương Hai Đon (ông Đon là cháu nội của ông Mười). Bởi lẽ, nhà của ông Đon ở bờ hữu ngạn tại đầu con mương. Cư dân sống ở hai bờ mương đều là hậu duệ của ông Mười.

MỘ BÀ
(Ở CÁI NAI)

Dựa theo truyền khẩu

Từ Chợ Cái Tàu đi Long Xuyên, theo con đường thuộc bờ hữu ngạn của rạch Cái Nai chúng ta đi ngang qua Mộ Bà. Mộ tọa lạc bên lề đường, gần với trường học của ấp An Bình.

Mộ Bà tính đến nay có hơn 150 năm. Đây cũng là di tích thiêng liêng của giáo phái Bửu Sơn Kỳ Hương hay còn gọi là Tứ Ân Hiếu Nghĩa – một tôn giáo lớn và lâu đời nhất của miền sông nước Cửu Long.

---

[82] *Lúa mùa: là tên gọi chung của nhiều giống lúa cổ truyền (đơn cử như giống lúa Nàng Tây) gieo sạ vào mùa mưa và thu hoạch sau mùa nước lũ. Đặc điểm của loại lúa nầy là nước lũ dâng đến đâu lúa sẽ vượt cao hơn đến đó. Thời hạn gieo trồng cho đến khi lúa chín phải mất từ 7 đến 8 tháng (tùy theo giống lúa).*



Mộ Bà ở Cái Nai, trên cổng ghi bốn chữ Hán Nho, đọc từ phải sang trái "Mộ Phi Cổ Tự" là thân mẫu của đức Phật Thầy Tây An. Hàng năm, cứ đến những ngày 28, 29 và 30 tháng Mười âm lịch là ngày lễ vía của bà.

Theo lời kể của tín đồ, mộ Bà là mộ công chúa Ngọc Hân - vợ của vua Quang Trung Nguyễn Huệ (?) Một chi tiết quan trọng nhằm khẳng định sự việc nêu trên là ngôi tam bảo thờ "Trần Điều" có cùng một màu cờ với triều đại của Tây Sơn dựng nghiệp (?). Từ khi lập mộ, chưa có người canh giữ. Vậy mà nơi khu mộ không có cỏ, trâu bò đi ngang qua đều khiếp sợ, chạy hoảng như có người rượt đuổi! Vì vậy dân gian tin tưởng mộ Bà rất linh thiêng!

Năm 1950, nhân dân xây dựng đơn sơ nơi thờ phượng và làm rào chung quanh mộ. Sau đó, đồng đạo tiếp tục trùng tu nơi thờ phượng, xây cổng và làm tường rào kiên cố.

Năm 1996, nhằm năm Bính Tý, đồng bào và đồng đạo lại tiếp tục xây mới toàn bộ nơi thờ phượng. Bà Đặng Thị Tấn, bà Võ Thị Nhanh thay nhau lo việc phượng tự trong mộ Bà.

RẠCH GIỒNG

Là một chi lưu nằm bên bờ hữu ngạn của rạch Cái Nai dài chừng 1.000 mét. Sở dĩ nó ngắn là do một vùng đất cao, rừng rậm chắn ngang. Cũng chính tại đây là lãnh địa của chúa sơn lâm thời chưa mở cõi.

Căn cứ vào tên gọi để xếp theo thứ tự của dòng sông, rạch nước như: Cái Nai, Trà Bư, rạch Giồng chúng ta có thể hình dung rõ nét từng khu vực đã thích ứng với thú rừng cư trú, chẳng hạn như: Ở đầu vàm rạch Cái Nai, xưa kia là một bãi bồi nên có lắm cỏ non, địa thế nơi đây rất thích hợp với loài nai; còn rạch Trà Bư thì có nhiều trâu nước. Và gò cao khô ráo ở rạch Giồng là nơi rừng sâu của hổ huyệt.

***Địa thế của rạch Giồng**

Chỉ một rạch Giồng mà có đến 3 làng hội tụ. Đó là Hội An, Hòa Bình và An Thạnh Trung. Rạch tuy ngắn nhưng tiền nhân của 3 làng đã dầy công khai phá. Sự đoàn kết với quyết tâm san bằng lãnh địa của chúa sơn lâm, biến nơi đây thành đồng ruộng và cây trái trĩu cành.

Đứng tại cầu rạch Giồng nhìn về hướng thành phố Long Xuyên, bờ hữu ngạn là ấp An Bình của xã Hội An, bờ tả ngạn thượng nguồn là ấp An Bình của xã An Thạnh Trung. Cuối rạch là địa phận của xã Hòa Bình.

Vị trí có hình tam giác này là chỗ dung thân cho những tệ nạn xã hội và cũng là nỗi lo của chính quyền 3 xã và nhân dân trong việc bài trừ tiêu cực.

RẠCH NGÃ BÁT[83]

Dựa theo truyền khẩu

Là chi lưu của rạch Cái Nai, rẽ về hướng bên phải gọi là Ngã Bát. Tại đây xưa kia là trung tâm hành chính của làng Hội An trong những năm đầu khai hoang mở ấp.

Căn cứ vào bản đồ địa chính để hiểu về bối cảnh thời ấy. Tiền nhân của chúng ta đã sáng suốt chọn nơi đây làm hậu cứ để định cư phá rừng. Bởi lẽ, khu vực này cả ba hướng như Đông, Tây và Nam đều là sông rạch bao quanh. Địa thế như hình vòng cung, luôn bảo đảm sự an toàn trong việc đề phòng thú dữ. Với sự mong ước cư dân luôn được bình an nên trung tâm khai mở của làng mang tên là An Bình.

Năm 1852, đình thần Hội An và sắc ấn "Bổn Cảnh Thành Hoàng" được thờ phượng tại vàm Ngã Bát. Hiện nay nhằm duy trì nguồn gốc nên hàng năm cứ đến ngày 16 tháng 6 âm lịch, lễ thỉnh rước sắc thần từ nhà ông Võ Văn Chấp ở ấp An Ninh, phải vào tận ngã Bát để làm lễ kính viếng trên nền đình xưa cũ. Sau đó, diễu hành qua các ấp để cho nhà nhà vọng bái, trước khi an vị Sắc Ấn của thần tại đình Hội An ở ấp Thị.

---

[83] Ngã Bát: Nơi dòng sông phân làm hai ngã, hình thể như chữ Hán Nho (đọc là Bát)

PHỤ CHÚ:

DANH SÁCH GIÁO VIÊN 1960 - 1970

(không kể cựu giáo viên của trường)

1. Thầy Lê Ngọc Lưu.
2. Thầy Trần Văn Cống.
3. Thầy Nguyễn Hữu Ích.
4. Cô Trần Hiền Kỉnh.
5. Cô Nguyễn Thị Trà.
6. Thầy Nguyễn Hữu Hạnh.
7. Thầy Phạm Tấn Tiến.
8. Thầy Phan Văn Thương.
9. Thầy Trần Văn Rép.
10. Thầy Nguyễn Văn Cơ.
11. Thầy Nguyễn Thanh Xuân
12. Thầy Thu.
13. Thầy Thọ.
14. Thầy Châu Hoàng Hội.
15. Thầy Diêu Thuận.
16. Thầy Phan Trung Hậu.
17. Cô Văn Thị Hía.
18. Thầy Trần Vĩnh Phúc.
19. Thầy Phan Văn Kềm.
20. Cô Võ Ánh Huệ.
21. Cô Nguyễn Thị Nghi.
22. Cô Lữ Thị Còn.
23. Cô Phan Mỹ Lệ.
24. Cô Phan Thu Thủy.
25. Thầy Hồ Văn Nhựt.
26. Cô Lê Thị Chẩm.
27. Cô Lê Kim Mới.
28. Thầy Nguyễn Thành Gia
29. Cô Trần Thị Bửu.
30. Cô Nguyễn Thị Phỉ.
31. Cô Lê Ngọc Ảnh.
32. Thầy Nguyễn Thừa Chí.

NHỮNG THẦY CÔ LÃNH ĐẠO TRƯỜNG LÀNG HỘI AN

* Trường sơ cấp Tổng : (ÉCole Primaire Élémentaire De Canton) (không được biết)

* Trường Tiểu học Cái Tàu Thượng: [ÉCole Primaire Complémentaire De Cái Tàu Thượng (1920 - 1939)]

- Hiệu trưởng: Thầy Phạm Kim Thinh (1936 – 1939)

* Trường Tiểu học Huỳnh Ngọc Quế: (ÉCole Primaire Complémentaire De Huỳnh Ngọc Quế): 1939 - 1945

- Hiệu trưởng: Thầy Trần Văn Kiết; Thầy Huỳnh Văn Đợi; Thầy Nguyễn Hữu Hằng.

* Điểm dạy sơ cấp: (do quân đội của Đảng phái tổ chức)

- Trưởng giáo: thầy Nguyễn Văn Na (1951 – 1955).

* Trường Tiểu học Cái Tàu Thượng. (Tái thành lập từ năm 1956 -> 1965).

- Hiệu trưởng: Thầy Trần Kỳ Tài (1956 -> 1958); Thầy Ngô Văn Giàu (1958 -> 1963); Thầy Phan Văn Thương (1963 -> 1965).

* Trường Tiểu học Cộng đồng Hội An "A"

- Hiệu trưởng: Thầy Phan Văn Thương (1965->1967); Thầy Phạm Tấn Tiến (1967 -> 1968)

- Xử lý thường vụ: Thầy Châu Hoàng Hội (1968-1969)

- Hiệu trưởng: Thầy Ngô Văn Giàu (1969 – 1970 lưu dụng); Thầy Nguyễn Văn Na (1970 -> 1975).

* Trường phổ thông cấp I Hội An và bổ túc văn hóa.

- Trưởng ban điều hành: Thầy Nguyễn Văn Rô; Thầy Lê Hồng Châu.

- Hiệu trưởng: Cô Lê Thị Kim Xoa; Thầy Nguyễn Thành Long.

- Hiệu phó: Thầy Nguyễn Thành Tài; Cô Nguyễn Thị Phi Phượng.

- Hiệu trưởng: Thầy Nguyễn Thành Tài.

* Trường phổ thông cơ sở "A" Hội An.

- Hiệu trưởng: Thầy Lê Ngọc Lớp; Cô Lê Thị Kim Xoa; Thầy Nguyễn Ánh Việt.

* Trường cấp I "A" Hội A.

- Hiệu trưởng: Cô Nguyễn Thị Cúc.

* Trường Tiểu học "A" Hội An.

- Hiệu trưởng: Cô Nguyễn Thị Cúc; Thầy Võ Văn Thới; Thầy Lê Hữu Phước; Thầy Nguyễn Hữu Phước.

Những người có công xây dựng trường làng Hội An

1. Ông Lê Văn Lộc.
2. Bà Huỳnh Mỹ Hương.
3. Ông Huỳnh Ngọc Nhuận
4. Ông Huỳnh Ngọc Binh.
5. Ông Huỳnh Văn Năm.
6. Ông Lê Văn Bang.
7. Bà Ông Như Hữu.
8. Ông Lê Văn Khâm
9. Ông Lê Văn An.
10. Ông Võ Văn Chấp.

Là những người đang sinh sống tại Hội An hay lập nghiệp ở phương xa nhưng đều có tấm lòng với quê hương, xứ sở đóng góp tiền của, công sức xây cất trường học ngày càng khang trang hơn.

LÃNH ĐẠO LÀNG HỘI AN
QUA CÁC THỜI KỲ

Tương truyền những vị hương cả đầu tiên của Ban Hội tề đều bị cọp vồ mất xác nên không ai dám nhận làm hương cả. Sau đó, hổ thọ ơn một địa chủ họ Phạm đã có công đỡ đẻ và đền ơn một con nai ở trước cửa nhà. Từ đó, con cháu của người họ Phạm đi rừng gặp hổ thì chỉ bị ngửi hơi hoặc liếm tóc.

Vì vậy, dân làng cũng như các thành viên trong Ban Hội Tề đều thống nhất cử con trai của người họ Phạm làm hương cả của làng. Và cứ như thế, truyền cho đến đời ông Tham thần Phạm Văn Hiếu.

Những sự việc nêu trên rất phù hợp với tuổi đời của ông Hiếu. Bởi lẽ, ông chỉ ngoài năm mươi mà đã làm đến chức Tham thần (tức là vị thần sống của làng). Trong khi, Hội An là một làng "cựu" lại có diện tích rộng hơn các làng cùng tổng. Lực lượng hương chức thường thuộc thành phần địa chủ rất đông so với các làng khác. Điều này đã làm cho những thành viên trong Ban Hội Tề phải luôn phấn đấu nhiều năm mới được làm Hương sư. Từ Hương sư để lên Hượng Chủ và Hương cả mới được làm chủ tọa Ban Hội Tề.

Không chỉ là như thế, những cựu Hương cả còn phải bầu để chọn ra Lão làng là Đại Hương cả. Đại Hương cả còn phải tạo nhiều phúc lợi cho địa phương mới xứng đáng được bầu chọn là Kế hiền

Và tột đỉnh của Lão làng là Tham thần. Những nấc thang qua các địa vị ấy, nếu như chức Hương cả không phải là cha truyền con nối và không có đàn em là bộ hạ thì làng Hội An sẽ không có một Tham thần ở tuổi ngũ tuần!

Từ năm 1802 cho đến năm 1868 (chỉ tính riêng ở xứ Nam Kỳ)

- Chức danh lãnh đạo làng trong thời kỳ này là Hội đồng Dịch Mục hay còn gọi là Hội đồng Kỳ Mục

- Trụ sở của làng tại Ngã Bát (nay thuộc ấp An Bình)

- Hương chức lãnh đạo gọi là Trưởng thôn (các thành viên trong Hội đồng Dịch Mục gọi là Dịch mục, riêng cán bộ ghi chép về sổ sách của làng thì gọi là Người Bản thôn)

Thời kỳ đầu Pháp thuộc (1868- 1893)

- Chức danh lãnh đạo làng trong thời kỳ này là Ban Hội Tề

- Trụ sở của làng tại Ngã Bát

+ Tên người lãnh đạo: Hương cả Phạm Văn Hiếu

+ Tóm lược thân thế: Ông sinh năm 1853, tại Ấp Thị, làng Hội An, tổng An Thạnh, huyện Vĩnh An, phủ Tân Thành, tỉnh An Giang. Nơi ông sinh trưởng, cư ngụ và mãn phần nay gọi là mương Hội Đồng. Ông là vị Tham thần duy nhất của làng Hội An. Và cũng chính ông đứng ra chia làng Hội An vào năm 1912.

+ Tên người lãnh đạo làng: Hương cả Bùi Văn Hội

+ Tóm lược thân thế: Ông sinh năm 1842, tại ấp An Quới, làng Hội An, tổng An Thạnh, huyện Vĩnh An, phủ

Tân Thành, tỉnh An Giang (nay là ấp An Thạnh, xã Hội An Đông, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp). Ông là người sáng lập làng Hội An Đông và cũng chính là Tham thần đời thứ I của làng này.

Giữa thời Pháp thuộc 1893-1912

- Chức danh lãnh đạo làng trong thời kỳ này là Ban Hội Tề

- Trụ sở của làng tại vàm Cái Nai

+ Tên người lãnh đạo làng là Hương cả Ngô Văn Dao

+ Tóm lược thân thế: Ông sinh năm 1850, tại ấp An Ninh, làng Hội An, tổng An Thạnh, huyện Vĩnh An, phủ Tân Thành, tỉnh An Giang (nay gọi tên cháu nội của ông là mương Bà Kỷ, thuộc về ấp An Ninh của xã Hội An)

+ Tên người lãnh đạo làng Hương cả Bùi Văn Thận

+ Tóm lược thân thế: Ông là con thứ ba của ông Bùi Văn Hội. Sau khi chia làng, ông trở thành Kế hiền của làng mới và sau đó là vị Tham thần đời thứ hai của làng Hội An Đông.

Thời kỳ chia làng 1912-1927

- Chức danh lãnh đạo làng: Ban Hội Tề

- Trụ sở của làng: vàm kinh Cô Đội (nay gọi là vàm kinh Cựu Hội)

+ Tên người lãnh đạo làng là Hương cả Bùi Qui Ngoạt

+ Tóm lượt thân thế: Ông sinh năm 1859, tại Ấp Thị, làng Hội An, tổng An Thạnh, huyện Vĩnh An, phủ Tân Thành tỉnh An Giang (nay là Chợ Mới, An Giang). Ông là hậu duệ của thái sư Bùi Đắc Tuyên (có họ hàng với

nữ tướng Bùi Thị Xuân), đã bị vua Gia Long cưỡng chế vào Nam khai hoang.

+ Chức danh người lãnh đạo làng là Hương cả Bùi Ngọc Chiếu. Ông là con trưởng của Hương cả Bùi Qui Ngoạt.

Cuối thời kỳ Pháp thuộc 1927-1945

- Chức danh lãnh đạo làng: Ban Hội Tề

- Trụ sở của làng: chợ Cái Tàu Thượng

+ Chức danh người lãnh đạo làng hương cả Lê Thành Sang

+ Tóm lược thân thế: Ong sinh trưởng tại Ấp Thị, làng Hội An, tổng An Thạnh Thượng, quận Cao Lãnh, tỉnh Sa Đéc (nay là huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang), sau này ông làm đến Kế hiền.

+ Chức danh người lãnh đạo làng Hương cả Lê Thành Sự

+ Tóm lược thân thế: Ông cư ngụ tại mương Bà Phú (nay thuộc về Ấp Thị 2). Ông là em thứ bảy của Kế hiền Lê Thành Sang.

+ Chức danh người lãnh đạo làng Hương cả Nguyễn Văn Nhuận

+ Tóm lược thân thế: Ông sinh trưởng và cư ngụ tại rạch La Kết, nay thuộc về ấp An Thuận, xã Hội An.

Thời kỳ chánh quyền cách mạng (1945-1954)

- Tên gọi chính quyền: Ủy Ban nhân dân

- Trụ sở xã: Chùa Bà Lê và những gia đình tham gia làm cách mạng

- Tên người lãnh đạo làng: Chủ tịch Võ Văn Dương

Ông sinh trưởng gần mương Hội Đồng, thuộc ấp An Ninh, làng Hội An

- Tên người lãnh đạo làng: Chủ tịch Lê Ngọc Duẫn (năm On)

Ông sinh trưởng tại mương Bà Phú, thuộc Ấp Thị làng Hội An, cư ngụ tại chợ Cái tàu Thượng. Là con thứ năm của Hương cả Lê Thành Sự.

- Tên người lãnh đạo làng: Chủ tịch Nguyễn Văn Của

Ông sinh trưởng tại ấp An Ninh, làng Hội An

Thời kỳ Đảng phái chánh trị (1950-1954)

- Tên gọi: Văn phòng Tham mưu Đại đội 11
- Trụ sở: Đối diện nhà Lồng chợ Cái Tàu Thượng
- Tên người lãnh đạo: Tham mưu trưởng Trần Quang Ủng

Ông sinh trưởng tại làng Bình Thành Tây (gần chợ Lấp Vò) thuộc tổng An Phú, quận Thốt Nốt, tỉnh Long Xuyên (nay là xã Hoà An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang).

Thời kỳ Việt Nam Cộng Hoà (1954-1975)

- Chức danh lãnh đạo xã 1954-1956: Hội đồng Hương Chính
- Trụ sở: sử dụng lại Văn phòng Tham mưu Đại đội 11

+ Tên người lãnh đạo xã: chủ tịch Trần Lương Hiền

Ông sinh trưởng tại kinh Cựu Hội, thuộc ấp An Phú. Sau đó, cư ngụ tại bến đò qua nhà thờ Rạch Sâu.

+ Chức danh lãnh đạo xã 1956-1967: Hội đồng xã

+ Trụ sở: Văn phòng Tham mưu Đại đội 11

+ Tên người lãnh đạo xã (1956-1960): Chủ tịch Trần Lương Hiền

+ Tên người lãnh đạo xã (1960-1964): Đại diện Nguyễn Văn Lạc (Sáu Nhạc). Ông sinh trưởng và cư ngụ gần đình Hội An

+ Tên người lãnh đạo xã (1964-1967): Đại diện Bùi Văn Hoanh. Ông sinh trưởng tại bến đò Rạch Sâu, cư ngụ tại chợ Cái Tàu Thượng.

+ Chức danh lãnh đạo xã 1967-1971: Ủy Ban Hành chánh

+ Trụ sở: Lộ nhựa cách chợ 100 mét, nay là khu nhà bia tưởng niệm anh hùng liệt sĩ.

+ Tên người lãnh đạo: Chủ tịch Bùi Văn Hoanh

+ Chức danh lãnh đạo xã 1971-1975: Cơ quan chánh quyền

+ Tên người lãnh đạo xã trưởng: Bùi Văn Hoanh

Thời kỳ Mặt trận Dân tộc giải phóng Miền Nam Việt Nam

Đồng khởi 1960, ở Hội An giành được quyền làm chủ, mở lõm được số nơi. Trên cơ sở đó, Đại hội thành lập Mặt trận dân tộc giải phóng xã được tổ chức ở La Kết tuyên bố thành lập Mặt trận dân tộc giải phóng xã, đồng chí Trần Văn Tải được bầu làm chủ tịch Mặt trận xã.

- Chức danh lãnh đạo xã 1960-1975: Mặt trận Dân tộc giải phóng xã

- Người lãnh đạo: Chủ tịch Trần Văn Tải. Ông sinh trưởng tại ấp An Ninh, cư ngụ gần chùa An Phước.

Từ sau ngày đất nước thống nhất (30/4/1975-2008)

- Tên cơ quan: Uỷ ban Quân quản, Uỷ ban nhân dân cách mạng.

- Trụ sở: Tiếp quản cơ quan chính quyền cũ

- Người lãnh đạo: Chủ tịch Ngô Hồng Tươi.

Ông sinh trưởng tại chùa Bà lê, thuộc Ấp Thị, cư ngụ gần chùa *(nguyên là Chánh án của Toà án An Giang, hưu năm 2006).*

- Tên cơ quan: Uỷ Ban nhân dân

- Trụ sở: tiếp tục sử dụng trụ sở của chính quyền cũ

**** Họ và tên Chủ tịch UBND xã từ 1976 đến nay***

- Chủ tịch: Nguyễn Văn Đức. Ông sinh trưởng gần mương Hội đồng, thuộc Ấp Thị, hồi kết sau 30/4/1975. Hiện cư ngụ gần bến đò Cái Tàu đi Bình Tấn.

- Chủ tịch: Lê Văn Thêm. Ông sinh trưởng tại ấp An Khương, gần vàm rạch La Kết

- Chủ tịch: Ngô Văn Sở. Ông sinh trưởng và cư ngụ gần chùa An Phước, thuộc ấp An Ninh.

- Chủ tịch: Nguyễn Đức Hổ. Ông sinh trưởng và cư ngụ gần mương Hội Đồng, ấp An Ninh

- Chủ tịch: Nguyễn Ánh Việt. Ông sinh trưởng và cư ngụ tại ấp An Ninh thuộc về xã Mỹ An Hưng "A" huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng tháp. Hiện nay, ông là Phó Giám đốc Sở Giao thông vận tải tỉnh An Giang.

- Chủ tịch: Lâm Hữu Sơn. Ông sinh trưởng tại rạch La Kết nay thuộc về ấp An Thuận. Hiện cư ngụ gần kinh Cựu Hội của ấp An Phú.

- Chủ tịch: Lê Hồng Tợ. Ông sinh trưởng và cư ngụ tại ấp An Ninh, xã Mỹ An Hưng "A", huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng tháp. Là con của đồng chí Lê Hưng Nhượng, Bí thư Huyện ủy Chợ Mới (1962-1963)

- Chủ tịch: Trần Quốc Tuấn. Ông sinh trưởng và cư ngụ gần chùa An Phước thuộc ấp An Ninh. Là con của ông Trần Văn Tải, chủ tịch Mặt trận dân tộc giải phóng của xã Hội An trong những năm đầu chống Mỹ.

- Chủ tịch: Nguyễn Văn Dư. Ông sinh trưởng tại ấp An Ninh, hiện cư ngụ tại mương Hội Đồng

- Chủ tịch: Nguyễn Đức Hổ (tái nhiệm)

- Chủ tịch: Trần Phước Lộc. Ông sinh trưởng tại ấp An Khương (gần vàm La Kết). Hiện cư ngụ gần trường Trung học cơ sở Hội An.

- Chủ tịch: Đinh Hiếu Trung. Ông sinh trưởng và cư ngụ tại ấp An Ninh (gần mương hành chánh Của)

- Chủ tịch: Phan Nguyễn Tường. Ông sinh trưởng và cư ngụ tại xã Mỹ Luông (gần cột dây thép).

SÁCH BÁO TƯ LIỆU THAM KHẢO

- Hán Việt tự điển của Đào Duy Anh.
- Nghiên cứu Địa bạ triều Nguyễn của Nguyễn Đình Đầu.

Phần Tư Liệu

- Trích dẫn Gia phả họ Nguyễn (Tuyên Trung Hầu) của ông Nguyễn Trường Chấp.
- Chép lại Sắc Thần làng Hội An (âm Hán Nho của ông Võ Văn Chấp).
- Photo bản phiên dịch Sấn Thần làng Hội An (âm Quốc ngữ của sư cô Như Bảo).
- Photo bài vè cháy chợ của cụ Bùi Xuân Hòa.

MỤC LỤC

Chịu trách nhiệm xuất bản:
NGUYỄN HỮU KHÁNH
Chủ tịch QUỸ TIẾP SỨC TÀI NĂNG AN GIANG

Biên tập:
Tiến sĩ NGÔ QUANG LÁNG
Cử nhân NGUYỄN THỊ KIM HUÊ

Biên soạn:
ÔNG KIM KHẢI

Trình bày:
TÔN PHƯỚC HÙNG
HỒ THỊ TRÚC ANH

Chế bản vi tính – sửa bản in:
TRÚC QUỲNH

In 400 cuốn, khổ 14.5 x 20.5cm, tại Công ty CP In An Giang. Giấy phép số 34/GP - STTTT do Sở TT&TT An Giang cấp ngày 18/5/2010. In xong và nộp lưu chiểu tháng 5/2010.


上等大神